

NIỆM PHẬT
TÂM ĐỊA CÔNG PHU

Giảng giải: Hòa Thượng Tịnh Không

Việt dịch: Bửu Quang Tự Độ Tử Như Hòa

THAY LỜI TỰA

Phần đầu của quyển sách nhỏ này vốn là ‘Những bài nói chuyện trong Phật thất ở Dallas’, phần nhì là đáp lời thỉnh cầu của Ngô Khải Pháp Sư, lão Hòa Thượng Tịnh Không từ Singapore trực tiếp dùng mạng internet khai thị cho đồng tu trong Phật thất Dallas. Hai phần này được Cư Sĩ Truyền Tịnh kết hợp lại, chỉnh lý, và thêm những tựa đề nhỏ cho từng đoạn. Vài hàng giải thích và cảm ơn.

Phần thứ ba có tựa đề ‘Truyền Tâm Pháp Yếu’, ghi lại buổi nói chuyện của lão Hòa Thượng với lớp đào tạo nhân tài hoằng pháp kỳ 2, tháng 11, 1996 tại Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba, do Cư Sĩ Nhận Chân chỉnh lý.

A. XÂY DỰNG TÂM LÝ TRONG PHẬT THẤT

a. Sanh tâm ‘Vô trụ’

1. Mục đích của Phật thất

Phật thất là phương pháp tu hành mà hành giả đặt ra kỳ hạn để cầu chứng, nghĩa là đặt mục tiêu phải thành công, trong 7 ngày này phải đạt được ‘nhất tâm bất loạn’ nói trong Kinh A Di Đà. Công phu đến ‘nhất tâm bất loạn’ thường được chia ra ba hạng: thượng, trung, hạ. Công phu mức thượng gọi là ‘Lý nhất tâm bất loạn’ có cùng một cảnh giới với mức ‘Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật’ trong Tông Môn. Kế đó là ‘Sự nhất tâm bất loạn’: đoạn dứt kiến tư phiền não, công phu này tương đương với bậc Tiểu Thừa A La Hán. Mức thấp nhất gọi là ‘Công phu thành phiền’ (thành khối). Rất ít người có thể đạt được công phu mức thượng và mức trung, nhưng ‘công phu thành phiền’ đích thật là ai cũng có thể đạt được.

Trong vòng 24 giờ đồng hồ trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài ra không khởi lên một vọng niệm gì khác, đây gọi là ‘công phu thành phiền’. Từ điểm này chúng ta có thể biết kết thất niệm Phật có mục đích thù thắng như vậy. Giảng khai thị trong Phật thất được gọi là ‘xen tạp, xía vô’, vì giảng khai thị làm cho tâm người ta loạn lên và không đạt được công phu

thành phiến. Tại sao chúng ta không những giảng khai thị trong Phật thất mà còn giảng đến một giờ rưỡi? Nói chung cũng vì lúc dự Phật thất vọng tưởng, tạp niệm của các bạn quá nhiều, đạt không được công phu thành phiến, bắt buộc dĩ phải làm vậy.

2. ‘Đạo’ ở trong sanh hoạt hằng ngày.

Tại sao công phu niệm Phật của mọi người không được đắc lực? Nguyên nhân là vì không nhìn thấu, không buông xả, và cũng vì chưa hiểu rõ được chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Tất cả Kinh Điển Đại Thừa như Lăng Nghiêm, Lăng Già, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều đã thảo luận đến những vấn đề này. Tuy Kinh Kim Cang không dài nhưng nội dung nhất định không kém những Kinh luận Đại Thừa khác, mỗi chữ mỗi câu trong Kinh đều hàm chứa vô lượng nghĩa cho nên Kinh Kim Cang trong Phật Giáo Trung Quốc đã vượt qua ranh giới giữa các tông phái, không kể tu học pháp môn nào hầu như không ai không đọc Kinh Kim Cang.

Sự việc mà Phật pháp truy cầu là trí huệ rất ráo, trí huệ cứu cánh viên mãn. Chỉ có trí huệ mới có khả năng giải quyết tất cả vấn đề, vấn đề lớn như sanh tử luân hồi, thành Phật làm Tổ, vấn đề nhỏ như thân tâm an lạc ngay trong hiện tại. Tâm

thanh tịnh thì thân sẽ thanh tịnh, trăm bệnh không sanh; mỗi năm thân thể càng khỏe và dung mạo trẻ trung thêm.

Trong Phật pháp không kể Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo đều dạy chúng ta đạt được niềm vui ‘pháp hỷ sung mãn’ trong sanh hoạt thường ngày. Vậy thì tại sao đời sống của chúng ta hiện nay lại khổ não như vậy? Nguyên nhân là không có trí huệ. Khi tôi đọc Lục Tổ Đàn Kinh rất ngưỡng mộ Huệ Năng Đại Sư, lúc gặp Ngũ Tổ Ngài nói: ‘Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ’, đủ thấy được Ngài luôn sanh hoạt trong trí huệ; ngược lại chúng ta thì ‘trong tâm đệ tử thường sanh phiền não’, chúng ta luôn sanh hoạt trong phiền não!

Làm thế nào để chuyển phiền não thành Bồ Đề?

Hình dáng của Bồ Đề tức là niềm vui ‘pháp hỷ sung mãn’, tức là trí huệ viên mãn. Kim Cang Bát Nhã là trí huệ viên mãn và rốt ráo nhất. Cho nên ngay đoạn đầu trong Kinh Kim Cang Đức Phật Thích Ca Mâu Ni liền biểu hiện sự đại tự tại, đại viên mãn trong đời sống, dạy cho chúng ta thể hội và học theo. Phần đông các Kinh Điển đều dùng việc Đức Phật phóng hào quang, hiện tướng lành để mở đầu, nhưng đoạn mở đầu trong Kinh Kim Cang Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ‘đắp y, cầm bình bát, đi vào thành Xá Vệ khát thực’. Đây là để nói rõ trí huệ cứu cánh viên mãn vốn là ở trong sanh hoạt hằng

ngày. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đắp y, cầm bình bát, ăn cơm đều là ‘kim cang bát nhã’; từ sáng đến tối, sanh hoạt, làm việc, tiếp xúc với người và việc, tất cả đều là trí huệ cứu cánh viên mãn. Trong Kinh Hoa Nghiêm, những Pháp Thân Đại Sĩ trong 53 lần tham vấn thị hiện làm nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề, tại gia, xuất gia, đời sống của họ đều giống sự thị hiện của Đức Phật Thích Ca trong Kinh Kim Cang, đều sanh hoạt trong trí huệ cứu cánh viên mãn. Đây là sự thọ dụng chân thật mà Phật pháp đem lại cho mọi người, không có gì là mê tín.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thế Tôn nói đến ba thứ chân thật:

1. *‘Chân thật chi tế’ tức là bản tánh chân như, tức là mục tiêu của sự học Phật*

2. *‘Trụ chân thật huệ’ tức là Kim Cang Bát Nhã*

3. *‘Huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi’ (Ban cho chúng sanh lợi ích chân thật)*. Tự mình trụ trong trí huệ chân thật thì mới có khả năng dạy tất cả chúng sanh đạt được trí huệ chân thật. Chúng ta phải làm ra hình tướng tốt cho người ta thấy, làm cho người ta cảm động, muốn học và bắt chước, làm cho họ cũng có thể đạt được đời sống viên mãn trí huệ giống như chư Phật, Bồ Tát, đó tức là ‘huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi’.

Chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở thế gian làm gương tốt nhất cho chúng sanh, chúng ta noi theo các Ngài mà học tập, như vậy gọi là ‘học Phật’. Cùng một đạo lý này, làm một đệ tử của Phật, khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, hành vi trong đời sống chúng ta đều phải làm gương tốt cho tất cả mọi người. Phật pháp không phải dùng để đàm huyên thuyết diệu mà phải áp dụng vào sự sanh hoạt thường ngày. Nguyên nhân chúng ta học Phật mà không đạt được thọ dụng lợi ích của Phật pháp, khuyết điểm của chúng ta là ‘không buông xả’ và ‘không nhìn thấu’. Giống như lão Hòa Thượng Hư Vân trong Thiền Tông cận đại, Đại Sư Ấn Quang trong Tịnh Tông, những gì họ thị hiện hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc tu học dạy trong Kinh Kim Cang. Sau khi nghe hai câu ‘*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*’ (nên không trụ vào đâu để sanh cái tâm ấy) trong Kinh Kim Cang, Lục Tổ Huệ Năng liền khai ngộ; thiết ra mỗi chữ mỗi câu trong Kinh đều quan trọng như hai câu này.

Chúng ta học Phật rốt cuộc là để làm gì?

Học cái gì?

Đạt được cái gì?

Thường thường phản tỉnh như vậy thì mới có cơ hội giác ngộ, không những phải vượt hơn Lục Tổ, mà còn phải vượt ra khỏi thập pháp giới. Nếu không phản tỉnh thì cứ tiếp tục mê

hoặc và kẹt mãi trong sáu nẻo luân hồi. Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy: *‘Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước nên không chứng được’*, đây là một lời nói chỉ rõ nguồn gốc của thập pháp giới. Khởi vọng tưởng làm ‘Nhất Chân Pháp Giới’ biến thành thập pháp giới; có chấp trước thì tạo thành lục đạo luân hồi. Vì vậy phá chấp trước sẽ ra khỏi lục đạo; đoạn dứt vọng tưởng sẽ ra khỏi thập pháp giới.

‘Tam Quy Y’ là tổng cương lĩnh, mục tiêu chung của sự học Phật. ‘Quy’ nghĩa là quay lại, ‘y’ nghĩa là nương vào, ‘Phật’ nghĩa là ‘giác’. Từ trong mê hoặc điên đảo quay lại nương nhờ vào ‘giác’, từ đây về sau luôn ‘giác mà không mê’ tức là ‘quy y Phật’. Pháp nghĩa là chánh tri chánh kiến (*sự hiểu biết, cái nhìn đúng đắn*), từ tất cả tà tri tà kiến (*sự hiểu biết, cái nhìn sai lầm*) quay lại nương vào tri kiến Phật tức là ‘quy y Pháp’. Tăng có nghĩa là thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh một mảy trần cũng không nhiễm. Hiện nay chúng ta thường nói đến tâm lý, tinh thần, tư tưởng, và kiến giải ô nhiễm, thậm chí đến sinh lý, hoàn cảnh ô nhiễm, chúng ta từ trong tất cả nhiễm ô quay lại nương vào thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì thân thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh thì hoàn cảnh sẽ thanh tịnh. Đó mới là ‘quy y Tăng’.

Phật pháp dạy chúng ta tu cái gì?

Tu ‘giác, chánh, tịnh’.

Dùng phương pháp gì để tu?

Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn.

‘Pháp’ là phương pháp, môn là lối vào; vô lượng vô biên phương pháp đường lối đều tu ‘giác, chánh, tịnh’. Nếu phương pháp đường lối nào đó không có tu ‘giác, chánh, tịnh’ mà ngược lại là ‘mê, tà, nhiễm’ thì đó không phải là Phật pháp. Nếu mỗi ngày chúng ta sinh hoạt, làm việc, tiếp xúc với người và sự việc mà không tương ứng, phù hợp với giác, chánh, tịnh thì pháp chúng ta học không phải là chánh pháp.

Kinh Kim Cang nói: *‘Chánh pháp còn phải xả, hướng hồ là phi pháp’*. Pháp thế gian do nhân duyên sanh, duyên khởi tánh không; Phật pháp cũng do nhân duyên sanh, cũng là *‘đương thể giai không, liễu bất khả đắc’* (bản thể đều là không, không thể nào nắm lấy được). Đây là điều mà Đức Phật dạy chúng ta đừng nên chấp trước thế pháp và Phật pháp, ‘Ung vô sở trụ’, ‘trụ’ tức là chấp trước. Nhưng không phải dạy người ta ‘không nên chấp trước thế pháp, rồi chấp trước Phật pháp’. Trong Kinh nói rất rõ ràng, Phật pháp cũng không được chấp trước, cũng phải buông xả. Hôm nay tại sao chúng ta không

thê buông xả? Vì không hiểu rõ chân tướng sự thật. Đời sống của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vô cùng tự tại siêu thoát, nguyên nhân là vì đối với tất cả các pháp Ngài có thể làm được ‘*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*’ (nên không trụ vào đâu để sanh cái tâm ấy). Chúng ta học Phật, học Bồ Tát thì phải học cho tâm thanh tịnh, một tí bụi cũng không nhiễm; khi tiếp xúc với mọi cảnh giới đều phải có trí huệ viên mãn, sanh hoạt được tự tại là pháp hỷ sung mãn, có thể làm cho người khác hâm mộ. Mỗi ngày Đức Thế Tôn đều biểu diễn như vậy, chưa từng gián đoạn, nhưng chưa có ai đề cập đến chuyện này.

Một hôm giữa đám đông, tôn giả Tu Bồ Đề tán thán Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ‘Hiêm có, Thế Tôn’. Pháp giới cứu cánh viên mãn của Thế Tôn đã tu chứng được từ lũy kiếp (A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ Đề) vốn là được dùng trong sanh hoạt thường ngày: mặc áo, ăn cơm; từng ly từng tí đều là ‘Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác’, và cũng là ‘Trí huệ Vô Thượng, rốt ráo, cứu cánh, viên mãn’. Điều này mới thật sự là hiêm có!

Ngài Tu Bồ Đề nói tiếp: ‘*Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát*’. Bồ Tát là học trò. Đức Phật làm sao hộ niệm học trò? Bằng cách làm gương mẫu cho học trò thấy, để học trò thể nghiệm, học tập, thực hiện trong đời

sống. Đây là sự hộ niệm và phó chúc thật sự. Phó chúc có nghĩa là giao trọng trách, nhấn nhủ. Quý vị hiểu rõ, làm được rồi, lại phải dạy và làm gương tốt cho tất cả chúng sanh, hy vọng mọi người đều giác ngộ, ai cũng sống một cuộc đời chân thật, mỹ mãn, trí huệ; đây là bốn nguyện của Đức Phật.

Chư Phật, Bồ Tát ở trong thế gian không nhất định phải thị hiện làm Pháp Sư hay Cư Sĩ trong Phật môn, mà cũng thường thị hiện làm người trong Tôn Giáo khác. Thắng Nhiệt Bà La Môn và Biền Hành Ngoại đạo trong Kinh Hoa Nghiêm đều là các người lãnh đạo Tôn Giáo. Những nguyên lý và nguyên tắc dạy dỗ chúng sanh của họ không khác với những gì Phật dạy, nhưng phương pháp không giống nhau. Họ là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa thị hiện, như trong Kinh có nói: *‘Tuỳ tâm chúng sanh, mà ứng hoá theo tri lượng như vậy’*. Thật là vĩ đại!

Ngày 1 tháng 2 năm nay, Cục trưởng Cục Sự Vụ Dân tộc Thiểu Số ở Queensland, Úc Châu, ông Uri Themal OAM tổ chức một buổi luận đàn ‘Đa Nguyên Văn Hóa’ ở Queensland và mời tôi đến nói chuyện. Mục đích của buổi luận đàn này vô cùng quý báu, theo cái nhìn của Phật pháp thì người này là Phật, Bồ Tát. Ông này là người Do Thái, nhập tịch Úc, theo đạo Do Thái. Mục đích của buổi họp ‘Đa nguyên văn hoá’ là

hy vọng tập hợp tất cả Tôn Giáo trên Thế Giới lại với nhau và thảo luận làm thế nào để đoàn kết, làm thế nào để xoá bỏ sự cách biệt giữa mọi chủng tộc, bồi cảnh văn hoá, và Tôn Giáo tín ngưỡng khác nhau. Vì ngày nay chính phủ Úc có chính sách mở rộng, mọi người từ khắp nơi trên Thế Giới di dân đến Úc càng ngày càng nhiều, làm sao có thể sanh hoạt hài hoà với nhau, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, để đạt đến mục đích xã hội phồn vinh, an định, hưng thịnh, phú cường. Điều này là quan niệm của Phật, Bồ Tát trong việc hoằng pháp lợi sanh.

Hôm đó tôi họp mặt cùng với người lãnh đạo của 14 đoàn thể Tôn Giáo, tôi khen ngợi họ là những Bồ Tát thật sự, hoàn toàn buông bỏ thành kiến cá nhân để mưu cầu cho xã hội an định, hạnh phúc thực sự cho mọi người. Tôi hy vọng cuộc đàm luận này có thể mở rộng đến mọi thành phố, và hy vọng có thể phát triển đến khắp mọi nơi trên Thế Giới. Mục tiêu của buổi họp là hoà bình Thế Giới. Tuy nhiên hoà bình không phải chỉ dùng miệng hô hào là được, nhất định phải tiêu trừ hết tất cả những mối hiềm khích lẫn nhau, ý kiến khác nhau; tìm ra điểm tương đồng giữa quan niệm của mọi người. Thí dụ trong các Tôn Giáo có nói đến ‘Chúa thương yêu người đời’, nói đến ‘bác ái’, trong Phật pháp nói đến ‘từ bi’, đây là điểm tương đồng.

Tất cả mọi Tôn Giáo đều có điểm tương đồng, chúng ta tạm thời gạt những điểm dị biệt qua một bên, phát huy những điểm tương đồng trước, từ điểm này xây dựng sự hiểu biết lẫn nhau. Kinh Phật thường nói vạn pháp đều từ ‘Tự tánh biến hiện’ ra, không có đạo lý ‘không thể dung hoà lẫn nhau’. Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘*lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*’, đây là chân lý. Nếu có trí huệ, tất cả những sự cách biệt, hiểu lầm đều có thể hoá giải, Thế Giới, nhân sanh đều biến thành tốt đẹp.

3. Làm thế nào ‘an tâm đoạn vọng’

Tôn giả Tu Bồ Đề trong hội giảng Kinh Kim Cang Bát Nhã nhìn thấy sanh hoạt, việc làm, cách đối người, tiếp vật đều là ‘Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật’, nghĩa là ‘trí huệ cứu cánh viên mãn’, và cũng là ‘A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ Đề’ (*A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ Đề nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*). Vì thế Ngài hỏi Đức Phật: ‘*Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ Đề*’. ‘Thiện nam tử, thiện nữ nhân’ ở đây chỉ các bạn đồng học. Điểm này vô cùng trân quý các bạn đồng học phát tâm rồi, nhưng không thể làm được tự tại rốt ráo như Đức Phật. Nguyên nhân ở tại chỗ nào?

Ngài Tu Bồ Đề vô cùng khéo léo, thay mặt mọi người nêu ra hai câu hỏi, hỏi đúng ngay chỗ bí, chỗ gút mắc của mọi người, câu hỏi thứ nhất là:

‘Ung vân hà trụ’ (Nên trụ ở đâu), câu thứ nhì:

‘Vân hà hàng phục kỳ tâm’ (Làm sao để khuất phục tâm này?)

Câu thứ nhất, không biết phải an trụ tâm ở đâu?

Câu thứ hai, vọng niệm vọng tưởng quá nhiều, làm sao để đoạn dứt?

‘Hàng phục kỳ tâm’ tức là *‘khuất phục phiền não’*. Từ điểm này có thể biết, không biết nên an trụ tâm ở đâu tức là vọng tưởng, ý niệm quá nhiều, tất cả đều là phiền não. Thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn (*kiêu mạn, kiêu căng*) là ‘vọng tưởng, chấp trước’ nói trong Kinh Hoa Nghiêm. *‘Ung vân hà trụ’* là dạy người ta giải quyết dẹp trừ vọng tưởng; *‘vân hà hàng phục kỳ tâm’* nghĩa là làm sao phá trừ chấp trước. Nếu hai vấn đề này được giải quyết thì có thể vượt ra khỏi mười pháp giới, như vậy mới biết ý nghĩa của của câu hỏi này vô cùng sâu rộng, nghệ thuật hỏi cũng rất cao minh.

Hai câu hỏi này thực ra là hai mặt của một vấn đề, Đức Phật trả lời cụ thể rằng Bồ Tát làm thế nào để khuất phục tâm

này. Phật dạy Bồ Tát, tức là dạy chúng ta. *‘Sở hữu nhất thiết chúng sanh chi loại...., ngã giai linh nhập Vô Dư Niết Bàn nhi diệt độ chi’* (Tất cả mọi loài chúng sanh..., ta đều khiến cho nhập vào Vô Dư Niết Bàn hòng diệt độ), nếu có thể sanh tâm như vậy tức là tâm Phật, tức là chân tâm. Chúng ta phải có tâm niệm giống như chư Phật, Bồ Tát; Phật dạy chúng ta dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi để đối xử với tất cả chúng sanh. Kinh nói: *‘Phật không độ người chẳng có duyên’*, chịu tiếp nhận dạy dỗ tức là có duyên, không tiếp nhận tức là chẳng có duyên. Trong nhà Phật không bỏ một người nào cả, chư Phật, Bồ Tát chân thành từ bi, sẽ không buông bỏ một người nào cả; vấn đề là chúng ta có chịu y theo lời dạy mà thực hành hay không? Khi chúng ta giúp đỡ chúng sanh không chỉ giúp đỡ họ trong một thời gian ngắn mà phải giúp họ đạt đến cứu cánh rốt ráo, tức là *‘đều giúp cho nhập vào Niết Bàn Vô Dư rồi diệt độ’*. Nói một cách khác phải luôn luôn giúp đỡ chúng sanh chứng được *‘Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác’*, câu này là để dạy chúng ta *‘nhi sanh kỳ tâm’* (để sanh cái tâm ấy).

‘Sanh tâm’ phải ‘vô trụ’ mới được, nên Đức Phật nói tiếp: *‘Như thị diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thực vô chúng sanh đắc diệt độ giả’* (Độ vô lượng vô số chúng sanh nhiều như vậy nhưng thực sự không có chúng sanh được diệt

độ). Tâm của Phật, Bồ Tát thanh tịnh như thế! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mặc áo chỉnh tề, sạch sẽ, không trước tướng; trì bát khát thực mỗi ngày, ăn uống cũng không chấp tướng. Hết thảy lời nói, hành động, cử chỉ đều để làm gương cho tất cả chúng sanh, trong tâm trống rỗng, cho đến mây trần chẳng nhiễm, nhất định không có tí phân biệt chấp trước gì cả. Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh hoàn toàn không nghĩ rằng mình ban ân huệ cho họ, nên mới gọi là ‘vô duyên đại từ’. Vô duyên nghĩa là không đặt điều kiện. Như vậy mới biết được chỗ cao cả, vĩ đại của chư Phật, vì tâm lượng của các Ngài đã mở rộng, tận hư không khắp pháp giới đều là một thể cả. Vì tất cả chúng sanh và mình đều là một thể cho nên người thực sự giác ngộ nhất định sẽ từ bi, thương yêu chăm sóc vô điều kiện cho tất cả chúng sanh. Nhưng chúng sanh mê hoặc điên đảo không biết tận hư không, khắp pháp giới đều là một, cho rằng người khác không có liên can gì với mình, mình tốt đẹp là được rồi, lo cho người khác làm gì.

Thế Tôn đặc biệt nhắc nhở chúng ta: *‘Nếu Bồ Tát có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tức không phải là Bồ Tát’*. Ngài dùng câu này để dạy chúng ta lìa bốn tướng và cũng là lìa tất cả pháp tướng thế và xuất thế gian. ‘Ngã tướng’ là chấp trước ‘tôi’, cứ tưởng thân này là của mình, cứ tưởng cái có thể tư duy, tưởng tượng là tôi. Thiệt ra

đó là ‘tứ kiến’ (ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến) và đem những thứ này xem là ‘tôi’, đây là nguyên nhân của tất cả sai lầm. Những gì đối lập với ‘tôi’ đều xưng là ‘người’ (nhân); tất cả chúng sanh hữu tình trong chín pháp giới đều ở trong phạm vi ‘người’ này. Thế mới biết phạm vi của ‘nhân tướng’ (tướng người) vô cùng rộng lớn, chư Phật, Bồ Tát cũng dùng ‘người’ làm đại biểu.

Đức Phật nói với chúng ta tất cả hiện tượng thế gian và xuất thế gian, y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới (người thế gian dùng danh từ ‘vũ trụ vạn hữu’) từ đâu đến? Hình thành ra sao? Diễn biến như thế nào? Phật nói là do: *‘Chúng duyên hoà hợp nhi sanh’* (do các nhân duyên hoà hợp mà sanh ra), tức là ‘tướng chúng sanh’. Vì do các nhân duyên hòa hợp mà tạo thành, hàm ý thật sự trong đó là *‘không có tự thể’*, *‘đương thể giai không, liễu bất khả đắc’* (bản thể của nó là không, trọn chẳng thể nắm lấy) tướng hữu, thể không, liễu bất khả đắc (Tướng thì có, nhưng bản thể là không, trọn chẳng thể đạt được). ‘Thế pháp’ (pháp thế gian) là do nhiều nhân duyên hợp lại mà sanh ra, Kinh Bát Nhã nói ‘duyên khởi tánh không’; ‘Phật pháp’ cũng là ‘duyên khởi tánh không’, trong chân tâm bản tánh không có Phật pháp. Lục Tổ nói rất hay: *‘Bổn lai vô nhất vật’* (vốn chẳng có một vật), Phật

pháp cũng là một vật, vốn cũng không có. Thế mới biết hàm ý của ‘chúng sanh tướng’ sâu xa vô cùng!

‘Thọ giả tướng’ chỉ thời gian tồn tại dài ngắn của các hiện tượng. Kệ cuối cùng trong Kinh Kim Cang nói:

‘Nhất thiết hữu vi pháp (Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bào ảnh, Như mộng huyễn, bọt, ảnh,
Như lộ diệt như điện Như sương cũng như chớp
Ứng tác như thị quán’ Nên quán sát như vậy)

‘*Như mộng, huyễn, bọt, ảnh*’ tức là chúng sanh tướng; ‘*như sương cũng như chớp*’ tức là thọ giả tướng, thời gian nó tồn tại rất ngắn như giọt sương, như ánh chớp. Sương thí dụ cho tướng tương tục (tướng tiếp nối), người ta trên thế gian có thể sống được mấy chục năm, thí dụ ‘*như sương*’. Điện chớp thí dụ cho ‘tướng chân thật’. Trong Kinh ‘Nhân Vương Bát Nhã’ Đức Phật nói ‘*một cái khủy ngón tay có 60 sát na, một sát na có 900 lần sanh diệt*’, tức là ‘*như chớp*’. Hiện tượng đích thật không tồn tại, từ ‘chúng sanh tướng’ và ‘thọ giả tướng’ liền hiểu rõ được chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh, mới hiểu được ‘*đương thể tức không, liễu bất khả đắc*’ (*bản thể của nó đều là không, chẳng thể đạt được*). Thế

nên kết luận là ‘*vạn pháp giai không, nhân quả bất không*’ (*vạn pháp đều là không, nhân quả chẳng không*).

4. Vạn pháp là tương tương tục (tiếp nối) của nhân quả

Nhân quả cũng ở trong vạn pháp, tại sao nói nhân quả chẳng không? Nhân quả là căn nguyên của hiện tượng năng biến; ‘nhân’ là năng biến (*chủ thể thực hiện động tác biến hiện*), ‘quả’ là sở biến (*cái được biến hiện ra*). Tại sao có mười pháp giới? Có ‘nhân’ của Phật, thì sẽ hiện pháp giới Phật; có ‘nhân’ Bồ Tát thì sẽ hiện pháp giới Bồ Tát. Cùng nghĩa lý này, có ‘nhân’ nạ quý thì sẽ hiện ra pháp giới của quý; có ‘nhân’ địa ngục thì sẽ hiện pháp giới địa ngục. Những hiện tượng này đều là tự tâm biến hiện ra. Cũng như mỗi ngày nằm mộng, toàn là do ý niệm của mình biến hiện, cũng là tâm ý thức biến hiện ra. Tâm địa lương thiện, từ bi thì mỗi ngày đều nằm mộng tốt lành; mỗi ngày từ sáng đến tối đều tham, sân, si, mạn, đố kỵ chướng ngại thì mỗi ngày đều có ác mộng. Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là hiện tượng do tự tánh tùy theo duyên của nghiệp nhân biến thành. Từ điểm này có thể biết: **‘tất cả vũ trụ nhân sanh đều là tương tiếp nối của nhân duyên quả báo biến thành’** mà

thôi. Sau khi nhìn thấy và hiểu rõ như vậy thì tại sao không buông xả chứ? Đối với tất cả người ác, nghịch cảnh, tự nhiên có thể nhìn thấu, tự nhiên có thể buông xả. Vì hiểu được tất cả hiện tượng đều là nghiệp nhân quả báo tiếp nối liên tục, bản thể của nó đều là không, không thể nắm giữ lấy được. Lúc đó trí huệ chân thật hiện ra, tâm đó nhất định phải chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác, từ bi, hết thấy đều biểu hiện trong sanh hoạt như lời của Lục Tổ: *‘Nếu là người tu đạo chân chánh, không nhìn thấy lỗi lầm của thế gian’*, chỉ nhìn thấy sự sanh diệt từng sát na của tướng nhân quả tiếp nối.

Nhất Chân pháp giới (Thật Báo độ) là nơi chư Phật Như Lai trụ và cũng từ tự tánh biến hiện ra. Tâm thanh tịnh, tâm thuần tịnh biến ra cảnh giới ‘Thật Báo Độ’. Tâm thanh tịnh nhưng không thuần tịnh biến hiện ra ‘Tứ Thánh Tịnh Độ’. ‘Tứ Thánh’ là pháp giới Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác trong mười pháp giới. Tâm không thanh tịnh thì biến thành báo độ của lục đạo, thế mới biết tâm chúng ta là nhiễm mà không tịnh vì *chúng ta đang ở trong lục đạo*.

Phân biệt, chấp trước bốn tướng thì không phải là Bồ Tát. Tiêu chuẩn của Bồ Tát rất nhiều, nếu chúng ta đã thọ giới Bồ Tát, thì hiểu mình là Bồ Tát cũng không sai, nhưng như vậy chưa đúng với tiêu chuẩn Bồ Tát của Kinh Kim Cang.

Tiêu chuẩn Bồ Tát của Kinh Kim Cang cũng tức là tiêu chuẩn của Kinh Hoa Nghiêm, 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ đều là Bồ Tát đã vượt ra khỏi mười pháp giới. Thế nên trong câu *‘nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng’* thêm vào vài chữ liền rõ ràng, *‘tức không phải Bồ Tát (trong Nhất Chân pháp giới)’*.

Trong mười pháp giới có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Phật nói ở đây cũng không bằng Bồ Tát nói trong Kinh Kim Cang (còn chưa vượt ra khỏi mười pháp giới). Tông Thiên Thai giảng tứ giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên. Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật đều ở trong mười pháp giới, chưa minh tâm kiến tánh, một phẩm vô minh cũng chưa phá trừ. Biệt Giáo Phật vượt khỏi mười pháp giới, bằng địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát của Viên Giáo, đã phá trừ 12 phẩm trong 41 phẩm vô minh.

Nếu hiểu rõ chân tướng sự thật thì có thể nhìn thấu; sau khi nhìn thấu rồi thì tự nhiên sẽ buông xả, không cần người khác khuyên. Nếu không nhìn thấu, khuyên cách nào cũng chẳng được. Trong tâm không có những nỗi niềm âu sầu, nhớ nhung, lo lắng, mới thật sự thông dong tự tại, mới đúng là đáng sống. Đức Phật dạy chúng ta nguyên lý và nguyên tắc của đời sống: *‘Bồ Tát ư pháp, ưng vô sở trụ, hành ư bố thí’*

(*Bồ Tát đối với tất cả các pháp không nên chấp trước, nên làm việc bố thí*). Phạm vi của bố thí rất rộng, tức là như người ta thường nói: ‘lấy được, buông được’. ‘*U pháp ung vô sở trụ*’ là thế pháp, Phật pháp cũng ‘vô sở trụ’. ‘Vô trụ’ nghĩa là không chấp trước. Đối với thế pháp, Phật pháp đều không phân biệt, không chấp trước, tức là ‘ung vô sở trụ’. Ngày nay chúng ta không hiểu rõ chân tướng, chuyện gì cũng phân biệt, tính toán, đương nhiên sẽ phải chịu khổ nạn.

Trong Kinh Đức Phật nói rất rõ, Kinh Kim Cang không phải nói cho người tầm thường, mà là để nói cho người căn tánh Đại Thừa, tối thượng thừa (*‘vi phát Đại Thừa giả thuyết, vi phát tối thượng thừa giả thuyết’*). Chỉ có người căn tánh Đại Thừa, tối thượng thừa, căn tánh viên đôn, ngay một đời này liền giải quyết rốt ráo vấn đề, không cần phải tu 3 a tăng kỳ kiếp.

5. Đoạn ác tu thiện trong đời sống

Người tu theo Đại Thừa phải giữ gìn nguyên tắc, đối với tất cả các pháp đều không phân biệt, chấp trước, nhưng phải thực hành ‘*đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện*’ và bắt đầu từ việc mặc áo, ăn cơm. Không giặt quần áo sạch sẽ là ‘ác’; tại sao không giặt sạch sẽ? Không xếp quần áo chỉnh tề là ‘ác’? Tại

sao không xếp chỉnh tề? Không lau bàn sạch sẽ là ‘ác’; không bày chén đĩa ngăn nắp lúc ăn cơm là ‘ác’.

Ngày nay chúng ta học Phật, đối với cha mẹ chưa làm hết bổn phận là ác; gia đình không thể làm gương tốt cho láng giềng cũng là ác. Làm gương tốt cho con cái là thiện; hình dáng không tốt tức là ác; Đoạn ác tu thiện bắt đầu từ những việc này, đó mới là học Phật thực sự. Nếu tách rời việc đoạn ác tu thiện ra khỏi đời sống hằng ngày thì chẳng có ích lợi chi cả, người như vậy đúng là ‘không hiểu rõ chân thiết nghĩa của Như Lai’.

Một người từ lúc sanh ra đến lúc lìa đời, từ sáng đến tối, từng ly từng tí, hai chữ ‘bồ thí’ bao gồm hết thảy. Ý nghĩa của ‘hành ư bồ thí (*làm việc bồ thí*)’ rất sâu rộng, làm thế nào biến đời sống của mình thành kim cang bất nhã, đem công việc, giao tiếp với người và sự việc làm giống như Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát không phải để cúng ở Phật Đường, Phật, Bồ Tát tức là bản thân mình, như vậy mới là học Phật, trong Phật pháp người này mới đạt được sự thọ dụng chân thật.

b. Áo tướng của duyên sanh, đương thể tức không

1. Bồ thí vô trụ

‘*Ung vô sở trụ, hành ư bố thí*’. Tuy ngôn ngữ ngắn gọn, nội dung lại vô cùng sâu xa. Hai câu này không những dạy chúng ta làm người, mà còn bao gồm đời sống mỹ mãn của chín pháp giới chúng sanh. Nếu có thể y giáo phụng hành, thật sự làm được thì người này là Bồ Tát, là học trò chân chánh của Đức Phật, đệ tử của Như Lai.

Ý nghĩa của ‘bố thí’ là ‘xả’. Thí dụ người nội trợ từ sáng đến tối bận việc gia đình, nếu hiểu được Phật pháp thì là tu ‘Bồ Thí Ba La Mật’.

Loại bố thí này vô cùng rộng lớn, đừng tưởng là mình chỉ phục vụ cho vài người trong nhà, tâm lượng như vậy quá hạn hẹp, nhãn quang quá nhỏ, chỉ nhìn thấy một chút này mà không biết ảnh hưởng của nó bao lớn. Làm những việc trong nhà này đòi hỏi thể lực; khi suy nghĩ nên làm thế nào thì phải dùng trí huệ, thân và tâm đều làm việc bố thí. Chăm sóc đời sống cho cả nhà được thoải mái, đó là hành Bồ Tát Đạo. Gia đình như thế là một đạo tràng, người nhà là đối tượng để bạn độ hóa.

Kinh Hoa Nghiêm nói bố thí gồm có ‘ngoại tài’ và ‘nội tài’. Lao lực và trí huệ thuộc về nội tài; những vật ngoài thân thuộc về ngoại tài. Nội tài và ngoại tài đều nên xả. Cho nên mỗi ngày đi làm, làm công việc của mình cho đến nơi đến

chỗ là bổ thí cho công ty; công ty phục vụ cho đại chúng là bổ thí cho xã hội. Như vậy mới biết việc này cũng giống như những làn sóng trên mặt nước. Liêng một cục đá xuống nước tạo thành những làn sóng hình tròn, càng lan rộng càng lớn. Gia đình cũng giống vậy, một gia đình hạnh phúc sẽ ảnh hưởng đến láng giềng, xã hội, quốc gia, Thế Giới, Phật dạy chúng ta làm một gương tốt cho mọi người trong thế gian này: gia đình chúng ta là gương tốt cho mọi gia đình, công ty là một công ty tốt nhất, gương mẫu cho mọi công ty trên Thế Giới, thế mới là Phật pháp. Trong Phật pháp thứ nào cũng hạng nhất cho nên Phật pháp rất bình đẳng.

Pháp môn tu hành của 25 vị Bồ Tát trong 25 Chương Viên Thông của Kinh Lăng Nghiêm đều khác nhau, nhưng pháp môn nào cũng là hạng nhất. Đây là *'chư pháp như nghĩa'*, nghĩa là *'các pháp bình đẳng, không có cao thấp'* nói trong Kinh Kim Cang. Có cao thấp tức không phải là Phật pháp, có cao thấp tức là *'nhị pháp'*, Phật pháp là pháp bất nhị (pháp không hai). Nghĩa lý của việc này sâu rộng vô cùng, trong Kinh Đức Phật nói đến việc này rất nhiều, rõ ràng, và minh bạch.

Tu bổ thí là tu nhân, nhân nhất định có quả báo, cho nên *'nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định'* (một miếng ăn một

miếng uống đều có định sẵn từ trước). Vận ‘Mạng’ từ đâu đến? Từ nhân đã tạo ở đời trước, đời này nhận lấy quả báo. Nhân quả nhất định tương ứng lẫn nhau, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Trồng nhân gì thì sẽ được quả báo đó. *Muốn biết nhân tạo đời trước, những gì mình nhận chịu đời này là nó (nhân đời trước). Muốn biết quả đời sau, những gì mình làm đời này là nó (quả đời sau)*. Đây là chân lý.

‘Thế gian’ là ‘tương tương tục, tiếp nối của nhân duyên quả báo’ mà thôi, cho nên trong Kinh Đức Phật nói ‘*Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*’. Bồ Tát là người giác ngộ, chúng sanh là người mê hoặc. Người mê không sợ tạo nghiệp, khi quả báo hiện ra thì mới sợ; người giác ngộ không sợ quả báo, quả báo vừa đến, khó khăn trở ngại đến thì tùy thuận theo mà nhận chịu. Khi khởi tâm động niệm, đối xử với người và tiếp xúc với mọi vật đều không khởi tâm niệm ác, ý nghĩ ác, được vậy thì quả báo nhất định sẽ tốt lành, viên mãn. Niệm niệm đều vì lợi ích, phước lợi của tất cả chúng sanh, không nghĩ đến mình, thân tâm thanh tịnh, tự tại vui vẻ, như vậy mới là phước báo chân thật.

‘Bồ thí pháp’ là nhân, thông minh trí huệ là quả báo. Khoẻ mạnh sống lâu là quả báo của sự tu bồ thí vô úy. Bồ thí vô úy là gì? Đó là từ bi, quan tâm, thương mến tất cả chúng

sanh, làm cho tất cả chúng sanh được thân tâm an ổn, vĩnh viễn xa lìa lo buồn, sợ sệt. Trong định luật nhân quả, tuyệt đối không có việc chịu thiệt thòi, bị lường gạt, và cũng không có việc lợi dụng. Nếu bạn tưởng là chịu thiệt thòi và bị lường gạt, nhưng thực ra đó chỉ là quả báo của những việc mình làm đời trước. Hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật thì tâm chúng ta sẽ định, cho dù bị người khác lường gạt, sỉ nhục, thì cũng có thể nhìn thấu và buông xả. Vì hóa giải oan trái gút mắc xong thì khi gặp nhau sẽ vui vẻ. Nên giải trừ oán thù chứ không nên kết, người có thông minh trí huệ chân thật nhất định sẽ không kết oán thù với bất cứ người nào, tương lai trên con đường Bồ Đề sẽ được thuận buồm xuôi gió.

Lý do chúng sanh kết oán thù không ngoài hai nguyên nhân, nguyên nhân thứ nhất là căn bệnh tập khí (*thói quen*) của mình, nhìn không quen thì chịu không nổi, không nhất định việc đó có liên quan gì với mình. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ Đại sư nói: ‘*Nếu là người tu đạo chân thật thì sẽ không nhìn thấy lỗi lầm của thế gian (người khác)*’. Lỗi lầm của người khác không liên can gì với mình, nên dùng tâm thanh tịnh, từ bi đối xử với tất cả chúng sanh.

Nguyên nhân thứ hai là ‘*lợi hại xung đột*’ (*đụng chạm quyền lợi*), đây là nguyên nhân lớn nhất làm cho chúng sanh

kết oán thù, trong Phật pháp gọi là ác duyên. Thiệt ra chẳng có lợi hại, tất cả đều do vận mạng an bài. Nếu hiểu được đạo lý này, cũng như ‘Liễu Phàm Tứ Huấn’ có nói: ‘Quân tử vui làm người quân tử, tiểu nhân làm người tiểu nhân oan uổng’. Những gì đạt được khi dùng tất cả những thủ đoạn không chính đáng, không lương thiện, cũng là vốn sẵn có trong vận mạng, nhất định không phải dùng thủ đoạn mà có thể đạt được, nếu không như vậy thì sẽ trái ngược với định luật nhân quả. Vì vậy nếu hiểu được đạo lý và chân tướng sự thật này, tâm chúng ta sẽ vĩnh viễn bình an, thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ, Kinh Kim Cang nói: *‘Lòng tin thanh tịnh ắt sanh thật tướng’*.

Phật dạy *‘Ứng vô sở trụ’*. ‘Trụ’ là chấp trước; ‘vô sở trụ’ nghĩa là không chấp trước. Chấp trước là căn bệnh. Vũ trụ, vạn vật, sanh mạng, lục đạo do đâu mà có? Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật trả lời cho câu hỏi này, đó là: ‘vọng tưởng, chấp trước’. Vì có vọng tưởng nên biến hiện ra thập pháp giới, vì có chấp trước nên biến hiện ra lục đạo luân hồi. Vì vậy nếu phá chấp trước thì sẽ vượt ra khỏi lục đạo; đoạn trừ vọng tưởng thì sẽ vượt ra khỏi thập pháp giới. Từ xưa đến nay các khoa học gia, triết học gia trong và ngoài nước đều muốn tìm kiếm nguồn gốc của vũ trụ vạn vật, họ có thể tìm đến bờ mé nhưng tìm không được nguồn gốc chân thật. Vì họ dùng đầu

óc suy nghĩ, suy nghĩ tức là vọng tưởng, chấp trước, cả hai đều có giới hạn, không thể phá tan giới hạn của ý thức.

Đức Phật dạy chúng ta khi đoạn vọng tưởng, phân biệt, và chấp trước thì giới hạn của tâm ý thức sẽ bị phá tan; sau khi phá tan mới có thể nhìn thấy bộ mặt thật của vũ trụ nhân sanh, mới hiểu rõ chân tướng sự thật. Cho nên sự tu học trong Phật pháp bất cứ pháp môn, tông phái nào cũng đều tu ‘thiền định’. Niệm Phật đạt được ‘nhất tâm bất loạn’ là ‘thiền định’. Giáo Hạ tu ‘chỉ quán’ cũng là ‘thiền định’. Tuy danh từ và phương pháp không giống nhau nhưng tất cả đều tu ‘thiền định’. ‘Giới’ là phương pháp chính xác; y theo phương pháp chính xác mới có thể nhập ‘định’; sau khi nhập định thì sẽ khai ‘trí huệ’; có trí huệ thì mới có thể hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Chúng ta chuyên cần tu tập ba thứ bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, và không trước tướng (chấp tướng), như vậy rất đúng. Nếu trước tướng mà tu 3 thứ bố thí này, quả báo sẽ chỉ là phước báo trong cõi người và trời, làm vua, thiên vương, người trời, người trưởng giả giàu có, không thể thoát ra khỏi tam giới, đương nhiên cũng không ra khỏi thập pháp giới. Phật dạy chúng ta ‘ưng vô sở trụ’, không trụ ‘chấp trước’ thì ra khỏi lục đạo; không trụ ‘vọng tưởng’ thì ra khỏi thập pháp

giới. Nhưng không trụ ‘chấp trước’ (không trước tướng) rất khó làm được, cần phải dụng công thiết thực nơi ‘nhìn thấu’, ‘buông xả’, ‘niệm Phật’.

2. Quy hướng Cực Lạc Tịnh Độ

Trong phẩm thứ 10 ‘*Giai Nguyện Tác Phật*’ (Đề Nguyện Làm Phật) của Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật nói nhóm 500 người cùng vua A Xà Thế trong đời quá khứ đã từng cúng dường 400 ức Phật. Khi nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh Vô Lượng Thọ xong, họ sanh tâm hoan hỷ, hy vọng sau này thành Phật cũng giống như Đức Phật A Di Đà, nhưng không phát khởi ý niệm tín nguyện cầu Vãng Sanh. Thế mới biết khi nghe danh hiệu của Đức Phật A Di Đà rồi sanh tâm hoan hỷ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, người này trong đời quá khứ tu tập tích lũy thiện căn nhất định vượt hơn vua A Xà Thế cúng dường chư Phật Như Lai, nhất định không chỉ cúng dường 400 ức chư Phật. Vì chúng ta có thể phát tâm cầu sanh Cực Lạc Thế Giới nhưng họ chưa từng phát lên tâm niệm này.

Cho nên trong Kinh nói pháp môn Tịnh Độ đều được tất cả chư Phật tuyên nói, không phải chỉ có 1 hay 2 Đức Phật nói mà thôi, thiệt là pháp khó tin. Kinh A Di Đà dạy ‘*không thể*

dùng ít thiện căn, phước đức, nhân duyên được sanh nước đó, thế mới biết được thiện căn của chúng ta sâu dày bao nhiêu, vô cùng hiếm có! Đời này chúng ta gặp được pháp môn Tịnh Độ và sanh tâm hoan hỷ, tín nguyện cầu Vãng Sanh, việc này rất đáng vui mừng và hân hạnh.

Đức Phật Giáo hoá chúng sanh đích thật là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, đại từ, đại bi. Thiện căn của chúng sanh không sâu dày thì phải vun bồi từ từ, từng đời từng đời giúp đỡ họ. Thiện căn đã thành thực (*chín muôi*) thì giúp họ tín nguyện niệm Phật, Vãng Sanh Tây Phương. Nếu chưa thành thực thì giúp họ trồng thiện căn của Di Đà Tịnh Độ. Công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, một phen đã lọt vào tai thì vĩnh viễn là hạt giống đạo. Ngày nay họ nghe đến danh hiệu Đức Phật A Di Đà, đọc đến ‘Tịnh Độ Tam Kinh’, nhìn thấy hình tượng của Đức Phật A Di Đà, trong A Lại Da Thức đã trồng được hạt giống Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tuy đời này không thể Vãng Sanh, nhưng đời sau khi gặp được nhân duyên thì họ sẽ Vãng Sanh. Chúng ta không thể khinh rẻ bất cứ người nào, không thể khinh mạn vô lễ đối với họ.

Việc chư Phật Như Lai giúp đỡ chúng ta chỉ là nói ra chân tướng sự thật, giảng giải phương pháp phá mê khai ngộ, và kinh nghiệm tu hành chứng quả của các Ngài để cho chúng

ta tham khảo. Bản thân chúng ta phải tự mình thực hành, muôn ngàn xin chớ tưởng rằng mình nương nhờ chư Phật, Bồ Tát, quý Ngài sẽ phò hộ cho mình. Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn không thể phò hộ cho A Nan. A Nan lúc đầu vốn là đang khởi vọng tưởng: ‘Đức Phật Thích Ca là anh họ của mình, người khác phải tu khổ nhọc, không tu thì không thể thành tựu; còn mình thì không quan hệ gì cả, anh họ rất thương mình, Ngài sẽ truyền dạy Thiên Định và Bát Nhã cho mình’. Sau khi gặp nạn mới biết Đức Phật không thể giúp mình. Chư Phật, Bồ Tát gia trì cho chúng ta chỉ bằng những lời dạy trong Kinh Điển. Chúng ta muốn Phật gia trì thì chỉ có cách y giáo phụng hành, và như vậy thì sẽ được ‘sự phò hộ’ của chư Phật.

Đức Phật từ bi khổ nhọc khuyên chúng ta buông xả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nhưng chúng ta buông xả không nổi. Nguyên nhân là không hiểu rõ chân tướng sự thật, cứ tưởng ‘thân’ là thiệt, cứ tưởng ‘cảnh giới trước mặt’ là thiệt, mà không biết đây chỉ là quan niệm, cách suy nghĩ, và cái nhìn sai lầm. Nếu khi đối xử với người, sự việc, và vật, trong tâm có mê hoặc, có đụng chạm quyền lợi, có sân giận, hãy nghĩ đến lời Đức Phật dạy ‘*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*’ (*Hễ những gì có tướng đều là hư vọng*) niệm vài lần, trong tâm sẽ

bình tĩnh trở lại. Tất cả mọi hiện tượng đích thật đều là hư vọng, thực tế không tồn tại.

3. Chư pháp đều không, nhân quả chẳng không

Nửa phần sau của Kinh Kim Cang nói: ‘*Chư pháp đều không, nhân quả chẳng không*’. “Chư pháp đều không” nghĩa là tất cả những pháp thế gian và xuất thế gian đều là hư vọng, không thật; ‘nhân quả’ cũng là chư pháp, cũng là hư vọng, nhưng ‘nhân quả bất không’ (nhân quả chẳng không).

Tại sao Tánh Tông nói ‘nhân quả chẳng không’? Pháp Tướng Duy Thức nói: ‘*Tướng là giả có, thức là chân thật*’. ‘Thức’ là năng biến (cái có thể biến), ‘tướng’ là sở biến (cái bị biến). Sở biến là giả, năng biến là thật. Nhân quả tức là duy thức, nhân là năng biến, quả là sở biến. Thập pháp giới là hiện tượng tương tục (tiếp nối) của nghiệp nhân quả báo. Vì vậy người giác ngộ sợ nhân, điều này rất hợp lý. Hiểu rõ nghĩa lý này, trong thế gian khi gặp bất cứ người nào có ác ý với mình cũng không màng đến, và đều vui vẻ tiếp nhận. Tôi tu nhân tịnh, quả báo nhất định tốt. Nếu người khác làm hại tôi, tôi liền khởi tâm động niệm báo phục (trả thù) người đó. Những sự trả thù này nhất định càng ngày càng gia tăng, tàn khốc, tội ác càng tạo càng nặng, sau cùng hai bên đều đọa địa ngục A

Tỳ (hại mình, hại người). Không kể người ta dùng thủ đoạn gì để đối xử với mình, mình liền biết trong thời quá khứ đại khái chắc cũng đã dùng thủ đoạn như vậy để đối xử với họ, hôm nay họ đối với mình như vậy, một trả một, nợ nần được trả hết, tâm khai ý giải, như vậy mọi người đều vui vẻ hết! Không có việc chịu thiệt thòi và cũng không có việc lợi dụng. Gút mắc đã được mở ra, khi mình thành Phật thì phát nguyện sẽ độ họ trước nhất .

Trong Kinh Kim Cang có một công án (câu chuyện ngắn) chuyện của Ca Lợi vương lóc thịt trên thân thể. Ca Lợi là tiếng Phạn, dịch nghĩa ra là ‘tàn khốc, vô đạo’, ‘vương’ là ông vua, Ca Lợi vương có nghĩa là ‘ông vua tàn bạo’. Lúc bấy giờ có một người đang tu hành trong núi sâu bị vua Ca Lợi xử tội lăng trì (lóc thịt). Vị tu hành này là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tuy Ngài bị xử tội như vậy nhưng không có chút gì oán hận, lại còn phát nguyện tương lai khi thành Phật sẽ độ vua Ca Lợi trước nhất. Đến lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, người đầu tiên được độ là tôn giả Kiều Trần Như, tiền thân của tôn giả là vua Ca Lợi, lời thệ nguyện của Đức Phật năm xưa đã được thực hiện. Đức Phật chịu đựng sự hành hạ tàn bạo như vậy mà không sanh tâm oán hận, vả lại sau khi thành Phật lại độ người hại mình trước nhất để báo đền thâm ân; báo ân gì vậy? Sự lăng trì vô cùng tàn khốc nhưng

lại giúp Bồ Tát thành tựu viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật. Bồ Tát xem xét vấn đề như thế này: ‘Vua Ca Lợi giúp đỡ tôi thử xem lòng nhẫn nhục của tôi đã thành tựu chưa’. Người khác đều nghĩ việc này là tàn bạo, thân thể chịu đựng sự đau khổ đến cùng cực, nhưng Bồ Tát lại nghĩ rằng vua Ca Lợi có ân đức vô cùng to lớn đối với mình, giúp mình thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật, nên sau khi thành Phật liền độ người này trước nhất.

Từ điểm này có thể thấy thị phi, thiện ác không có tiêu chuẩn nhất định và không có giới hạn, chỉ ở trong một niệm. Một niệm cực ác nhưng vừa chuyển thì liền trở thành cực thiện, như vậy mới nhập vô pháp môn Đại Thừa Bất Nhị thiện ác bất nhị, tà chánh không hai, đúng sai không hai. Đây là trí huệ cao nhất! ‘Tướng’ là hư vọng, ‘thân’ là hư vọng, ‘chặt chém’ cũng là hư vọng, hư vọng đối với hư vọng nên không có đau khổ. Phạm phu cứ cho rằng ‘thân’ là của mình, chấp trước thân kiến, cho nên chịu một chút đau khổ thì chịu không nổi. Nếu không chấp trước thân là của mình thì ai chịu đau khổ? Ai biết đau khổ?

Cho nên khi lìa 4 tướng thì chẳng còn đau khổ nữa. Vì có vọng tướng, phân biệt, chấp trước mới có khổ thọ (nhận chịu khổ); Bồ Tát không có thọ (nhận chịu). Khổ, lạc, buồn, vui, xả

đều buông xả hết, được như vậy gọi là ‘chánh thọ’, và cũng gọi là ‘Tam Muội’, và cũng là sự hưởng thụ ‘chánh thường’. Tất cả những cảm thọ của phàm phu gồm có: ‘khô, lạc, ưu, hỷ, xả’ (*khô, sướng, buồn, vui, xả*), Đức Phật quy nạp vào năm loại như trên và hết thảy đều không phải là sự hưởng thụ ‘chánh thường’.

4. Hễ những gì có tướng đều là hư vọng

Đức Phật dạy: *‘Hễ những gì có tướng đều là hư vọng’*. Nếu trong đời sống, trong mọi cảnh giới chúng ta thực chứng được những gì Phật nói đều không sai, chúng ta liền khế nhập vào cảnh giới. Cũng vì chúng ta chẳng thực chứng cho nên không đạt được lợi ích; sau khi thực chứng thì sẽ đạt được lợi ích to lớn. Phật lại nói: *‘Nhược kiến chư tướng phi tướng, tắc kiến Như Lai’* (*Nếu thấy các tướng mà không phải tướng, tức là thấy Như Lai*). ‘Như Lai’ nghĩa là ‘bản tánh chân như’, và cũng là ‘minh tâm kiến tánh’ trong Thiền Tông. Thực chứng được ‘Hễ những gì có tướng đều là hư vọng’ tức là minh tâm kiến tánh.

Làm sao biết được mình có thực chứng hay không? Kinh Kim Cang là tiêu chuẩn, nên trong Thiền Tông kể từ Ngũ Tổ về sau đều dùng Kinh Kim Cang làm ấn chứng. ‘Ấn chứng’

tức là lấy làm tiêu chuẩn, mực thước để chứng minh. Nếu đạt được cảnh giới giống với lý luận trong Kinh Kim Cang, cảnh giới hoàn toàn phù hợp, tức là minh tâm kiến tánh, nếu không thì cảnh giới đó chẳng phải là cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát.

Phật thường nói đến sự ‘khai ngộ’, mọi người nghe xong cảm thấy rất là ‘huyền’ (*sâu thẳm, không thể hình dung hết được*), hình như rất là hiếm hoi kỳ diệu, thực ra ‘khai ngộ’ là một danh từ vô cùng bình thường. Biết được lỗi lầm của mình tức là ‘khai ngộ’; sửa đổi sai lầm cho đúng thì gọi là ‘tu hành’. ‘Tu’ là tu chánh, sửa cho ngay, ‘hành’ là hành vi sai lầm; sửa đổi cách suy nghĩ, cái nhìn, cách nói, cách làm tức là tu hành. Tất cả những việc gõ mõ, niệm Kinh mỗi ngày, miêng niệm ‘A Di Đà Phật’ đều là ‘hình tướng’, chưa phải là ‘chân tu’ (tu hành chân chánh). ‘Chân tu’ là phải sửa đổi tâm hạnh sai lầm của mình. Nếu miêng niệm Di Đà mà trong tâm vẫn còn ‘thị phi nhân ngã’ (*tôi đúng người sai*), tham, sân, si, mạn thì đúng như cổ đức có câu: ‘*hết bể cuống họng cũng luống công*’.

Không thể nhìn thấu buông xả pháp thế gian rồi nghĩ Phật pháp rất tốt thì có thể chấp trước Phật pháp. Phật pháp đích thật rất tốt, cũng như thuốc hay có thể chữa bệnh, nhưng nếu uống lầm thuốc, không những không chữa hết bệnh mà còn có thể mất mạng. Phật pháp cũng vậy, tu học Phật pháp nếu

không khế cơ thì làm tổn thương đến pháp thân huệ mạng; cho nên Đại Trí Độ Luận và Kinh Hoa Nghiêm đều nói: *‘Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải’* (Nếu không có ai thuyết giảng Phật pháp, tuy có trí huệ cũng không thể hiểu nổi).

Người thông minh trí huệ trong thế gian cũng không thể lý giải Phật pháp vì người trong thế gian không lìa khỏi ‘tâm ý thức’. Không rời khỏi ‘tư duy tưởng tượng’ thì không thể giải được ý nghĩa chân thực của Đức Phật, vì tất cả những Kinh Phật nói đều phát xuất từ chân tâm bản tánh chớ không dùng suy nghĩ; nếu phải suy nghĩ thì lạc vào trong ý thức, thế thì hoàn toàn sai. Cho nên tham Thiền, học Giáo đều cần phải rời khỏi ‘tâm ý thức’. ‘Tâm’ là ‘A lại da thức’; ‘ý’ là ‘Mạt na thức’, ‘thức’ là ‘Ý thức thứ sáu’. Tác dụng của thức thứ sáu là phân biệt, tác dụng của ‘Mạt na thức’ là chấp trước, tác dụng của ‘A lại da thức’ là lưu giữ ấn tượng.

Làm thế nào để rời khỏi tâm ý thức? Không chấp trước thì không dùng ‘Mạt na thức’, không lưu giữ ấn tượng thì không dùng ‘A lại da thức’, được như thế thì học Giáo mới đạt được ‘đại khai viên giải’, tham Thiền mới được đại triệt đại ngộ. Tông Môn dạy người ta rời khỏi tâm ý thức mà ‘tham’, đây gọi là ‘tham thiền’. Giáo Hạ nói ‘tham cứu’ chứ không

nói ‘nghiên cứu’. Nghiên cứu là dùng tâm ý thức, dùng phân biệt chấp trước; tất cả những cảnh mà mình tiếp xúc gọi là ‘lục trần’; ‘tham cứu’ không dùng phân biệt chấp trước, dùng chân tâm tự tánh, tất cả những cảnh mà mình tiếp xúc gọi là ‘tánh cảnh’ chứ không gọi là ‘lục trần’.

5. Chánh pháp còn nên xả, hướng hồ là phi pháp

Trong Kinh này (Kim Cang) Đức Phật đặc biệt dạy chúng ta: *‘Tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp’* (Biết ta thuyết pháp thí dụ như chiếc bè, chánh pháp còn phải xả, hướng hồ là phi pháp). Đức Phật vì chúng ta thuyết pháp cũng như ngồi bè qua sông. ‘Bè’ dùng cây trúc kết thành, cũng có khi dùng gỗ làm thành (mục bài, bè gỗ). Nghe Đức Phật giảng Kinh thuyết pháp cũng như ngồi bè qua sông, khi đến bờ bên kia thì không cần bè nữa (phải xả bỏ). Kinh A Hàm nhắc đến thí dụ này rất nhiều lần. Kinh Kim Cang cũng dùng câu này nhưng ý nghĩa tượng trưng không giống nhau. Pháp Tiểu Thừa nói sau khi qua sông không cần bè nữa, không nên chấp trước. Pháp Đại Thừa nói đang lúc trên bè cũng đừng chấp trước, ý nghĩa còn thâm sâu hơn Tiểu Thừa, tức là hai bên ‘không’ và ‘hữu’ (có) đều không

chấp; hai bên ‘có’ và ‘không’ đều đồng thời, thiết là được đại tự tại.

Kinh Bát Nhã nói ‘tức tướng’ và ‘ly tướng’ là đồng thời. ‘Ứng vô sở trụ’ là ‘ly tướng’; ‘nhi hành bố thí’ là ‘tức tướng’. Phật học không tách rời khỏi hành vi sinh hoạt hằng ngày, đời sống càng thoải mái dễ chịu, công việc làm càng được tiến triển. Lúc trước chúng ta sinh sống và làm việc chỉ là vì riêng mình, ngày nay chúng ta sinh sống và làm việc đều là vì tất cả chúng sanh, tạo phúc lợi cho xã hội, làm trang nghiêm pháp giới, vì tự tánh lưu xuất, hiện tượng không còn như cũ nữa. Nếu vì mình mà làm việc thì làm sơ sài một chút cũng không sao; nếu vì đại chúng mà làm việc không tốt thì có lỗi đối với họ, cách dụng tâm không giống nhau. Tuy tận tâm tận lực làm việc nhưng không trước tướng (chấp trước). ‘Ứng vô sở trụ’, trong tâm dường như không có việc đó xảy ra thế mới là ‘đại từ đại bi’, không có bất cứ một điều kiện nào. Đời sống và công việc đều vì tất cả chúng sanh, đều là không đặt điều kiện; đây là cương yếu và tinh thần của Đại Thừa Phật pháp, đích thật khế nhập cảnh giới ‘lý sự vô ngại, sự sự vô ngại.’

‘Chánh Pháp còn nên xả, hướng hồ là phi pháp’. Chúng ta muốn học Phật pháp, nhưng trong lúc tu học không nên chấp trước. Đừng nên vừa nghe ‘pháp còn nên xả’ liền đem bỏ Phật

pháp và thế gian pháp hết, thế thì hiểu lầm ‘Nhu Lai chân thật nghĩa’, và còn biến thành tiêu cực, vô trách nhiệm. Phật pháp nhất định phải học, phải hành, nhưng không được chấp trước. Phật pháp như vậy, thế gian pháp cũng như vậy. Thân thể chúng ta còn sinh sống trên thế gian này, mỗi ngày cần phải ăn cơm, mặc áo, làm việc, xã giao, thứ nào cũng bỏ không được. Đặc biệt là Bồ Tát Đại Thừa nếu xả bỏ hết những công việc này thì làm sao độ chúng sanh được? Bồ Tát độ chúng sanh cần phải tiếp xúc với đại chúng, cùng tất cả chúng sanh ‘hoà quang đồng trần’.

Tu hành phải thật tình rắng sức, hình thức là để nhắc nhở mình, quan trọng nhất là khóa lễ thường lệ sáng và tối; khóa lễ buổi sáng nhắc nhở mình, khóa lễ tối là để phản tỉnh, tụng niệm lễ sáng tối như vậy mới có công đức chân thật. Nhất định không phải buổi sáng niệm Kinh chú một lần cho Phật, Bồ Tát nghe, buổi tối lại niệm thêm một lần cho quý Ngài nghe, nếu không biết ý nghĩa và mục đích của hai buổi lễ này thì hoàn toàn không thể y giáo phụng hành. Cũng giống như con nít trả bài trước mặt cha mẹ vậy, buổi sáng trả bài xong đến tối lại trả thêm một lần nữa. Nếu tụng niệm sáng tối kiểu này thì có vô lượng tội lỗi. Vì bạn thờ phượng tượng Phật, Bồ Tát bằng nhựa hoặc gỗ, buổi sáng gạt họ một lần, buổi tối gạt thêm lần nữa, còn tưởng là mình có công đức!

Lúc chúng ta tụng niệm trong Phật đường (Chùa) nhìn thấy tượng Phật cũng giống như nhìn thấy Đức Phật vậy. Buổi sáng niệm Kinh là để nhắc nhở mình hôm nay phải làm theo lời dạy trong Kinh. Buổi tối tụng niệm để phản tỉnh, kiểm điểm xem hôm nay có làm theo lời dạy của chư Phật, Bồ Tát không? Nếu làm được rồi, ngày mai phải tiếp tục; nếu chưa làm được, ngày mai phải làm cho bằng được. Như vậy mới gọi là ‘buổi sáng nhắc nhở, buổi tối phản tỉnh’.

‘Pháp’ và ‘phi pháp’ cùng lúc, không có trước sau. ‘Vô trụ’ và ‘sinh tâm’ cùng lúc, ‘sinh tâm’ tức là ‘vô trụ’, ‘vô trụ’ tức là ‘sinh tâm’. Sinh tâm Đại Bồ Đề, tâm làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, tâm ‘hành lục độ vạn hạnh’. ‘Vô trụ’ là không trước tướng, cùng với ‘sinh tâm’ cùng lúc, không có phân ra hai giai đoạn. Nếu xem là hai giai đoạn thì đã sai, đó không phải là lời Phật nói. Đức Phật nói pháp có khi nói bên này, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của phía bên kia.

Câu ‘*Pháp còn nên xả, hướng hồ là phi pháp*’ nói rõ không được chấp trước Phật pháp, hướng chi là tất cả pháp trong thế gian. Mười pháp giới được sanh ra từ vọng tưởng, lục đạo luân hồi sanh ra từ chấp trước, tất cả đều có nhân có quả. Hễ những pháp sanh ra từ nhân quả đều không có tự tánh,

bản thể vốn không, trọn chẳng nắm giữ được! (*giai vô tự tánh, đương thể tức không, liễu bất khả đắc!*).

c. Lià khỏi bốn tướng, tin nhân quả

1. Rộng kết thiện duyên và pháp duyên

Nghĩa lý trong Kinh Kim Cang rất sâu xa, nếu hiểu sai thì không những không đạt được ích lợi, mà có thể còn chịu thiệt hại. Đây cũng là điểm khó khăn của sự giảng giải Kinh Bát Nhã, thế nên từ xưa đến nay rất ít người giảng Kinh Bát Nhã, nhưng không thể không giảng. Lúc giảng nhất định phải giảng rõ ràng, thấu suốt, làm cho người nghe không đến nỗi hiểu sai, đây là một nguyên tắc vô cùng quan trọng.

Tứ Nhiếp Pháp là 4 nguyên tắc mà Phật dạy Bồ Tát dùng để nhiếp thọ (giúp đỡ) chúng sanh. Thứ nhất là ‘bố thí’, kết pháp duyên và thiện duyên với tất cả chúng sanh. Đức Phật không độ người chẳng có duyên; chúng sanh gặp bạn thì vui mừng, chịu nghe lời bạn chỉ bảo, như vậy gọi là ‘có duyên’. Nếu bạn rất sẵn lòng giúp đỡ nhưng họ lại từ chối, như vậy thì gọi là duyên chưa đến.

2. Đức Phật vạn đức vạn năng

Lúc tôi bắt đầu học Phật, đối với Phật pháp có rất nhiều thắc mắc, tôi có một câu hỏi rất quan trọng là: ‘Đức Phật có trí huệ và năng lực viên mãn (rốt ráo) hay không?’ Chúng ta thường tán thán Đức Phật là ‘vạn đức vạn năng’; câu này chỉ là lời tán thán hay là sự thật? Chúng ta có thể đã nghe đến chuyện Đức Phật cũng ‘có việc không thể làm được’, ý này nói ‘vạn đức vạn năng’ là lời tán thán, chứ không phải thiệt. Nếu lời tán thán đó không phù hợp với sự thật thì lời này không đáng tin; những lời không đáng tin thì thuộc về phạm vi của vọng ngữ (nói dối). Đức Phật dạy chúng ta không được vọng ngữ, đặc biệt là trong Kinh Kim Cang có nói: *‘Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả’* (Như Lai là người nói lời chân thật, lời đúng như vậy, người không nói lời lừa gạt, không nói lời khác biệt) Từ điểm này mà quan sát trong Phật pháp lời tán thán Đức Phật nhất định phải phù hợp với câu ‘lời nói đi đôi với hành động’, không có khoa trương phóng đại thì mới hợp lý.

Giả sử có một chúng sanh tạo ra tội ngũ nghịch thập ác, lúc lâm chung nhất định đọa địa ngục A Tỳ, đối với người tạo tội này Đức Phật có năng lực làm cho người này tức khắc thành Phật hay không? Nếu Đức Phật có năng lực thì chúng ta

đồng ý và khẳng định rằng Phật có ‘vạn đức vạn năng’. Nếu Đức Phật có thể giúp người tạo tội này rời khỏi 3 đường ác và sanh đến 3 cõi thiện, chuyện này không có gì đáng kể. Xin hỏi Đức Phật có thể dạy người đó lập tức thành quả vị Phật cứu cánh viên mãn hay không?

Trong các Kinh Kim Cang, Kinh Vô Lượng Thọ, và Kinh A Di Đà đều có câu trả lời rõ ràng, đích thật Đức Phật có năng lực này. Nếu như vậy thì tại sao những chúng sanh tạo tất cả nghiệp tội không thể được độ? Điều này không thể trách Phật mà phải trách chúng sanh không nghe lời, không chịu tiếp nhận sự dạy dỗ. Kinh Lăng Nghiêm nói rất triệt để (cặn kẽ): *‘Tâm cuồng loạn không dứt, dứt tức Bồ Đề nghĩa là Nếu dứt được tâm cuồng loạn thì chính là Bồ Đề. Cuồng tâm là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; buông xả tâm cuồng loạn này tức là cứu cánh viên mãn Phật. Đức Phật Giáo hoá chúng sanh, nhưng chúng sanh không chịu tin, không chịu buông xả, cho nên trách nhiệm không ở tại Đức Phật mà ở tại chúng sanh. Đức Phật đích thật có trí huệ viên mãn và năng lực rất ráo. Kinh Kim Cang dạy chúng ta tin Phật, đây không phải là niềm tin tầm thường. Nửa phần đầu nói ‘lòng tin thanh tịnh, ắt sanh thật tướng’ là từ ‘lý’ mà nói; nửa phần sau nói: ‘tín tâm bất nghịch’ (lòng tin không chống trái) là từ*

‘sự’ mà nói, lý và sự là một không phải hai. ‘Bất nghịch’ nghĩa là không làm theo lời dạy của Đức Phật thì không được. Người ‘tín tâm bất nghịch’ nhất định sẽ thành tựu. Nguyện thứ 18 trong 48 lời nguyện của Đức Phật A Di Đà trong Kinh Vô Lượng Thọ nói: *‘Tất cả chúng sanh trong thập phương lúc lâm chung một niệm hay mười niệm đều có thể Vãng Sanh’*. Người không Vãng Sanh không thể vượt thoát khỏi lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là do một niệm cuối cùng lúc lâm chung quyết định; lúc lâm chung khởi lên một niệm thiện thì sanh đến 3 cõi thiện, khởi lên một niệm ác thì sanh đến 3 cõi ác. Một niệm cuối cùng lúc lâm chung vô cùng quan trọng. Hằng ngày chúng ta dụng công niệm Phật là huấn luyện, thật sự là để dốc sức vào một niệm lúc lâm chung, hy vọng giữ được chánh niệm phân minh, tín nguyện cầu sanh Cực Lạc Thế Giới, thấy Phật A Di Đà, thì nhất quyết Vãng Sanh bất thoái thành Phật.

Phật được xưng là ‘Nhị Túc Tôn’, ‘túc’ nghĩa là viên mãn, ‘tôn’ nghĩa là tôn quý, ‘nhị túc’ là cả hai ‘trí huệ’ và ‘phước đức’ đều viên mãn. Đức Phật dạy chúng ta cùng tu phước và huệ, không thể không tu phước. Người không có phước báo có rất nhiều chướng ngại trên con đường tu tập; người có phước báo có ít chướng ngại, cho nên phước và

huệ đều quan trọng như nhau. ‘*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*’, trong tâm không có lo âu, bận khoăn (*vướng mắc, lo lắng không dứt được*), tất cả đều buông xả thì tâm được thanh tịnh; tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ, cho nên ‘vô trụ’ là tu huệ, ‘sanh tâm’ là tu phước. ‘Nhi hành bố thí’, bố thí là tu phước. Hưởng phước là việc vô cùng nguy hiểm nên trong Kinh này Đức Phật dạy Bồ Tát ‘bất thọ phước đức’ (*không hưởng phước đức*). Quan sát kỹ lưỡng người hành Bồ Tát đạo tu phước và không hưởng phước. Vì hưởng phước rất dễ mê hoặc, khi mê hoặc thì không thể nào không tạo tội nghiệp, thế nên phước báo phải chia xẻ cho chúng sanh hưởng chung.

Đức Phật vì tất cả chúng sanh mà thuyết pháp, chẳng thuyết một pháp nhất định, tất cả pháp đều là duyên sanh. Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế giảng Kinh thuyết pháp không chuẩn bị hôm nay phải giảng pháp nào, ngày mai phải giảng đề mục gì. Nếu có chuẩn bị thì mới là định pháp. Thầy trò tụ tập một chỗ, khi không có câu hỏi hoặc vấn đề gì thì mọi người tĩnh tọa; lúc có vấn đề, Đức Phật tùy thời giải đáp cho đại chúng, sau này ghi chép lại thành Kinh Điển.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế có rất nhiều học trò, trong Kinh nói 1250 người là thường tùy chúng (*nhóm học trò luôn luôn đi theo và ở cạnh Đức Phật*). Nhóm thường tùy đệ tử này bao gồm luôn những người hộ pháp tại gia, hết thấy đều là chư Phật, Bồ Tát ‘đáo giá từ hàng’ (*thả chiếc bè từ*) mà đến. Họ giúp đỡ Đức Phật Thích Ca giáo hoá chúng sanh, đúng như câu nói: ‘*Nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ*’ (*Một vị Phật ra đời, ngàn Phật ủng hộ*). Phật làm một gương tốt cho chúng ta, Đức Phật và chư Phật không có đổ kỵ, không có trở ngại lẫn nhau. Đức Phật Thích Ca thị hiện thành Phật, những vị cổ Phật cũng đến thị hiện làm học trò của Ngài (Phật Thích Ca), giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, mục đích là như vậy.

Cũng giống như tuồng hát trên sân khấu, người nào đóng vai chánh, những người còn lại đóng vai phụ, cùng nhau hợp tác thành tựu viên mãn. Trước khán đài và sau khán đài khác nhau, trước khán đài có thể đóng vai phụ, thậm chí đóng vai gánh nước, kéo cờ, nhưng phía sau khán đài có thể là thầy của người đóng vai chánh. Trên khán đài thường thấy người học trò đóng vai chánh, chư Phật, Bồ Tát giáo hoá chúng sanh đúng là ‘du hí’. Thế nên, những người đệ tử nổi tiếng nhất như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều là cổ Phật tái lai. Trong số Cư Sĩ, trưởng giả Duy Ma là Kim Túc Như Lai tái lai thị

hiện làm đệ tử tại gia của Đức Phật Thích Ca. Chỗ này có thể gợi ý cho chúng ta, phải từ đây học tập rút tĩa kinh nghiệm Phật pháp không những chỉ bao gồm tứ chúng, tất cả chúng sanh trong tận hư không, khắp pháp giới đều là một nhà cả. Nếu hiểu được đều là một nhà, không những trong tứ chúng không bài xích lẫn nhau, đối với những người thuộc Tôn Giáo khác cũng không bài xích.

3. Lìa bốn tướng, hiểu rõ sự lý, tin nhân quả

Tâm lượng của Phật Giáo rất rộng lớn, đối với tất cả Tôn Giáo thậm chí những người có ác ý phỉ báng, phê bình, Phật, Bồ Tát cũng không để ý, cũng đều dùng ái tâm để quan tâm và giúp đỡ họ. Đối với người ngoại đạo còn như vậy, huống hồ là đồng tham đạo hữu! Phật thị hiện dùng thân mình làm tiêu chuẩn mực thước để chúng ta noi gương theo, không chỉ dùng lời nói để khuyên chúng ta mà thôi. Kinh Kim Cang nói: *‘Không có tướng ta, không có tướng người, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả’*, không những Phật pháp Đại Thừa, kể cả Tiểu Thừa cũng bao gồm trong đó luôn. Tiểu Thừa Tứ Quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán đều ly tướng, phá trừ phân biệt, chấp trước. Không kể công phu tu hành tốt đến đâu, nếu chưa buông xả ‘ngã tướng’ thì

không thoát ly ra khỏi luân hồi. Đây là một vấn đề vô cùng nghiêm trọng, tuyệt đối không được xem thường.

Chúng ta đời đời kiếp kiếp xoay vần trong lục đạo, đời sống không dễ dàng. Cho dù tu phước thì đời sống cũng không dễ hơn được bao nhiêu. Hãy quan sát kỹ lưỡng người trong thế gian, giàu và nghèo đều khổ. Người nghèo khổ thì đã đành rồi nhưng người giàu còn khổ hơn nữa. Làm tổng thống, làm vua chúa có ai không cực nhọc? Trong đời sống có ai được đại tự tại! Chư vị nên lắng lòng quan sát, tâm sẽ bình tĩnh sáng suốt, sẽ khai trí huệ, mới thật sự soi thấu được chân tướng sự thật.

Trong thế pháp tất cả chúng sanh đều không thể vượt ra ngoài định luật nhân quả. *‘Một miếng ăn, một miếng uống đều đã định sẵn’*. Chữ ‘định’ này là định luật nhân quả, đó là sự thật, nhất định không tí gì hư dối. Người đối với người không nên có oán hận, không nên có xích mích lẫn nhau. Một niệm sân hận, tâm niệm trả thù tuy nhỏ bé, phải biết đời đời kiếp kiếp không bao giờ chấm dứt trả thù, báo phục. Hơn nữa mỗi lần trả thù sẽ không chỉ trả vừa đủ, cũng sẽ trả hơn một chút. Đối phương không phục, oán hận trong tâm, đời sau gặp lại cũng sẽ báo thù tiếp tục, cứ như thế không bao giờ dứt. Sau cùng trở thành dữ dội tàn khốc, hai bên đều đọa địa ngục A Tỳ. Các trận chiến tranh trong lịch sử Thế Giới đều bắt đầu từ

oán hận báo thù lẫn nhau. Hiểu được đạo lý và sự thật chúng ta phải nên phát tâm đại từ đại bi để hoá giải hết tất cả những xích mích này. Không những phải sống chung hòa bình với tất cả chúng sanh, mà còn giúp đỡ hợp tác lẫn nhau; thêm một bước giúp họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, như vậy mới là Bồ Tát đạo, Bồ Tát hạnh.

Lúc đạo tràng mới thành lập, chúng ta nhất định phải giảng Kinh Địa Tạng trước nhất. Có đất đai rồi, trên miếng đất này mới xây dựng Phật pháp. Chữ ‘địa’ trong ‘Kinh Địa Tạng’ là ‘tâm địa’; tạng tức là kho tàng chứa tất cả công đức của Như Lai, cũng tức là tự tánh vốn sẵn có đầy đủ vô lượng trí huệ, đức năng, đó là nghĩa của chữ ‘Địa Tạng’. Làm sao khai mở trí huệ đức năng? Kinh Địa Tạng dạy chúng ta hai chữ ‘hiếu kính’, hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng. Sự giáo dục từ xưa đến nay ở Trung quốc chú trọng ‘Tôn sư trọng đạo’. Kinh Địa Tạng dạy chúng ta ‘hiếu thân tôn sư’, hàm nghĩa của điều này vô cùng sâu rộng, bao gồm toàn bộ Phật pháp. Thí dụ bài vở học sinh không giỏi, làm cho cha mẹ, thầy giáo đều bận tâm, đó tức là không hiếu kính cha mẹ, không tôn kính sư trưởng; học sinh siêng năng học hỏi, tiếp nhận sự dạy dỗ của thầy giáo tức là hiếu kính. Trong gia đình anh em không hòa thuận là bất hiếu, chị em dâu bất hoà là bất hiếu. Một nhà hòa thuận thì cha mẹ vui mừng, được mọi người kính

trọng, cha mẹ, thầy giáo mới vui vẻ. Vì vậy khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động, nhất định phải nghĩ đến ân đức của cha mẹ và lời dạy dỗ của thầy giáo; học Phật là phải bắt đầu từ chỗ này, rồi sau đó nâng cao cảnh giới từng tầng từng tầng đi lên.

‘Sự’ vô lượng vô biên, ‘lý’ vô lượng vô biên, Phật, Bồ Tát tùy duyên thuyết pháp, cho nên không có một định pháp có thể nói. Đức Phật lại nói với chúng ta: ‘*Nhất thiết hiện Thánh, giai dĩ vô vi pháp, nhi hữu sai biệt*’ (Tất cả Thánh Hiền đều do vô vi pháp mà có sự sai khác), đây là nói rõ Tứ quả Tứ hướng Tiểu Thừa, 51 vị thứ của Bồ Tát Đại Thừa đều xây dựng từ ‘vô vi pháp’. ‘Vô vi pháp’ là chân tâm bản tánh, tức là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Lúc trước chúng tôi cứ nghĩ là tâm của Đại Thừa giáo Bồ Tát mới thanh tịnh và bình đẳng. Nhưng trong Kinh Kim Cang, Đức Thế Tôn nói với chúng ta, người chứng được quả Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn đã có tâm thanh tịnh bình đẳng. Tuy tâm địa thanh tịnh bình đẳng nhưng trình độ thanh tịnh bình đẳng của mỗi người không giống nhau. Tiểu Thừa Tứ quả Tứ hướng có tám cấp bậc; Đại Thừa từ quả Sơ Tín đến Đẳng Giác gồm có 51 cấp bậc đều là mức độ cao thấp của tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng.

Tự mình tạo ra nhân thì tự mình phải gánh chịu quả báo; chư Phật, Bồ Tát cũng không thể thay đổi nghiệp nhân quả báo. Khi Địa Tạng Bồ Tát đến cõi địa ngục cứu độ chúng sanh thì cũng độ những chúng sanh có duyên đầy đủ, duyên chín muồi. Chúng sanh ở địa ngục tràn đầy tâm sân hận, tâm trả thù rất mạnh, Bồ Tát khuyên họ buông xả, khuyên họ phát tâm từ bi, họ phải chịu tiếp nhận, đồng ý thì mới được độ, nhưng rất ít chúng sanh ở địa ngục có thể tiếp nhận. Trong sáu nẻo luân hồi chỉ có loài người là dễ giác ngộ nhất, dễ chịu nghe lời khuyên dạy của Phật, Bồ Tát nhất. Cõi trời vui nhiều khổ ít, hưởng lạc quen rồi nên rất khó nghe lời khuyên dạy, đây là ‘phú quý học đạo nan’ (giàu sang học đạo khó). Ba cõi ác quá khổ, tâm sân giận, đố kỵ, trả thù quá mạnh nên cũng không chịu tiếp nhận lời khuyên dạy. Tại sao chư Phật phải thị hiện thành Phật ở cõi người? Là vì cõi người khổ đau nhiều, vui sướng ít, dễ giác ngộ hơn, dễ nghe theo lời răn dạy của Phật, Bồ Tát hơn các cõi khác.

Cụ Châu Kính Trụ kể lại nhân duyên học Phật của ông cho tôi nghe. Trong thời kỳ kháng chiến chống Nhật ông lo việc kiểm soát thuế vụ của hai tỉnh Tứ Xuyên và Tây Khang. Sau khi kháng chiến thắng lợi ông đã từng đảm nhiệm chức Ty Trưởng Tài chánh tỉnh Triết Giang, lúc bấy

giờ thủ đô được dời về Trùng Khánh. Ông nói có một đêm nọ ông ở Trùng Khánh đánh bài đến 2, 3 giờ khuya mới về nhà. Lúc bấy giờ những người làm quan không có xe chuyên chở nên phải đi bộ về nhà một mình. Trong thời kỳ kháng chiến đường lộ rất gồ ghề, cách thiệt xa mới có một ngọn đèn đường, ánh đèn rất yếu, chỉ sáng cỡ chừng 20 nến (đơn vị đo lường ánh sáng, candle), chỉ đủ nhìn thấy bóng lờ mờ mà thôi. Trên đường đi ông nhìn thấy bóng của một người đàn bà đi phía trước ông cỡ chừng 50 bước. Lúc ban đầu ông không để ý, cứ tiếp tục đi trên cùng đường. Đi được khoảng nửa giờ đồng hồ ông bỗng nhiên giật mình suy nghĩ tại sao nửa đêm nửa hôm lại có người đàn bà đi ngoài đường một mình như vậy? Ý nghĩ này vừa khởi lên làm cho ông rợn da gà. Nhìn kỹ lại ông thấy người đi phía trước chỉ có phân nửa thân phía trên, không thấy nửa người phía dưới. Ông sợ quá! Không phải ông bị mờ mắt, quáng gà. Từ đó trở về sau ông mới bắt đầu tin Phật pháp. Ông nói nữ quỷ đó có thể là Quán Thế Âm Bồ Tát hoá thân để độ ông; nếu ông không nhìn thấy tận mắt, chứng minh được Phật pháp một tí gì cũng không phải giả thì ông chẳng đời nào bước chân vào cửa Phật cả.

Cụ Châu thường dùng những chuyện thật về nhân quả báo ứng để khuyên người tin sâu nhân quả, khi khởi

tâm động niệm đều phải cẩn thận đừng tạo nhân ác. Nhân cần phải có duyên mới có thể kết thành quả. Cả đời này mình chấm dứt làm việc ác, chuyên làm việc thiện; cắt đứt duyên ác rồi, tuy có nhân ác cũng không thể thành quả ác. Chúng ta hãy tích lũy công đức càng nhiều, bồi đắp thiện duyên cho tử tế. Nhân tốt đời trước cộng với duyên thiện đời này, dĩ nhiên sẽ thành ra quả báo thiện.

d. Tôn Đức Phật A Di Đà làm thầy

1. Pháp môn bình đẳng

Những nguyên lý và nguyên tắc mà Đức Thế Tôn nói trong các Kinh Điển Đại Thừa, không có gì khác nhau, những gì khác nhau chỉ là phương pháp mà thôi. Nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, do đó có thể thấy chư Phật, Bồ Tát không có pháp nhất định gì để nói, còn phương hướng và mục tiêu đều giống nhau hết. Sự khác nhau giữa Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, Mật Giáo rất lớn, tuy nhiên phương hướng đều là ‘Giác, Chánh, Tịnh’, mục tiêu đều là ‘Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác’, cho nên nói ‘pháp môn bình đẳng, không có cao thấp’.

Kinh Kim Cang nói: *‘Nhất thiết chư Phật, cập chư Phật A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ Đề pháp, giai tùng thử Kinh xuất’* (Hết thấy chư Phật và các pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ Đề của chư Phật đều từ Kinh này ra). Do đó có thể thấy tất cả chư Phật đều y cứ vào nguyên lý và nguyên tắc trong Kinh này mà thành Phật; Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng đạt được từ Kinh này. Bộ Kinh này cao tột cùng, những Kinh khác cũng cao tột cùng, vì mỗi bộ Kinh Điển đều là chỗ xuất xứ của chư Phật và Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật. Nếu Đức Phật chỉ nói về một pháp môn duy nhất thì chẳng phải ‘không có định pháp gì để nói’.

Đức Phật nói pháp nhất định y theo nguyên tắc Nhị Đế Chân đế và Tục đế và nhất định phải khế cơ. Khế cơ và khế lý đều không vượt ra ngoài Nhị đế. ‘Khế cơ’ là không trái ngược với Tục đế. ‘Khế lý’ là không trái ngược với Chân đế. Căn tánh của chúng sanh sai khác quá nhiều, không thể chỉ dùng một phương pháp để phổ độ chúng sanh, cho nên Đức Phật nói vô lượng pháp môn, đây là noi theo Tục đế mà nói. Tuy pháp môn vô lượng nhưng mục tiêu, phương hướng đều không trái ngược với Chân đế. Nếu chúng ta có thể nhận biết điều này rõ ràng thì học Phật không khó, vả lại nội trong một thời gian ngắn sẽ đạt được lợi ích. Sau ba tháng, sáu tháng sẽ có hiệu quả rất rõ ràng. Hiệu quả gì? Tiêu trừ nghiệp chướng,

tự mình sẽ cảm thấy nghiệp chướng giảm bớt, trí huệ từ từ khai mở.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật thí dụ nghiệp chướng như giấc cướp, chúng nó giựt pháp tài công đức của mình. Nếu không nhận ra giấc cướp thì làm thế nào bắt chúng được! Cho nên nhất định phải nhận biết nghiệp chướng thì mới tiêu hết nghiệp chướng được. Nghiệp là sự nghiệp, đang lúc làm ra thì gọi là ‘sự’, kết quả của việc này khi làm xong thì gọi là ‘nghiệp’. Tạo ra nghiệp thì nhất định có chướng ngại. Trên căn bản cứu cánh thì chướng ngại tự tánh của người, chướng ngại pháp thân, bát nhã, giải thoát. Đối với sanh hoạt của con người thì chướng ngại tâm thanh tịnh, làm thân tâm không an ổn; chướng ngại gia đình, làm gia đình này không hoà hợp; chướng ngại sự nghiệp làm cho công việc làm không thuận lợi, những thứ này đều là chướng ngại. Học Phật, bái sám (lạy sám hối) có thể tiêu trừ nghiệp chướng không? Chỉ cần chúng ta bình tĩnh quan sát, không những không thể tiêu trừ, càng bái sám thì nghiệp chướng càng nhiều, càng học Phật thì phiền não càng nhiều. Tu mù luyện đui thì làm sao được!

2. Thân cận thiện tri thức

Trong Kinh Luận Đại Thừa và Tiểu Thừa Đức Phật đều dạy rõ cho chúng ta, điều kiện đầu tiên của việc học Phật là nhất định phải theo học một vị thầy tốt (*Tùng minh sư thọ giới, chuyên tín bất phạm*). Nếu muốn thành tựu, không hiểu đạo lý thì không làm được. Trong vài ngàn năm qua ở Trung quốc, sự trao truyền (truyền thừa) thế pháp và Phật pháp đều chú trọng ở chữ ‘sư thừa’, tức là học tập theo một vị thầy. Đúng đạo lý thầy trò, từ xưa đến nay chuyện này rất khó gặp. Đây không phải duyên phần trong chỉ một đời này, mà là duyên phần trong nhiều đời nhiều kiếp. Chúng ta dựa vào kinh nghiệm tu học của thầy mà nâng cao trình độ của mình, đây là việc rất quan trọng trong ‘sư thừa’. Trong Tông Môn thường nói ‘Đi trên đánh của Tỳ Lô’. Tỳ Lô Giá Na Phật là pháp thân Như Lai. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói đến ba thân Như Lai, Tỳ Lô Giá Na là ‘Pháp thân Phật’, Lô Xá Na Phật là ‘Báo thân Phật’, Thích Ca Mâu Ni Phật là ‘Ứng thân Phật’, đây là ‘một thể ba thân’ của Phật. Phật là thầy giáo của chúng ta, chúng ta nương nhờ vào Ngài, nương theo vai của Ngài, nương theo và đạp trên đánh (*nghĩa là nương nhờ vào*) thì học sinh mới có thể vượt qua thầy, người sau vượt trội hơn người trước, có câu nói: ‘*thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*’ (*màu xanh lá cây có từ màu xanh lam mà vượt trội hơn xanh lam*). Nếu không noi theo phương pháp tu hành này mà phải xây dựng lại từ đầu,

đến ngày nào mới có thể thành tựu! Sự giáo học trong thế pháp và Phật pháp đều có chung đạo lý này.

Người xưa học Phật không kể tại gia hay xuất gia, lúc vào cửa Phật phải bắt đầu ‘học giới 5 năm’, đây là cơ sở, nền tảng. Câu này rất đơn giản, nếu y theo lời văn mà giải nghĩa, rất có thể sẽ giải thích sai ý tứ, cứ tưởng rằng chỉ học những thứ như năm giới, mười giới, Bồ Tát giới, Bát quan trai giới, mà không biết chữ giới ở đây chỉ ‘giáo giới’ (*lời dạy, khuyên răn*) của thầy giáo. Trong vòng 5 năm phải tuân theo lời khuyên dạy của thầy giáo, chứ không phải chỉ giới điều.

Thời xưa sư đạo tôn nghiêm, trong xã hội không ai chẳng tôn trọng người dạy học. Thế pháp còn như vậy huống hồ là Phật pháp. Cho nên quan trọng nhất là thân cận thiện tri thức. Ai là thiện tri thức? Chúng ta xem ngữ lục của người xưa, quan sát kỹ càng thì sẽ hiểu ngay. Thiệt ra thiện tri thức không có tiêu chuẩn nhất định, điều kiện quan trọng nhất là người học trò phải ngưỡng mộ, kính phục vị thiện tri thức này nhất, người này đúng là thiện tri thức. Nếu bạn có thể hoàn toàn phục tùng theo lời nói của người đó 100% thì đó là thiện tri thức của bạn. Cho dù đức hạnh của người đó cao đến đâu, học thức giỏi cách mấy, nếu bạn không phục họ, không chịu nghe lời, thì họ không phải là thiện tri thức của bạn. Cho dù chư Phật, Bồ Tát

tới, nếu bạn không tôn kính họ, không có tâm niệm phải y giáo phụng hành, Phật, Bồ Tát cũng không phải là thiện tri thức của bạn. Người khác nói cùng một lời nói như vậy, bạn không thể tin nhận; nếu có một người nói như vậy mà bạn có thể hoan hỷ nghe theo, làm theo, thì người này là thầy giáo tốt của bạn.

Có câu nói: ‘thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam’, thầy giáo có thể dùng chánh pháp dạy dỗ bạn, bản thân của thầy chưa chắc đã làm được, nhưng nếu học trò phục tùng một trăm phần trăm (100%), học trò có thể làm được nên học trò nhiều lúc vượt trội hơn thầy giáo. Cho dù thầy có giỏi cách mấy, nếu học trò không chịu nghe và làm theo lời dạy, thế thì việc dạy học này không có hiệu quả, học trò đi theo ông thầy này cả đời cũng không thành công. Vì vậy tiêu chuẩn lựa chọn thầy giáo là ở điểm này.

Ngữ lục của các tông phái trong Phật Giáo có ghi chép không kể là tại gia hay xuất gia, khi người học trò đi tham vấn các vị Đại Đức, những vị Đại Đức này thường sẽ cho biết duyên phận của người học trò ở địa phương nào, đi đến đâu tham vấn, học hỏi thì người này sẽ thành tựu. Người học trò nghe theo lời chỉ dẫn này mà đi tham vấn, quả nhiên sau 3 năm, 5 năm liền khai ngộ, liền thành tựu. Chúng ta suy nghĩ kỹ càng, không lẽ người học trò này không thể khai ngộ ở đạo

tràng của người giới thiệu, chỉ đường này hay sao? Người này có năng lực chỉ dẫn người đến cầu học đi đến đâu, đi học với người nào thì sẽ thành tựu, không lẽ tự mình không có khả năng dạy học? Văn tự Trung Quốc đơn giản, vắn tắt, người đó đi tham vấn vị lão hoà thượng này chắc chắn đã nói chuyện rất lâu, có thể đã lưu lại ở đó rất nhiều ngày, nhưng trong sách chỉ ghi lại hai ba câu nói, thiệt ra họ đã nói chuyện rất dài, rất lâu, liễu giải rất sâu. Lão Pháp Sư biết rõ căn cơ, thói quen của học trò, biết trong tâm học trò không mến mộ đạo tràng này và cũng không phải là học trò của mình, cho nên giới thiệu vị Đại Đức khác phù hợp với lý tưởng của học trò; đi học người thầy mà học trò ngưỡng mộ thì dễ hoàn toàn nghe lời và phục tùng, cho nên trong vòng 3 đến 5 năm thì có thể thành tựu. Thiệt ra đạo đức, học vấn, và tu trì của ‘vị chỉ đường’ này không thua người mà Ngài giới thiệu, chỉ là căn tánh và cơ duyên khác nhau mà thôi.

Thí dụ có người đến chỗ này để niệm Phật, tuy niệm nhưng tâm không thể an định vì người này rất thích Thiền, đối với Thiền cứ ghi nhớ trong lòng. Họ ở đây niệm Phật cũng niệm không xong, tham thiền cũng tham không đến đâu, như vậy chỉ làm mất thời giờ của họ mà thôi. Không bằng giới thiệu cho họ một vị thầy giỏi, chuyên tham thiền, có công phu. Họ đến đó chẳng khởi vọng tưởng, một lòng một dạ siêng năng

tu tập thì rất dễ thành công. Cho nên mỗi đạo tràng chỉ tu một pháp môn. Từ xưa đến nay, có câu ‘xây đạo tràng, lập pháp tràng (*dựng bày pháp nghĩa và chỉ bày rõ ràng cho chúng sanh*)’, giải hành chuyên nhất. Gom những người có cùng ý chí, đạo hiệp tu tập chung với nhau thì mọi người đều dễ thành tựu. Mỗi vị thiện tri thức trong 53 lần tham vấn trong Kinh Hoa Nghiêm tu học theo một pháp môn riêng rẽ, họ đón mừng những người cùng chung ý hướng đến để tu tập; người nào thích tu pháp môn khác đều được giới thiệu đến đạo tràng khác, giới thiệu với các Pháp Sư khác, giúp tất cả chúng sanh có thể thành tựu. Cho nên ‘pháp môn bình đẳng, thù đồ đồng quy’ (*pháp môn bình đẳng, đường nào cũng về đến đích*). Nhất định phải giữ hảo tâm muốn giúp người khác thành tựu, đừng gây chướng ngại cho họ, không thôi thì tội lỗi rất nặng.

Đạo tràng thời xưa rất giống như phân khoa chuyên ngành trong trường đại học bây giờ, tạo phương tiện thuận lợi cho đại chúng tham học. Mỗi đạo tràng có tông chỉ tu học riêng rẽ, có nơi y cứ vào Kinh luận, có chỗ dùng phương pháp tu tập đặc biệt. Cùng một tông phái, những đạo tràng khác nhau đều có chỗ đại đồng nhưng tiểu dị (*điểm khác nhau nhỏ*). Thí dụ trong Niệm Phật Đường có hai người niệm Phật theo những giai điệu và tốc độ nhanh chậm khác nhau, hai người

này sẽ làm cho những người đồng tu sanh phiền não, vì vậy phải phân ra hai đạo tràng riêng biệt.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật Thích Ca và chư Phật, Bồ Tát làm gương cho chúng ta. Đệ tử Phật phải làm gương tốt cho tất cả chúng sanh, làm người hạng nhất trong mọi hoàn cảnh và nơi chốn. Phải làm cho gia đình trở thành gia đình gương mẫu trên toàn Thế Giới. Những người làm ăn buôn bán phải làm cho công ty của mình thành công ty hạng nhất trên Thế Giới, như vậy mới đúng là đệ tử của Đức Phật. Trong Phật pháp không có hạng nhì, môn nào cũng là hạng nhất, mọi thứ đều hạng nhất, như vậy mới đúng như pháp. Cho nên ‘học Phật’ đúng theo nghĩa của chữ này rất khó, quan trọng nhất là ‘trí huệ tăng trưởng, thân tâm thanh tịnh’. Muốn đạt đến mức thân tâm thanh tịnh không thể không buông xả, không thể không nhìn thấu (thấy rộng toang), phải biết rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

3. ĐỪNG LÔI KÉO TÍN ĐỒ, ĐỪNG HÓA DUYÊN

Đạo tràng không thể lôi kéo tín đồ, không thể hóa duyên, nếu làm như vậy thì sẽ tạo nghiệp tội, nhất định sẽ có lỗi lầm. Chúng ta tin Phật sẽ lo lắng và duy trì đạo tràng cho chúng ta. ‘Tin Phật’ vô cùng quan trọng! Điều này là do thầy Lý dạy

tôi. Sau khi tôi xuất gia, thọ giới xong, đến Đài Trung thăm thầy, vừa gặp mặt thì thầy liền dạy cho tôi hai chữ ‘Tin Phật’. Sau đó thầy giải thích: “Ông học Phật đã bao nhiêu năm nay, đã xuất gia và thọ giới, còn đi giảng Kinh ở nhiều nơi, tôi dạy cho ông hai chữ này, ông không cảm thấy kỳ lạ hay sao?”

‘Tin Phật rất khó!’. Những gì Đức Phật dạy chúng ta làm thì chúng ta phải làm theo lời dạy, những gì Đức Phật dạy chúng ta đừng làm thì chúng ta nhất định không làm, như vậy mới gọi là ‘tin Phật’. Nhất định phải giải đúng nghĩa chân thật của những lời Phật nói, y theo đó mà làm, như vậy mới gọi là ‘tin Phật’. Đạo tràng có chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, vì vậy chúng ta nhất tâm hướng về đạo, ngoài ra không cần phải lo lắng. Từ xưa đến nay những người chân tâm hướng về đạo đều tu tâm thanh tịnh, chắc thật niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ, giúp các bạn đồng tu phá mê khai ngộ.

Pháp vận của Đức Phật Thích Ca dài một vạn hai ngàn năm, tất cả đệ tử từng đời tiếp nối truyền đến đời sau; trong Kinh Diễm Đại Thừa nói hào quang từ bạch hào của Đức Phật có một phần công đức dùng để cúng dường cho những người xuất gia đời sau này mãi cho đến khi pháp diệt. Chúng ta có thể tin và tiếp nhận điều này hay không?

4. Pháp môn vô lượng chỉ chọn một môn

Việc mà Phật pháp theo đuổi, tìm cầu là trí huệ cứu cánh viên mãn, trí huệ này có sẵn trong tự tánh, không phải đến từ bên ngoài. Tổng cương lĩnh của việc tu hành là ‘giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm’. Mê, tà, nhiễm đều là nghiệp chướng. Kinh Kim Cang dạy chúng ta ‘*Ứng vô sở trụ*’, trụ tức là nhiễm, chấp trước, phân biệt. Đức Phật dạy chúng ta làm bất cứ việc gì cũng phải tùy duyên, đừng phan duyên.

Phật pháp là ‘Giác, Chánh, Tịnh’. Tám vạn bốn ngàn pháp môn đến sau cùng đều đi vào từ ba cửa này. Thiền Tông, Tánh Tông vào từ cửa ‘Giác’, cho nên đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Giáo Hạ vào từ cửa ‘Chánh’, như Hiền Thủ, Thiên Thai, Pháp Tướng, Tam Luận Tông noi theo Kinh Điền Đại Thừa để sửa đổi tri kiến của mình, nhập Phật tri kiến, chánh tri chánh kiến. Tịnh Tông và Mật Tông vào từ cửa ‘Tịnh’, cả hai đều đặc biệt coi trọng tâm thanh tịnh – tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Lúc chưa bước vào cửa thì ba cửa này không giống nhau, sau khi vào trong thì ba cửa vốn là một. Tâm địa thanh tịnh làm sao lại không giác ngộ được chứ? Người giác ngộ không thể nào có tri kiến bất chánh. ‘Giác, Chánh, Tịnh’, ba là một, một là ba. Đạt được một thì cả ba đều đạt được, hiểu như vậy thì chúng ta mới có một phương hướng rõ ràng cho sự tu học của mình.

Trong Kinh Kim Cang Đức Phật dạy cho chúng ta rất nhiều thứ, đặc biệt là câu: *‘Thiện nam tử, thiện nữ nhân u thử Kinh trung nãi chí thọ trì tứ cú kệ đặng, vị tha nhân thuyết, nhi thử phước đức thắng tiền phước đức’* (Người thiện nam, người thiện nữ y theo lời dạy trong Kinh, nhận lấy và làm theo cho dù chỉ bốn câu kệ, giảng thuyết cho người khác thì phước đức này còn thù thắng hơn những phước đức kể trước), những câu giống câu này được lập lại đến 7, 8 lần, thế mới biết câu này quan trọng đến mức nào. Điểm quan trọng nhất là ‘thọ trì’, ‘thọ’ là tiếp nhận. Tôi hoàn toàn tiếp nhận lời dạy của Phật, y theo lời dạy mà làm, nhất định không làm ngược lại; ‘trì’ là bảo trì, giữ gìn vĩnh viễn không mất. Phần nửa phần sau nói đến ‘tín tâm bất nghịch’ (lòng tin không chống trái), nhất quyết phải làm theo y như vậy.

Nhiều bạn đồng tu hỏi tôi: ‘Đọc Kinh nào tốt?’. Chúng ta phải biết bộ Kinh nào cũng tốt cả; nếu thích bộ Kinh nào thì đọc Kinh đó, nhưng phải nhớ kỹ cả đời chỉ đọc một bộ Kinh thì mới có thể thành tựu. Nếu nghĩ bộ Kinh này tốt, Kinh kia cũng tốt, Kinh nào cũng đọc thì là tham. Phật dạy chúng ta phải đoạn trừ tâm tham chứ không dạy tăng trưởng tâm tham.

Học một bộ Kinh là ‘nhất môn thâm nhập’ (*đi sâu vào một môn*), một lòng một dạ theo học một pháp môn mà thôi, như vậy thì tâm sẽ định, tâm sẽ thanh tịnh. Phật nói rất nhiều Kinh Điển nhưng không dạy chúng ta học hết toàn bộ, mà trong số Kinh này chỉ chọn một bộ Kinh thích hợp với căn tánh của mình. Đi sâu vào một môn mới có thể thành công. Câu ‘Pháp môn vô lượng thế nguyện học’ trong Tứ hoằng thế nguyện đứng vào hàng thứ ba. Câu thứ nhất là ‘Chúng sanh vô biên thế nguyện độ’, câu thứ nhì là ‘Phiền não vô lượng thế nguyện đoạn’, nhất định phải làm được hai câu đầu rồi sau đó mới học nhiều pháp môn.

Học một pháp môn là cắt đoạn phiền não, nhưng trước đó phải phát tâm Bồ Đề, được vậy tri kiến (sự hiểu biết) mới chánh, tâm lượng mới lớn. Tâm lượng của chúng ta phải độ tận tất cả chúng sanh, không những độ những người học Phật mà còn phải độ tất cả những tín đồ Tôn Giáo khác, tâm lượng như vậy mới bình đẳng. Những tín đồ Tôn Giáo khác đối với chúng ta có thành kiến, mình đối với họ không có thành kiến, họ phỉ báng mình, mình đối với họ chỉ có lễ kính, tán thán. Phật là ‘*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*’, tâm lượng nhỏ hẹp là nghiệp chướng sâu nặng. Chúng ta muốn tiêu trừ nghiệp chướng thì bước

đầu tiên phải mở rộng tâm lượng, dùng tâm hoan hỷ đối đãi với tất cả chúng sanh.

5. Lối dạy học nghệ thuật hóa trong Phật Giáo

Hình tượng của Phật, Bồ Tát đều chứa đựng ý nghĩa thâm sâu, nếu chúng ta xem Phật, Bồ Tát như thần Thánh thì sai rồi. Kể cả kiến trúc Phật Giáo cũng biểu thị pháp (tượng trưng pháp), thí dụ nhìn từ phía ngoài thì đại điện trong Chùa có hai tầng, đi vào phía trong thì chỉ có một tầng: hai tầng ở phía ngoài tượng trưng cho nhị đế, một tầng ở trong tượng trưng nhị đế viên dung hoà đồng với nhau. Thông thường theo kiến trúc chánh quy của các tự viện vừa vào cửa thì gặp Điện Thiên Vương, ở chính giữa điện là tượng Di Lặc Bồ Tát, tượng này hướng về cổng chính, có hình dáng giống ‘Bồ Đại Hòa Thượng’ và tượng trưng cho tâm bình đẳng, tướng vui vẻ. Đệ tử Phật phải có đủ điều kiện này: bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, cười tươi đón tiếp người, thương sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn, như vậy mới đi vào cửa Phật được. Hai bên có Tứ Đại Thiên Vương hộ pháp, chữ hộ ở đây không phải hộ (bảo vệ) người khác, không phải hộ tự viện, không phải hộ đạo tràng, mà là hộ trì pháp của chính mình.

Một trong bốn vị thiên vương là ‘Đông Phương Trì Quốc Thiên vương’, vị này tượng trưng cho ‘phụ trách tận phận (làm tròn trách nhiệm)’. Chúng ta sinh hoạt trong thế gian ai cũng có trách nhiệm, bổn phận, mình phải làm tròn bổn phận của mình cho thật hoàn hảo. Làm thế nào để làm cho thật hoàn hảo? Cây đàn tỳ bà trên tay của Trì Quốc Thiên Vương cũng có ý nghĩa tượng trưng, dây đàn quá căng thì sẽ đứt, dây quá lỏng thì đàn không kêu, nhất định phải căng đến mức thích hợp vừa phải. Ý nghĩa tượng trưng là gì? Trong đời sống hằng ngày, trong công việc, khi đối xử với người, với việc phải làm đến mức vừa phải, không thể quá lớn, không thể quá thấp. Đây gọi là ‘trung đạo’ trong nhà Phật, hoặc là ‘trung dung’ trong nhà Nho .

Vị thứ hai là ‘Nam Phương Tăng Trưởng Thiên Vương’, vị này tượng trưng cho tiến bộ. Nhà Nho dạy: ‘cầu nhật tân, nhật nhật tân’ (*càng ngày càng đổi mới*). Phật pháp dạy ‘tinh tấn’. Cây kiếm trên tay tượng trưng cho trí huệ, chỉ có trí huệ mới có thể tiến bộ, không kể trên đức hạnh, học vấn, sanh hoạt, phẩm chất đều đòi hỏi mỗi ngày phải tiến bộ thêm.

Vị kế là ‘Tây Phương Quảng Mục Thiên Vương’, ‘Bắc Phương Đa Văn Thiên Vương’. Hai vị này dạy chúng ta phương pháp làm thế nào để làm hai điều trên được viên mãn?

Phải học tập nhìn nhiều, nghe nhiều, quán sát, học hỏi nhiều, khảo sát nhiều. Tay của Quảng Mục Thiên Vương cầm rồng hoặc rắn, rồng, rắn tượng trưng cho biến hoá. Nhân tình, sự lý trong xã hội đều rất phức tạp, luôn luôn thay đổi, chúng ta cần phải quan sát kỹ càng, nắm chắc cơ hội và không làm lạc. Tay của Đa Văn Thiên Vương cầm cây lọng, cây lọng tượng trưng cho ‘ngăn ngừa ô nhiễm’. Trong hoàn cảnh xã hội nhân tình phức tạp, trược ác, chúng ta phải giữ vững được không mê lầm, không ô nhiễm. Nếu hiểu được những ý nghĩa này thì vừa bước vào cửa Chùa liền học được bài học đầu tiên, lập tức tự nhắc nhở, tự cảnh tỉnh.

Người đời nay ưa thích nghệ thuật hoá, mấy ngàn năm trước giáo học và nghệ thuật trong Phật pháp đã kết hợp thành một thể. Khi thăm viếng mỗi ngôi Chùa, ngắm nhìn mỗi tôn tượng của Phật, Bồ Tát, không cần nói gì cả thì cũng cảm thấy niềm vui pháp hỷ sung mãn, liền đạt được sự lợi ích của sự giáo dục trong Phật pháp, thật làm cho người ta khâm phục đến năm vóc sát đất. Hiện nay những người chân chánh hiểu được sự giáo học của nghệ thuật trong Phật Giáo quá ít, hầu hết đều xem tượng Phật như thần Thánh, dập đầu khẩn vái, như vậy là mê tín. Chúng ta nhất định phải nhận định rõ ràng thì mới biết tiếp nhận và tu học như thế nào cho chính xác.

6. Tôn Phật làm thầy

Học Phật nhất định phải ‘đi sâu vào một môn’ thì mới có thể thành tựu. Nếu chúng ta không thiết tình hết lòng khâm phục những Đại Đức đời nay, không thể 100% y giáo phụng hành thì nên tìm người đời xưa. Cho nên tôi giới thiệu với quý vị một vị thầy giỏi nhất, đó là Đức Phật A Di Đà. Tôi đã giảng Kinh Vô Lượng Thọ hết 9 lần, đều khuyên mọi người tôn Đức Phật A Di Đà làm thầy. Những gì Đức Phật A Di Đà dạy chúng ta đều nằm trong Kinh Vô Lượng Thọ. Nếu có thể thông suốt, hiểu rõ lời dạy trong Kinh Vô Lượng Thọ, y theo đó mà làm thì chúng ta đúng là học sinh giỏi của Đức Phật A Di Đà. Đức Phật Thích Ca tán thán Đức Phật A Di Đà là ‘Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương’ (*tôn quý nhất trong các quang minh, là vua trong các vị Phật*), chúng ta tìm vị thầy này nhất định sẽ không lầm!

Hồi trước lúc tôi đến Đài Trung cầu học, thầy Lý vô cùng khiêm tốn, thầy nói với tôi: ‘Năng lực của tôi chỉ có thể dạy cho ông 5 năm, năm năm sau tôi không có năng lực để dạy ông nữa’. Thầy giới thiệu cho tôi một người thầy, đó là Ấn Quang Đại Sư, kêu tôi học theo Ấn Quang Đại Sư. Ấn Quang Đại Sư không còn trụ thế, chúng ta có thể tu tập theo Ấn Quang ‘Văn Sao’, nhất định sẽ không sai lầm. Hôm nay tôi giới thiệu Đức

Phật A Di Đà cho quý vị, so với Ấn Quang Đại Sư còn cao minh hơn.

Ngẫu Ích Đại Sư trong nhà Phật là một vị tổ Tịnh Độ Tông nổi tiếng vào cuối đời nhà Minh. Ngài cũng học theo người xưa, thầy của Ngài là Liên Trì Đại Sư. Lúc bấy giờ Liên Trì Đại Sư đã Vãng Sanh, Ngẫu Ích Đại Sư bèn chuyên đọc những trước tác (*sách vở*) của Liên Trì Đại Sư, học tập theo lời dạy trong sách của Ngài. Trong vòng 5 năm không xem sách của người khác, phải học theo lời dạy của một người duy nhất thì mới có thể thành tựu. Điều này gọi là đạp lên vai, đi trên đầu của người xưa (*nghĩa là nương nhờ vào người xưa*). Nếu học theo rất nhiều người, đạp lên như vậy sẽ té đau.

Trong Tịnh Độ Ngũ Kinh, Kinh A Di Đà sâu nhất và khó nhất. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật bổ sung và giảng rõ cho Kinh Vô Lượng Thọ, bổ sung về lý luận và phương pháp. Vì trong Kinh Vô Lượng Thọ chỉ giảng về ‘Ba Bậc Vãng Sanh’ còn Quán Kinh nói đến ‘16 thứ quán’ và nói rõ nhân quả của Chín phẩm. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật bổ sung ba điểm này một cách tường tận, rõ ràng. Phải nên đọc kỹ, suy nghĩ kỹ, phá tan nghi hoặc,

sanh lòng tin để có thể đạt được ‘tín tâm bất nghịch’ (*lòng tin sâu không chống trái*).

Tiểu bản Kinh A Di Đà nói về phương pháp tu hành, ý nghĩa trong đó thật là vô cùng vô tận, đừng xem thường Kinh này, đây là tinh hoa của Tịnh Tông. Từ xưa đến nay mọi người đều lấy Kinh A Di Đà làm khoá tụng thường nhật, việc này rất hợp lý. Không những Tịnh Tông tụng Kinh A Di Đà, Thiền Tông cũng tụng Kinh này trong khoá lễ tối, Giáo Hạ không cần phải nói, vì vậy nên chúng ta phải coi trọng Kinh này. Nếu không có lòng tin đối với Kinh A Di Đà, không hiểu rõ sự lý trong đó, đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ cũng tốt. Kinh Vô Lượng Thọ giảng ở mức thấp hơn và rõ hơn. Xây dựng lòng tin từ Kinh Vô Lượng Thọ xong rồi thọ trì Kinh A Di Đà sẽ không khó nữa.

e. Vũ trụ nhân sanh chỉ là mộng huyễn bào ảnh

1. Thọ trì một câu kệ hơn cả bố thí thất bảo

Kết luận cuối cùng trong Kinh Kim Cang vô cùng quan trọng. Những đoạn trong Kinh này càng về sau càng ‘hấp dẫn’, những ý nghĩa quan trọng đều ở nửa phần sau, đặc biệt kết luận này không những là kết luận của Kinh Kim Cang,

thiệt ra là tổng kết hết thấy 22 năm giảng Kinh Bát Nhã của Thế Tôn. Năm xưa Đức Phật giảng Kinh thuyết pháp 49 năm, hội Kinh Bát Nhã đã chiếm hết 22 năm. Nếu dùng cách phân đoạn thông thường của Kinh Điền ba phần: Tựa, Chánh tông, Lưu thông để xem xét một đời giáo hoá của Đức Phật, thì Bát Nhã là phần Chánh tông của toàn bộ Phật pháp, là trung tâm của cả đời giáo hoá của Đức Thế Tôn. Kết luận này không những là tổng kết của Bát Nhã mà cũng có thể nói là tổng quy kết hết thấy 49 năm thuyết pháp của Đức Phật, tức là hai câu và một kệ cuối cùng của Kinh này.

Thái tử Lương Chiêu Minh chia Kinh này ra thành 32 đoạn, đây cũng giống như làm việc phân khoa, phán giáo. Có câu rằng *‘Nhân giả kiến nhân, trí giả kiến trí’* (Người nhân thấy điều nhân, người trí thấy điều trí, ý nói: Từ nội tâm ảnh hưởng đến kiến giải, quan điểm, cách xử sự), từ xưa đến nay cái nhìn của các vị Đại Đức không giống nhau. Cách phân thành 32 đoạn của thái tử Chiêu Minh là để đọc tụng, tiện lợi cho việc thảo luận; tạm thời không bàn thích hợp, thỏa đáng hay không, nhưng phải nói cách phân đoạn này rất tiện lợi nên sách phân đoạn theo cách này thường được phổ biến rất rộng rãi. Đoạn cuối cùng tổng kết toàn quyển Kinh. Đoạn Kinh này vừa mở đầu Thế Tôn gọi ông Tu Bồ Đề. Trong Kinh mỗi khi Đức Phật kêu tên một người nào đó, phía sau nhất định sẽ có lời dạy

quan trọng, mục đích là nhắc đại chúng phải chú ý, đây là một kiến thức phổ thông.

Đức Phật dạy: giả sử có người bỏ thí hết bảy thứ báu trong vô lượng a tăng kỳ Thế Giới. Con số này không thể tính toán được, a tăng kỳ là một đơn vị trong thời cổ Ấn Độ, chúng ta ngày nay gọi nó là con số thiên văn (*con số này quá lớn*). Dùng đơn vị này lại thêm chữ vô lượng nữa. Không những là vô lượng mà còn là bảy báu trong vô lượng a tăng kỳ Thế Giới! Chỉ nói đến bảy thứ báu trên quả địa cầu này thôi thì đã không thể tính nổi hưởng gì là vô lượng a tăng kỳ Thế Giới!

Chữ Thế Giới nói trong Kinh là chỉ khu vực giáo hoá của một Đức Phật, là một đại thiên Thế Giới. Gần đây lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ đưa ra một cách nhìn mới, cụ cho rằng những ngân hà như chúng ta biết hiện nay không phải là một đại thiên Thế Giới, mà chỉ là một đơn vị Thế Giới. Nếu tính ngân hà là một đơn vị Thế Giới thì một đại thiên Thế Giới lớn vô cùng, không thể tưởng tượng nổi. Thông thường trong một tiểu thiên Thế Giới có một ngàn đơn vị Thế Giới, nói một cách khác 1000 hệ ngân hà mới là một tiểu thiên Thế Giới. Lại dùng một tiểu thiên Thế Giới làm đơn vị, 1000 tiểu thiên Thế Giới bằng 1 trung thiên Thế Giới, 1000 trung thiên Thế Giới bằng 1 đại

thiên Thế Giới. Nếu dùng cách tính này thì 1000x1000x1000 bằng 10 ức hệ ngân hà, đây mới là một đại thiên Thế Giới.

Phước đức của việc bố thí hết thảy ‘bảy báu trong vô lượng a tăng kỳ Thế Giới’ bao lớn? Thiệt là không thể tính đếm nổi. Có rất nhiều bạn đồng tu muốn bố thí tu phước, cho dù bố thí hết thảy báu vật trên trái đất này thì cũng quá ít so với bảy báu trong vô lượng a tăng kỳ Thế Giới! Đức Phật nói *‘Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân phát Bồ Đề tâm’*; dựa trên ‘Tam phước’ nói trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật thì tiêu chuẩn của ‘thiện’ là phải thực hiện được *‘Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm không sát hại sanh vật, tu thập thiện nghiệp’*, đây là thiện nam tử, thiện nữ nhân ở cõi nhân, thiên. Từ cơ sở này cộng thêm *‘Thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi’* tức là thiện nam tử và thiện nữ nhân theo tiêu chuẩn của Tiểu Thừa. Thiện nam tử và thiện nữ nhân nói trong Kinh Đại Thừa phải thêm bốn câu: *‘Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả’*. Kinh này là Kinh Đại Thừa, phải làm đầy đủ 11 điều trong Tam Phước nói trên thì tức là ‘thiện nam tử, thiện nữ nhân’ nói trong Kinh Kim Cang. Tóm lại chữ thiện nam tử và thiện nữ nhân trong Kinh Điển Tiểu Thừa và Đại Thừa đều có tiêu chuẩn đàng hoàng chứ không phải nói bừa.

‘*Người thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát Bồ Đề tâm*’ tức là phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ Đề và cũng là phát tâm rộng lớn ‘chúng sanh vô biên thế nguyện độ’. Hiện nay chúng ta học Phật là rất tốt, rất hiếm có, nhưng phải nhận thức rõ trong thế gian và xuất thế gian cái gì mới là chơn, cái gì là giả. Phải có đủ khả năng phân biệt tà chánh, thị phi, thiện ác, lợi hại thì mới gọi là người giác ngộ. Chữ ‘ngu si’ thường được dùng trong Kinh nghĩa là ‘điên đảo’, xem đồ giả thành đồ thiệt, xem điều ác thành điều thiện. Không những không thể phân biệt những vấn đề lớn, thậm chí đến những quan hệ, lợi hại nhỏ nhoi cũng không thể phân biệt, trong Kinh dùng danh từ ‘người đáng thương hại’ để mô tả những người này. Chúng ta có thiệt tình phản tỉnh không, có phải là người đáng thương này không, có phát tâm Bồ Đề chân thật không?

Tôi nhớ lúc học lớp 2, lớp 3 trong trường tiểu học, vì phá phách nên bị thầy phạt, bị thầy đánh, còn bị phạt quỳ nữa, đương nhiên cũng khóc sướt mướt. Lúc về nhà ba má tra hỏi nên biết ở trường tôi bị thầy giáo xử phạt. Hôm sau cha tôi đem lễ vật đến thăm thầy, cảm ơn thầy đã dạy dỗ cho tôi. Tôi nhìn thấy nên sau này khi bị thầy giáo phạt, khi về nhà không đời nào chịu nói ra. Hiện nay sự giáo dục thay đổi rồi, nếu học trò bị thầy giáo trừng phạt, cha mẹ học sinh sẽ đi thưa cảnh sát, còn muốn thưa ra toà, thế nên ngày nay làm thầy giáo không ai

dám răn dạy học sinh, không còn kiếm được những thầy giáo thật lòng dạy học sinh. Ngày nay đạo lý thầy trò không còn nữa, đây là sự đau buồn đáng tiếc của tất cả chúng sanh trong thời đại này; trẻ em, thiếu niên không được sự dạy dỗ đàng hoàng thì không phải là một chuyện tốt. Những lời dạy của cổ Thánh tiên hiền Trung Quốc thời xưa viết bằng lối văn ‘Văn Ngôn’, người đời nay xem không hiểu; những lời dạy và Kinh Điển của Phật, Bồ Tát cũng xem không hiểu, như vậy phải làm sao? Chúng ta phải phản tỉnh kỹ càng, phải nên giác ngộ!

Phật dạy: *‘Người thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát tâm Bồ Đề phải nên trì Kinh này’*, cho dù không thể thọ trì hết bộ Kinh này, thì cũng nên ‘thọ trì chỉ bốn câu kệ’, quan trọng ở chữ ‘thọ trì’. ‘Thọ trì, đọc tụng, diễn thuyết cho người khác, phước báo đó vô cùng thù thắng’. Câu Kinh này vô cùng quan trọng và cũng khẳng định nếu có thể hiểu được và phụng hành, phước báo tu được sẽ lớn hơn người bố thí thất bảo khắp vô lượng a tăng kỳ Thế Giới. Đích thật là to lớn hơn, không giả dối tí nào.

‘Thọ’ tức là tiếp thọ; ‘trì’ nghĩa là giữ gìn, đừng đánh mất. Ý nghĩa của chữ ‘Thọ’ bao gồm hiểu rõ, hiểu đúng dẫn ý nghĩa của Kinh Điển, đồng thời có thể ứng dụng nghĩa Kinh vào đời sống sanh hoạt thường ngày, nghĩa là sanh hoạt trong

‘Trí Huệ Kim Cang Bát Nhã’, phước báo này to lớn dường nào! Cho dù phước báo của người trong thế gian có lớn đến mấy, họ cũng chỉ sinh sống trong phiền não, không thể nào sánh bằng. Người có phiền não thì tương lai vô cùng đen tối, đầy đủ Trí Huệ Kim Cang Bát Nhã thì tương lai xán lạn. ‘Thọ trì’ tức là y giáo phụng hành, làm được hoàn toàn trong đời sống sanh hoạt thường ngày. Thí dụ Đức Phật Thích Ca biểu diễn ăn cơm, mặc áo đều là Kim Cang Bát Nhã. Lúc xử thế, đối người, tiếp vật, từng ly từng tí đều áp dụng Trí Huệ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Được vậy mới gọi là ‘thọ trì Kim Cang Bát Nhã’, sanh sống một đời sống ‘Kim Cang Bát Nhã’.

‘Diễn thuyết cho người khác’: diễn và thuyết là hai việc khác nhau, dụng ý đều là để giáo hoá chúng sanh. Diễn là biểu diễn, làm gương tốt cho người ta xem, làm cho người ta ngưỡng mộ, ưa thích và nhờ vậy phát tâm học Phật pháp. Thuyết là thuyết minh, giải thích cho người khác. Người ta nhìn thấy đời sống của bạn hạnh phúc vui vẻ như vậy, nhất định sẽ lại hỏi thăm, nhân dịp này bạn giới thiệu Phật pháp cho họ, làm cho họ cũng có thể phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Phật pháp là ‘sư đạo’, chỉ nghe nói việc đi học chứ chưa nghe nói việc thầy đi dạy. Học là học sinh đi cầu học; nếu bạn không cầu mà ông thầy đến dạy bạn, như vậy là sai lầm (không

hợp lý). Chúng ta phải làm gương tốt cho người ta xem, đây tức là ‘duyên’, tức là giới thiệu, phát triển rộng ra.

2. Hoảng pháp phải địa phương hóa và hiện đại hóa

Chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp tùy theo căn cơ, căn cơ của chúng sanh không giống nhau, sai khác rất lớn, cho nên Phật mới mở vô lượng pháp môn để phù hợp cho mỗi loại căn cơ khác nhau. Nếu không biết điểm này, không những tự mình học Phật đến nỗi sai lầm, nếu dạy người ta thì cũng sẽ dạy sai. Trong suốt 37 năm giảng Kinh tôi thường thường nhắc đến điểm này nhưng nhiều người cũng không thể hội, không giác ngộ. Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng: *‘Phật không có pháp nhất định nào để nói, Phật không có pháp để nói’*. Phật đều *‘ứng cơ nhi thuyết’* (tùy theo trường hợp, căn cơ mà thuyết), *‘nói mà không nói’*.

Vì thời xưa và thời nay khác nhau, đông tây chẳng đồng, nên Phật pháp cần phải ‘hiện đại hóa’ và ‘địa phương hóa’, được vậy mới có thể đem lại lợi ích cho đa số chúng sanh hiện nay. Hơn 2000 năm trước (năm 67 sau công nguyên), Phật Giáo chính thức truyền đến Trung Quốc, lúc đó Hán Minh Đế phái sứ giả đến Tây Vực, đón mời 2 vị cao tăng Ấn Độ: Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đến Trung Quốc. Hai vị Pháp Sư này

rất có trí huệ, sau khi đến Trung Quốc họ liền Trung Quốc hoá (thay đổi để thích hợp với người Trung Quốc). Họ ăn mặc và sinh sống theo kiểu dân bản xứ, đây gọi là sinh hoạt Trung Quốc hoá. Lúc đó nếu họ vẫn sanh hoạt theo cách thức và văn hoá Ấn Độ, người Trung Quốc sẽ không tiếp nhận một cách dễ dàng. Do đó khi họ vừa đến Trung Quốc liền thay đổi, họ hiểu được sự quan trọng của nguyên lý ‘bản thổ hoá’ và ‘hiện đại hoá’. Kiến trúc của đạo tràng được xây dựng bắt chước theo cung điện vua chúa, người Trung Quốc nhìn thấy rất ưa thích! Người Trung Quốc thời xưa rất tôn trọng vua chúa, đạo tràng Phật Giáo được xây giống cung điện thì không ai chẳng thích đi vào.

Chúng ta hãy xem những năm gần đây Phật Giáo từ Trung Quốc được truyền đến Mỹ, kiến trúc của đạo tràng vẫn còn dùng kiến trúc của cung điện Trung Quốc thời xưa làm cho người Tây Phương vừa nhìn thấy liền tránh né vì họ nghĩ đây là văn hoá ngoại lai, không muốn chấp nhận. Cho nên ở Mỹ phải xây đạo tràng giống tòa Bạch Cung vậy, người Âu Mỹ nhìn thấy sẽ vui thích đi vào; tượng Phật phải đúc giống gương mặt của người Mỹ, cũng như tượng Phật ở Trung Quốc giống người Trung Quốc, ở Nhật giống người Nhật, ở Tây Tạng giống người Tây Tạng, tượng Phật ở Thái Lan có cảm nhọn nhọn giống người Thái Lan.

Mấy năm trước tôi giảng Kinh ở Miami, có người Mỹ đến nghe, tôi nói với họ: ‘Phật Giáo chưa truyền đến Mỹ quốc’. Họ rất ngạc nhiên! Tôi giải thích bằng câu hỏi: ‘Quý vị xem có tượng Phật nào có gương mặt giống người Mỹ không?’. Chư Phật, Bồ Tát không có gương mặt nhất định, biến hoá tùy theo tâm niệm của chúng sanh, chúng sanh chịu dùng thân gì để được độ thì Bồ Tát sẽ hiện ra thân đó, như vậy mới có thể phổ độ chúng sanh. Chúng ta đến chỗ này nếu chỉ độ người Trung Quốc hoặc Hoa kiều không thì chẳng có ý nghĩa gì cả. Xây dựng đạo tràng ở chỗ nào thì phải độ hoá chúng sanh ở nơi đó, thế mới là hoằng pháp lợi sanh. Cho nên chúng ta xây dựng đạo tràng ở đây phải dùng kiến trúc của Mỹ. Chúng ta xây dựng đạo tràng như vậy nếu không có sự biểu quyết của hội đồng thành phố (city hearing), những người hàng xóm chung quanh cũng sẽ vui vẻ, không phản đối. Chúng ta dùng phương pháp dễ hiểu rõ ràng, giới thiệu Phật pháp cho người địa phương thì họ sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

3. Cảnh cũ lá mới, tùy duyên thuyết pháp

Từ xưa đến nay số người viết chú giải cho Kinh Kim Cang không dưới 500 người, mỗi người viết chú giải đều không giống nhau. Nếu hết thầy đều giống nhau thì làm sao

lưu truyền đến đời sau? Chú giải không giống nhau tức là dùng cách nói khác nhau. Hết thảy 500 cách chú giải Kinh Kim Cang đều không sai vì Phật không có định pháp có thể nói. Cho nên chúng ta xem chú giải phải biết cách xem, trong chú giải đời Đường sẽ dùng cách giải thích cần thiết cho người đời Đường. Kinh Phật là toa thuốc, người đương thời có bệnh gì, viết toa thuốc này có thể chữa lành bệnh cho họ (phá mê khai ngộ) thì đó là pháp dược hạng nhất. Bệnh của người đời Tống khác người đời Đường. Phương pháp chữa cho người đời Đường chữa không hết bệnh của người đời Tống, thế nên những Đại Đức đời Tống cần phải có một cách nói khác để chữa bệnh cho người đời Tống. Nếu quý vị hiểu đạo lý này thì sẽ biết tật bệnh, tập khí của chúng sanh trong mỗi thời đại khác nhau nên phương pháp chữa trị cũng khác nhau. Ngày nay nếu chúng ta đọc chú giải thời xưa không đạt được lợi ích là vì mình không biết đọc; nếu biết đọc thì khi đọc chú giải thời xưa sẽ kiếm được ý nghĩa mới, từ ý cũ tìm ra ý mới, như vậy gọi là ‘khai ngộ’.

Kinh Kim Cang giống như một cây cổ thụ, một cây cổ thụ mấy ngàn năm luôn luôn sống mãi, mỗi năm mọc ra cành mới, năm nào cũng mọc ra hoa mới, trái mới. Cành lá cũ thuộc về đời trước, cành lá mới thuộc về đời hiện nay; nhờ cách giải thích cũ tìm ra phương pháp mới. Nếu không hiểu đạo lý này,

thì làm sao hiểu Kinh, làm sao có thể giải thích cho người khác. Cho nên thời đại, địa phương khác nhau sẽ có cách giải thích, cách nói khác nhau. Đối với người Trung Quốc tôi có cách nói như vậy, nhưng đối với người Mỹ thì tôi có cách nói khác, đối với người Nhật thì lại có cách nói khác nữa. Cùng một bộ Kinh gặp người thì nói tiếng của người, gặp quý thì nói tiếng của quý, thế thì người và quý đều đạt được lợi ích. Những gì dùng để giải thích và nói cho người nghe thì không độ được quý, những gì dùng để giải thích và nói cho quý thì không độ được người (không thể dùng để giải thích cho người được).

Thí dụ rõ ràng nhất là cùng một Kinh Kim Cang khi tôi giảng giải cho tín đồ Cơ Đốc giáo hoàn toàn phù hợp với ‘Tân Cựu Ước’ của họ; khi tôi giảng giải cho tín đồ Hồi giáo nhất định phải phù hợp với Kinh Coran của họ. Pháp không có đối nghịch lẫn nhau, vô cùng hoạt bát uyển chuyển. Ai nghe xong cũng đều vui vẻ và tiếp nhận, đây là chỗ mà Phật pháp đáng cho người ta khâm phục. Phật pháp là pháp viên dung, đối với tất cả chúng sanh, tất cả chủng tộc, thậm chí tất cả Tôn Giáo tín ngưỡng đều không có xung đột. Nếu có xung đột là vì bạn không hiểu rõ Phật pháp. Tu học Phật pháp phải hiểu rõ lý luận thì mới đạt được lợi ích, mới có thể phát triển, đem ích lợi đến cho tất cả chúng sanh.

4. Ăn chay vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm (bảo vệ sinh thái, bảo vệ tánh đức, bảo vệ tâm tánh)

Hiện nay nhiều người thường gặp phải khó khăn trên phương diện ăn uống. Khi bạn học Phật, đã ăn chay trường, nhưng người nhà chưa học Phật. Lúc bạn chưa học Phật cả nhà đều hoà thuận nhưng sau khi bạn học Phật, trong nhà mỗi ngày đều vì vấn đề ăn uống mà cãi lộn làm cho cả nhà không vui. Người hàng xóm nhìn thấy như vậy sẽ khuyên mọi người đừng học Phật và nói rằng học Phật sẽ phá hoại hạnh phúc gia đình. Người ăn chay này do vậy đã phá hoại Phật pháp mà cứ tưởng mình có công đức. Tam Phước dạy trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ là cơ sở cho người học Phật; ‘hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng’ tức là hiếu thuận, nếu không thể tùy thuận theo cha mẹ thì là bất hiếu. Học Phật phải có trí huệ trong lúc tùy thuận phải giải thích rõ, làm cho họ thay đổi, cần phải có sức nhẫn nại lớn lao, cần phải có phương pháp khéo léo. Nếu vừa mở miệng liền nói: ‘Quý vị ăn thịt, tương lai phải trả nợ này’, người ta vừa nghe liền sanh phản cảm, làm sao có thể nghe theo lời khuyên được!

Ăn chay đối với việc vệ sinh đích thực có rất nhiều lợi ích. Đặc biệt là hiện nay chất độc trong thịt cá rất nhiều nên người ta thường mắc phải nhiều bệnh kỳ quái. Người xưa có

câu: ‘*Bệnh từ miệng vào*’; những tâm niệm tham, sân, si, mạn, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều là nguồn gốc của bệnh tật. Thức ăn là duyên. Có nghiệp nhân lại cộng thêm nghiệp duyên thì sẽ sanh ra bệnh tật (tất cả bệnh tật là quả báo). Từ đời Lương Võ Đế trở về trước, người xuất gia ở Trung Quốc cũng ăn thịt. Việc ăn chay là do Lương Võ Đế đề xướng, ông dùng oai quyền của ông vua nhiệt tâm khởi xướng chuyện ăn chay cho nên từ đó những người theo Phật Giáo ở Trung Quốc bắt đầu có thói quen ăn chay. Ăn chay đích thật có nhiều ích lợi, nhưng chẳng phải không ăn chay thì không thể thành Phật.

Lúc trước thầy Lý ở Đài Trung dạy chúng tôi khi tiếp dẫn người sơ cơ phải ghi nhớ 2 việc: việc thứ nhất tuyệt đối không khuyên người ta ăn chay, thứ hai tuyệt đối không khuyên người ta thọ giới. Vì khi nghe nói học Phật phải ăn chay sẽ gây chướng ngại cho rất nhiều người không dám học Phật, như vậy sẽ cắt đứt cơ duyên học Phật của họ mất hết, tội này rất nặng. Thọ giới rồi nếu phá giới thì tội tăng thêm một bậc. Nếu không thọ giới thì sẽ không phạm tội phá giới; nếu thọ giới xong tự nhiên kết tội nặng hơn. Phương pháp Đức Phật dạy chúng ta đều có thứ tự đàng hoàng, khi cảnh giới nâng cao lên một bậc thì giới cấm cũng khai mở thêm một chút, giống như khi học trong trường vậy. Quy tắc, quy củ của lớp tiểu học rất nhiều, đến trung học thì giảm bớt một chút vì trí huệ

của học sinh trung học đã phát triển; đến đại học thì hầu như hoàn toàn mở rộng, hết giới cấm, vì học sinh đại học đã hiểu chuyện rồi, rất nhiều việc gò bó, quản thúc đã được bỏ vì không cần thiết nữa, Phật pháp cũng giống như vậy. Trong ngũ thừa Phật pháp: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa, tinh thần của giới Bồ Tát và giới Tỳ Kheo hoàn toàn khác nhau.

Học Phật phải hiểu lý, phòng ngừa không bị bệnh, thân tâm khỏe mạnh, tự tại vui vẻ. Thân tâm của bạn khỏe mạnh thì người nhà sẽ vui thích vì họ không cần phải đặc biệt lo lắng cho bạn. Nếu người học Phật mà cứ bị bệnh hoài, khi người nhà nhìn thấy bạn nhăn nhó, âu sầu, làm cho người ta sợ không dám học Phật, thế thì rất sai lầm.

Không cần phải đề cập đến lợi ích và nhân quả báo ứng của việc ăn chay, đây là một chuyện mà nhiều người bắt đầu học Phật thường gặp phải khó khăn và chống đối. Chúng ta có thể giải thích rõ ràng bằng những lý do thông thường mà họ có thể chấp nhận. Phần đông người ta đòi hỏi việc ăn uống phải vệ sinh, không ăn những thức ăn dơ bẩn và hư thối. Không những chúng ta đòi hỏi vệ sinh mà còn phải 'vệ tánh'. Tánh tức là tánh tình lương thiện. Người theo Hồi giáo (Islam) dạy người ta không ăn những động vật có tánh tình không tốt, sự

lựa chọn của họ kỹ càng hơn phần đông người khác. Sự ăn uống trong Phật Giáo còn cao minh hơn Hồi giáo, đệ tử Phật phải có tâm từ bi, không ăn thịt tất cả chúng sanh, vì vậy việc ăn uống trong Phật Giáo là vệ sinh, vệ tánh, và vệ tâm. Họ có thể hiểu những lý luận này mà không khởi lên phản cảm. Thói quen của việc ăn uống trong Phật Giáo rất tốt, rất uyển chuyển hoạt bát, và ‘thông quyền đạt biến’ có thể biến chuyển tùy theo trường hợp mà không phải chỉ là những giới điều cứng nhắc.

‘Diễn thuyết cho người khác’ có một nguyên tắc rất quan trọng, trong Kinh Đức Phật đã dạy chúng ta *‘bất thủ u tướng, như như bất động (không chấp vào tướng, như như bất động)’*, ý nghĩa này vô cùng sâu rộng. Trong sinh hoạt thường ngày bất cứ chuyện gì chúng ta đều không chấp tướng. Phần trước trong Kinh này dạy chúng ta *‘ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm’*, thế pháp và Phật pháp đều không nên chấp trước, không nên giữ chặt trong tâm. Không chấp vào tướng là ‘tu đức’, như như bất động là ‘tánh đức’. Nếu không có công phu tu tập thì làm sao kiến tánh được? Chúng ta dùng phương pháp ‘không chấp vào tướng’ để chứng được chân tâm ‘như như bất động’. Đây là cương lĩnh tu học mà Đức Phật dạy chúng ta từ lúc sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật.

5. Vũ trụ nhân sanh chỉ là mộng huyễn bào ảnh

Lúc chúng ta khởi tâm động niệm, vọng tưởng, chấp trước đều là trước tướng, thủ (nắm giữ) tướng. Tại sao không nên thủ tướng, không chấp tướng?

Đoạn cuối Kinh này Đức Phật dùng 4 câu kệ để giải đáp vấn đề, nói rõ đạo lý tại sao như vậy:

<i>Nhất thiết hữu vi pháp,</i>	<i>(Tất cả pháp hữu vi,</i>
<i>Như mộng huyễn bào ảnh,</i>	<i>Như mộng huyễn, bọt, ảnh</i>
<i>Như lộ diệt như điện,</i>	<i>Như sương cũng như chớp</i>
<i>Ứng tác như thị quán</i>	<i>Nên quán sát như vậy)</i>

‘Hữu vi pháp’ là những pháp ‘có sanh có diệt’. Tất cả động vật có sanh, lão, bệnh, và tử, thực vật có sanh, trụ, dị, và diệt, khoáng vật có thành, trụ, hoại, và không, tất cả đều là hữu vi pháp. Nếu chúng ta bình tĩnh quan sát thì sẽ thấy hầu như những gì sáu căn tiếp xúc đều là pháp hữu vi. Nếu quý vị học Duy thức thì có thể giải thích những vấn đề này rất dễ dàng. Trong quyển Bách Pháp Minh Môn Luận của Duy thức nhập môn, Thiên Thân Bồ Tát quy nạp tất cả các pháp thành 100 loại. Nói thật ra 100 pháp này bao gồm tất cả vô lượng vô biên

pháp trong thế gian và xuất thế gian, và lại có thể chia thành 5 loại.

Loại thứ nhất là *‘Tâm pháp’*, có 8 thứ gọi là tám thức, tám tâm vương.

Loại thứ nhì là *‘Tâm sở hữu pháp’*, tức là tác dụng tâm lý, hiện tượng tâm lý, lại chia thành 51 thứ.

Loại thứ ba là *‘Sắc pháp’*, tức là vật chất, gồm có 11 thứ. Những ngoại cảnh mà sáu căn tiếp xúc: những gì mắt thấy, những gì tai nghe, thân cảm nhận, lưỡi nếm, mũi ngửi, tất cả những cảnh giới đều dùng ‘sắc’ để tượng trưng.

Loại thứ tư là *‘Tâm bất tương ưng hành pháp’*, triết học ngày nay gọi là khái niệm trừu tượng, gồm có 24 thứ. Tổng cộng những thứ trên thành 94 thứ, đều gọi là ‘pháp hữu vi’.

Loại thứ năm là *‘Vô vi pháp’*, gồm có 6 thứ. ‘Tất cả hữu vi pháp’ là chỉ 94 thứ này, bao gồm tất cả pháp trong thế gian và xuất thế gian. Thế gian là chỉ lục đạo, xuất thế gian là chỉ Tứ Thánh pháp giới – Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, và Phật. Lục đạo và thập pháp giới đều không vượt ra ngoài phạm vi này. Không những pháp thế gian giống như mộng huyễn, bọt, ảnh, mà pháp giới của Tứ Thánh cũng như mộng huyễn, bọt, ảnh, thế nên mới dạy chúng ta Thế pháp và Phật

pháp đều không thể trụ, và cũng không thể thủ (nắm lấy). Nếu trụ vào Phật pháp, bám víu Phật pháp thì cũng sai luôn. Thí dụ trong bài kệ này có 6 chữ: ‘mộng’ là thí dụ chung. Không những đời người như mộng, trời cũng như mộng, Phật, Bồ Tát trong thập pháp giới cũng như mộng. Nếu bạn cho là thật thì sai lầm quá đỗi.

Tại sao có sự khác biệt to lớn giữa y báo, chánh báo trang nghiêm của thập pháp giới?

Kinh nói: *‘Nhất thiết Thánh Hiền, giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt’* (Hết thấy Thánh Hiền đều vì pháp vô vi mà có sự sai khác). Câu này nói rõ Phật, Bồ Tát, thập pháp giới, lục đạo luân hồi từ đâu đến, đến như thế nào. Lục đạo luân hồi là vì ‘pháp hữu vi’ mà có sự sai khác. Tứ Thánh pháp giới từ Pháp Thân Đại Sĩ, Viên Giác Sơ Trụ cho đến Diệu Giác, 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ đều là vì ‘pháp vô vi’ mà có sự sai khác. Do đó có thể biết lục đạo, thập pháp giới là vì pháp hữu vi mà có sự sai khác. Pháp hữu vi tức là ‘nhân duyên quả báo’. **Vạn pháp đều không, chỉ có nhân quả chẳng không**, đây là chân tướng của vũ trụ nhân sanh.

Tại sao lại nói ‘nhân quả chẳng không’?

Nhân là năng biến, thập pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm là quả báo sở biến. Hết thấy sự khởi tâm động niệm

đều là đang tạo nhân, đều là đang tạo tác. Đừng nói đến ngôn ngữ, động tác, chỉ cần động một tâm niệm cực kỳ nhỏ bé thì đã có tạo tác rồi. Đức Phật dùng ‘mộng’ để thí dụ, trong mộng có những sự việc này, có hiện tượng nọ, nhưng sự việc và tướng trong mộng đều là giả. Nếu chúng ta có thể xem tất cả pháp như mộng, huyễn, bọt, ảnh thì sẽ không tạo nghiệp, tâm sẽ định, sẽ thanh tịnh. Định có thể sanh huệ, ‘*lòng tin thanh tịnh ắt sanh thật tướng*’, tánh đức của tự tánh tự nhiên xuất hiện, mới đạt được sự thọ dụng chân thật trong sanh hoạt thường ngày.

‘Huỷn’ ví như hư không. Hư không như huyễn, chẳng phải chân thật. Nhà Phật thường nói ‘minh tâm kiến tánh’, người kiến tánh không có đen tối. Nếu đã nhìn thấy toàn là ánh sáng thì đã kiến tánh; nếu mở mắt ra mà nhìn thấy đen tối thì chưa kiến tánh, tại vì còn kẹt trong vô minh. Sau khi phá vô minh rồi thì thiệt là nhìn thấy ‘đại quang minh tạng’. Tự tánh là quang minh, tự tánh mê mờ thì biến thành một màn đen tối, cho nên xưng là ‘vô minh’.

Hư không là cảnh giới trong mộng. Lúc chúng ta nằm mộng, trong mộng cũng có hư không, lúc tỉnh dậy, chẳng thấy hư không, thế nên hư không chẳng phải thiệt. Khoa học gia ngày nay rất thông minh, cũng đã thể hội được rằng hư không

là có giới hạn; ngày xưa cứ tưởng rằng ánh sáng đi theo đường thẳng, ngày nay biết được ánh sáng là có cường độ. Có cường độ tức là có sai biệt, tức là không phải lớn vô hạn, nghĩa là có giới hạn, có phạm vi. Thế nên Đức Phật dùng ‘huyền’ ví cho hư không.

‘Bọt’ ví cho Thế Giới. Thí dụ tinh cầu rất yếu mềm, cũng giống như bọt nước, rất dễ vỡ tan. Khoa học gia dùng viễn vọng kính hiện đại để quan sát, mỗi ngày đều phát hiện thấy tinh cầu mới và cũng thấy rất nhiều tinh cầu bị huỷ diệt, Thế Giới này không phải thật. Trong Kinh Bát Đại Nhân Giác Đức Phật nói ‘*quốc độ mong manh*’, thế thì có gì phải tranh giành, tính toán, chấp trước nữa? Nếu nhìn thấy và hiểu rõ chân tướng sự thật thì tự nhiên sẽ buông xả. Sau khi buông xả rồi, cái niềm vui vẻ khinh an (thong dong, thanh thoi), tự tại, khoái lạc, cho dù tôi có thể diễn tả được thì quý vị cũng không thể tưởng tượng ra. Nhất định phải buông xả thì mới thể hội (nhận biết) được; nếu không chịu buông xả thì vĩnh viễn sẽ không thể hội được niềm vui sướng chân thật. Hết thấy sự khổ đều do mình tự tạo ra, buông xả được thì sẽ có trí huệ chân thật, thì mới hiểu rõ ràng chân tướng sự thật.

‘Ảnh’ (bóng) ví như thân thể. Ảnh là giả, không thật.

‘*Mộng, huyền, bọt, ảnh*’ mỗi chữ ví cho một sự vật và đều nói rõ tất cả hư không, Thế Giới, thân thể đều là giả tạo, không có một thứ nào là thiệt. Mỗi ngày vì cái thân giả này tạo nghiệp, bạn nói có oan uổng hay không? Tại sao chúng ta lại làm cái việc ngu xuẩn này! Thí dụ như trong việc ăn uống, rất nhiều người thích ăn sinh vật sống. Chỉ vì ba tác lưỡi, thiệt ra sau khi nuốt vô cuống họng rồi thì không biết mùi vị chi nữa, nhưng vì mùi vị của cái lưỡi này mà tạo ra tội nghiệp nặng nề, vả lại mỗi ngày đều tạo nghiệp nặng, tạo mãi cho đến hết cuộc đời! Sau khi chết đi, đến đời nào kiếp nào mới có thể trả hết? Đây đều là chân tướng sự thật, người thế gian không tin, mê hoặc điên đảo. Học Phật ở mức độ thấp nhất phải hiểu rõ ràng, thấu suốt những lý luận, trạng huống của nghiệp nhân, quả báo. Không những phải rõ ràng trong đời này, mà còn biết quá khứ, vị lai, chuyện này không phải là thần thông. Nếu tâm có thể đạt được vài phần thanh tịnh, thì tự nhiên sẽ minh liễu (hiểu rõ), không cần phải hỏi người ta. Hỏi người ta rất đáng sợ vì đời nay rất ít người nói thiệt mà gạt người thì rất nhiều. Nói láo thì bạn vui vẻ thích nghe, nói thiệt thì bạn nổi giận không thích nghe, không chịu nghe. Vì vậy cho nên ai chịu nói thiệt với bạn? Đây là sự bi ai của người đời nay.

‘*Như sương cũng như chớp*’ thí dụ cho thời gian tồn tại của hiện tượng dài hay ngắn. ‘Sương’ là hơi nước đọng lại vào

buổi sáng sớm có thời gian tồn tại khá dài, cỡ khoảng mấy chục phút, sau khi mặt trời mọc thì sương sẽ tan. Đây là thí dụ cho sự tương tục, tiếp nối của các pháp, hình dung thời gian tồn tại không lâu dài. Một người từ lúc sanh ra đến lúc mất đi, sinh sống trên Thế Giới này được vài chục năm ngắn ngủi, thọ mạng ngắn thì khoảng hai ba chục năm, dài thì bảy tám chục năm; ai có thể sống đến trăm tuổi thì rất hiếm hoi, đều là những người trong đời quá khứ và hiện tại đã tạo ra rất nhiều nghiệp thiện. Chớp tức là điện chớp, hình dung cho tướng sanh diệt trong từng sát na, rất ngắn. Thí dụ như màn ảnh chiếu phim, từ lúc bắt đầu cho đến kết thúc kéo dài 2 giờ đồng hồ đều là tướng tương tục tiếp nối.

‘Nhu chớp’ cũng giống như từng tấm phim trong cuộn phim. Phần đông máy chiếu phim hiện nay chớp 24 tấm phim trong một giây (ông kính mở ra, chiếu một tấm xong rồi đóng lại, mở ra chiếu tấm kế tiếp rồi đóng ông kính lại, ...) tốc độ rất nhanh, chúng ta bị ảo tưởng này gạt và có cảm giác như những màn ảnh này là thiệt là liên tục. Đức Phật xem tất cả Thế Giới, thập pháp giới chúng sanh đều là tướng liên tục, của từng chút từng chút tiếp nối lại, đều không phải thiệt, thế nên mới nói ‘đương thể tức không, liễu bất khả đắc’ (bản thể ngay lúc đó tức là không, không thể giữ lấy được). Thân thể chúng ta đến đây nghe

Kinh, trải qua một giờ rưỡi đồng hồ không biết đã thay đổi hết bao nhiêu tấm phim! Hiện nay không phải là tấm phim lúc ban đầu, tấm ban đầu đã biến mất tiêu rồi, đó tức là ‘như chớp’.

Trong Kinh Nhân Vương Đức Phật nói với chúng ta một cái khủy ngón tay có 60 sát na. Thời gian khủy ngón tay rất ngắn, một phần sáu mươi của thời gian khủy ngón tay gọi là ‘sát na’; một sát na có 900 lần sanh diệt, đây là hình dung ảo tượng sanh diệt nhanh như chớp. Chân tướng của những tướng hiện ra trong thập pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm đều là ‘tướng sanh diệt từng sát na’. Nếu khủy ngón tay thật nhanh, trong một giây có thể khủy 4 lần; $4 \times 60 \times 900$ bằng 216.000. Màn ảnh trên phim điện ảnh một giây đồng hồ sanh diệt 24 lần nên chúng ta không cảm giác nó là giả, huống hồ những hiện tượng trước mắt chúng ta mỗi giây có đến hai trăm mười sáu ngàn lần sanh diệt. Đức Phật nói ‘*vạn pháp giai không liễu bất khả đắc*’ (*vạn pháp đều là không, không thể nắm giữ được*), *như thị như thị (đúng là như vậy)*. Sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật thì tự nhiên không tạo nghiệp nữa, tâm tự nhiên sẽ định trở lại. Tâm định được thì mới sanh trí huệ chân thực, mới hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Tuy Đức Thế Tôn nói một sát na có

900 sanh diệt, nhưng vì thời gian sanh diệt quá nhanh, nhìn không thấy sự sanh diệt này nên Đức Phật mới nói ‘chẳng sanh, chẳng diệt’. Thiệt ra có phải là chẳng sanh, chẳng diệt hay không? Đích thực là có sanh có diệt đấy; nhưng tốc độ quá nhanh ‘sanh diệt đồng thời’, vì vậy nên dùng ‘điện’ để thí dụ cho việc này.

Vận tốc của điện cùng vận tốc ánh sáng gần bằng nhau. Vận tốc ánh sáng là 300 ngàn km một giây, nghĩa là ánh sáng đi qua một kí lô mét cần một phần 300 ngàn của một giây. Từ đây mà suy đoán thời gian đi qua 1 mét, 1 cm, 1 mm, một phần mười mm, một phần trăm mm, một phần ngàn mm, một phần vạn mm, cứ thế mà tính thì mới thể hội được việc ‘sanh diệt từng sát na’ nói trong Kinh Phật, mới hiểu được danh từ ‘không sanh không diệt’ nói trong Kinh Phật, nó đích thực có sanh có diệt, nhưng vì thời gian quá ngắn, chúng ta không thể nào phát hiện được. Trong Kinh Điển Đại Thừa Đức Phật nói người có thể quan sát được hiện tượng này là ‘Bát Địa Bồ Tát’. Định công sâu và tâm thanh tịnh như Bát Địa Bồ Tát mới có thể nhìn thấy những ba động vi tế (*làn sóng nhỏ bé*) này (*hiện tượng sanh diệt từng sát na*). Phật pháp nói y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới đều chỉ là hiện tượng của những làn sóng mà thôi. Trình độ càng

lên cao thì làn sóng từ tâm của chư Phật, Bồ Tát càng nhỏ bé, càng đi xuống thì tần số của những làn sóng trong tam ác đạo càng lớn. Không kể tần số lớn hay nhỏ, tất cả đều là hiện tượng tương tục của làn sóng với vận tốc một phần ức vạn của một giây, đây mới là chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Lời nói của Đức Phật câu nào cũng chân thật. Thế Giới này không chân thật, nếu coi tất cả hiện tượng đều là chân thật thì là mê hoặc điên đảo, sai lầm quá đỗi. Hiểu rõ chân tướng mới chịu buông xả, mới không còn để những thứ này trong tâm; tất cả mọi sự việc đều tùy duyên chớ không phan duyên, nhất quyết không làm những chuyện điên rồ này. Nếu cứ tưởng là mình làm chuyện tốt, nhưng đây vẫn là chuyện không tốt. Chư Phật, Bồ Tát làm tất cả việc nhưng trong tâm coi như không có việc gì cả, hoàn toàn không khởi tâm, không động niệm, như vậy mới thiệt là làm việc thiện. Hễ những gì lọt vào trong tương đối đều không cứu cánh viên mãn. Xa lìa cả hai bên thiện và ác mới là chân thiện.

B. CHÁN QUANG PHÁP VỊ

a . Quyết tâm cầu sanh Tịnh Độ

Buổi sáng 21-12-98

Hôm nay mở đầu Phật thất ở Dallas, Pháp Sư Ngô Khải gửi fax cho tôi hy vọng trong thời gian Phật thất này, tôi có thể dùng mạng internet mỗi ngày nói chuyện vài câu với mọi người.

Trong những năm gần đây không kể cư trú ở đâu chúng ta đều cảm thấy Thế Giới càng ngày càng không an toàn, tai nạn xảy ra khắp nơi, và lại càng ngày càng nghiêm trọng. Nhân tình lãnh đạm, không biết ân nghĩa, không những tự hủy diệt mà không hay không biết, lại còn tạo ra những tội hủy diệt Phật pháp, hủy diệt thế gian. Chúng ta không nói đến người khác, chỉ nói những người học Phật trong 4 chúng đệ tử, có ai không tạo ra những tội này? Ngày xưa người ta tạo tội nhẹ, ngày nay người ta tạo tội nặng; khi tạo tội thiệt nặng nhưng tự mình lại không biết, như vậy là ngu si. Những người ngu si hằng ngày nghe giảng Kinh, hằng ngày đọc Kinh, vẫn không giác ngộ như cũ, đây là vì ‘chướng sâu nghiệp nặng’; nếu không tiêu trừ nghiệp chướng sâu nặng này thì tuyệt đối không thể tránh khỏi đọa lạc vào tam ác đạo.

1. Cảm niệm ân Phật, ân của hộ pháp

Nếu chúng ta muốn cải thiện đời sống, công phu tu học được đặc lực, biện pháp duy nhất là phải nghe giảng Kinh cho nhiều thiệt nhiều. Lúc còn tại thế Đức Phật Thích Ca giảng Kinh trên 300 hội, thuyết pháp ròng rã 49 năm, Đức Phật Thích Ca chưa từng hướng dẫn đại chúng niệm Phật lần nào, hoặc tham thiền một lần nào cả. Phải nên biết Đức Phật không hướng dẫn chúng ta tu hành là tại vì tu hành dễ dàng, giác ngộ khó khăn. Cũng vì giác ngộ quá khó cho nên Đức Phật khổ tâm mỗi miệng phải thuyết pháp mỗi ngày, khuyến đạo mỗi ngày. Chúng sanh ngu si, tuy mỗi ngày nghe Phật Thuyết pháp nhưng vẫn mê mờ như cũ.

Tuy vậy Đức Phật đại từ đại bi vẫn giảng Kinh mỗi ngày; chúng sanh đọa lạc trong lục đạo thì Phật thị hiện trong lục đạo, vẫn đi theo không nở bỏ rơi, đây gọi là ‘trong nhà Phật không xả bỏ bất cứ người nào’. Chúng sanh tạo tội nghiệp, phỉ báng và sỉ nhục Phật, Bồ Tát, thậm chí hãm hại các Ngài, nhưng các Ngài không màng đến, vẫn thương xót chúng sanh, giảng Kinh thuyết pháp vì chúng sanh, đây là lòng đại từ đại bi của chư Phật, Bồ Tát. Đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp qua vẫn không bỏ rơi chúng sanh, đây là việc không phải một số người thường có thể làm được, từ điểm này chúng ta có thể hiểu được ân đức của Phật là bao lớn.

Hàn Quán Trưởng hộ trì chúng ta trong suốt 30 năm, xây dựng nền móng vững chắc cho chánh pháp. Có người nói Hàn Quán trưởng có công và cũng có lỗi lầm, nhưng theo tôi nghĩ thì bà chỉ có công chứ không có lỗi lầm chi hết. Nếu quý vị bình tĩnh quan sát kỹ càng thì sẽ biết công đức của bà vô lượng vô biên. Đây là một vị Bồ Tát tái lai, thị hiện cho chúng ta xem, người trong thế gian làm sao biết được?

Trong Kinh nói người ở Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cho dù hạ hạ phẩm Vãng Sanh đều có ‘thiên nhãn đồng thị, thiên nhĩ triệt thính, tha tâm biến tri’ (thiên nhãn nhìn suốt, thiên nhĩ nghe thấu, tha tâm đều biết), năng lực của sáu căn hầu như bằng với Đức Phật A Di Đà, cho nên chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động, chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy rõ rõ ràng ràng. **Chúng ta mong cầu Vãng Sanh thì khi khởi tâm động niệm, ngôn ngữ hành động nhất định phải tương ứng, phù hợp với lý luận và phương pháp của sự Vãng Sanh, điểm này vô cùng quan trọng. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là ‘Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ’ (nơi tụ tập của các người thiện nhất), cho nên chúng ta niệm Phật thì cũng phải tu ‘thượng thiện’. Nếu tâm không thiện, ngôn ngữ không thiện, cho dù một ngày niệm 10 vạn câu Phật hiệu thì cũng không Vãng Sanh được. Giống như lời của hai vị tôn giả Hàn Sơn và Thập Đắc đã nói: ‘Hết bề cỏ**

họng cũng luống công’ (hai vị này là hoá thân của Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát).

2. Nội dung và phương pháp tu hành trong Phật Điển

Chúng ta đã phát tâm cứu mình thì cũng phải phát tâm cứu người xung quanh; sự sanh hoạt và tu học nhất định phải đúng như lý, như pháp, vì vậy phải hiểu rõ nội dung của Kinh Phật. Nội dung này có bốn điểm: ‘Giáo, Lý, Hành, Quả’.

Lời dạy của Đức Phật được người đời sau ghi chép lại thành Kinh Điển, những ngôn ngữ, văn tự, lời chép trong Kinh này gọi là ‘Giáo’.

Hàm ý chứa đựng trong ‘Giáo’ gọi là ‘Lý’, ‘Lý’ này là lý luận giải thích rõ chân tướng sự thật của vũ trụ, nhân sinh. Chỉ có Đức Phật mới có thể nói rõ những chân tướng sự thật này vì đây là cảnh giới mà Đức Phật đích thân chứng được, là cảnh giới hiện lượng (*đích thật từng trải qua*) chứ không phải do suy đoán, vọng tưởng.

Không những Đức Phật nói rõ ràng đạo lý và sự thật này, Ngài còn dạy chúng ta phương pháp để khế nhập vào cảnh giới của chư Phật Như Lai, đây tức là ‘Hành’ (phương pháp thực hành).

Nói theo lý luận phương pháp trong Kinh Điền mà làm, đạt được sự lợi ích thù thắng, việc này tức là ‘Quả’.

Chúng ta hiểu rõ tính chất của Kinh Điền thì mới khâm phục Phật pháp, bái phục đến năm vóc sát đất.

Đức Phật dạy chúng ta khi tu học phải kiến lập một khái niệm căn bản, đó là ‘Tín, Giải, Hành, Chứng’.

‘Tín’ là tin sâu, không nghi ngờ những lời giáo huấn của Đức Phật.

‘Giải’ là hiểu rõ, thấu triệt lý luận trong Kinh Điền.

‘Hành’ tức là làm theo lý luận phương pháp này.

‘Chứng’ tức là đích thân chứng được cảnh giới giống y như chư Phật Như Lai.

Ngày nay chúng ta còn tạo nghiệp, còn vọng tưởng, còn nói vọng ngôn tức là không hiểu thấu lý luận, không biết được sự lợi hại nên mới tạo ra những nghiệp tội nặng nề thậm chí hủy diệt Phật pháp, chướng ngại Phật pháp, làm cho người ta thoái tâm (sụt lùi).

Phải biết khi gặp nghịch cảnh Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát còn có thể thoái tâm; chỉ có Pháp Thân Đại Sĩ mới không thoái tâm. Chướng nạn của chúng ta rất

nhiều, bao gồm cả trong lẫn ngoài. Những việc làm của Hàn Quán Trưởng và Cư Sĩ Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba đều là hành vi của đại Bồ Tát, Pháp Thân Đại Sĩ. Hàn Quán Trưởng hộ trì chánh pháp suốt 30 năm vẫn không sụt lùi; luôn luôn không bị ảnh hưởng bởi những lời phỉ báng, tin đồn, kiếm chuyện phá rối, đều như như bất động và xem như không có việc gì xảy ra, điều này vô cùng hiếm có, quý báu! Khi Lý Cư Sĩ gặp phải bất cứ chướng nạn gì, bất cứ lời hủy báng gì đều không thoái tâm, xây dựng đạo tràng ở Tân Gia Ba thành một đạo tràng điển hình, gương mẫu. Nếu không phải là hoá thân của chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân Đại Sĩ ứng hiện thì không thể làm được. Chúng ta có được nhân duyên thù thắng này tức là gặp được hộ pháp chân chánh. Cho nên mặc cho người ta hủy báng, phá hoại, làm gì thì làm, chúng ta đều được sự hộ trì của chư Phật, Bồ Tát.

Ngày nay Tịnh Tông có thể hoằng truyền khắp Thế Giới, những người niệm Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Di Đà và tu học theo lý luận của Kinh này theo thống kê một cách bảo thủ thì ít lắm cũng được hơn 20 triệu người. Tịnh Tông có thể đạt được thành tích như vậy là công đức của Hàn Quán Trưởng, chúng ta uống nước thì phải nhớ nguồn, tri ân báo ân (biết ơn đền ơn). Nếu thiết thấy rõ, hiểu thấu thì mới biết đây là Bồ Tát

thị hiện, cảnh thuận hay nghịch đều là tăng thượng duyên (trợ duyên), đều để thành tựu Phật pháp, thành tựu cho chúng sanh.

Lúc trước thầy Lý nói với tôi muốn thực sự thành tựu trong việc hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải cư trú lâu dài tại một nơi nhất định. Hiện nay chúng ta an tâm lưu tại Tân Gia Ba, toàn bộ nhân lực, tài lực, vật lực đều tập trung tại đây mới có thể thành lập được một đạo tràng gương mẫu, tuyệt đối không thể phân tán lực lượng, tinh thần. Cho nên chúng ta gặp được rất nhiều Bồ Tát ở nơi đó, thiết đúng là *‘chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ’* (những người thiện nhất tụ họp ở một chỗ). Vì mục đích khuyến khích trương nền giáo dục của Phật Đà, chúng ta dùng thân phận của người quét dọn, người làm công để làm việc cho Đức Phật A Di Đà, chư Phật Như Lai. Đừng tưởng là mình đã làm được việc gì cả, tất cả những thứ này đều là Phật, Bồ Tát an bài, là do chư Phật, Bồ Tát làm nên đấy, chúng ta chỉ bất quá chấp hành theo mà thôi. Cho nên thầy Lý dạy tôi phải ‘tin Phật’, tin Phật thiết quá khó. Nhưng phải tin thiết nghe!

Trong thời đại nhiều tai nạn này, con đường duy nhất của chúng ta là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; dự Phật thất

cũng lấy việc này làm mục tiêu. Chúc quý vị Phật thất lần này được thành tựu viên mãn.

b. Lão thật tu hành, tự tại Vãng Sanh

Buổi sáng 22-12-98.

Quý vị ở đây kết thất niệm Phật nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa của Phật thất. Trong 7 ngày này chúng ta hy vọng đạt đến kết quả gì, được như vậy thì 7 ngày này mới không luống qua.

Chúng ta sinh sống trong thời đại hiện nay, nếu có trí huệ thì nhất định sẽ có cảnh giác cao độ. Con người sống trong thế gian bất quá chỉ được mấy chục năm ngắn ngủi, búng ngón tay thì đã trôi qua mất rồi, bình tĩnh quan sát mới biết đó chỉ là một con số không to tướng, đây là sự thật. Sự hạnh phúc quý báu nhất của người ta trong đời là không tạo ác nghiệp. Nếu có thể không tạo ác nghiệp, tương lai nhất định sẽ sanh vào cõi lành, cõi tốt đẹp.

Người xưa nhắc nhở người tu hành như chúng ta cần phải có ‘tiền hậu nhãn’ (mắt phía trước và sau). Tiền hậu nhãn nghĩa là biết quá khứ, nhìn thấy tương lai, không chỉ tập trung ở hiện tại. Điểm này vô cùng quan trọng.

Lúc Hàn Quán trưởng Vãng Sanh đã cho chúng ta rất nhiều bài học, **nhắc nhở chúng ta ‘tử sanh sự đại’ (việc sanh tử vô cùng quan trọng). Chúng ta cần phải có cảnh giác cao độ, đến lúc lâm chung tự mình phải làm chủ được mình, được như vậy thì tiền đồ mới sáng lạn. Nếu lúc lâm chung tự mình không làm chủ được, phải chịu sự sắp xếp của người khác, cho dù có rất nhiều người lo lắng chăm sóc, nhưng những gì mình cảm xúc chưa chắc sẽ được toại ý. Đời sau đi về đâu đều quyết định ở một niệm cuối cùng. Một niệm cuối cùng là tham, sân, si thì sẽ đi vào ác đạo. Chuyện này dễ sợ vô cùng!**

Hàn Quán trưởng có phước báo, từ lúc sanh bệnh đến lúc Vãng Sanh được ba mươi mấy vị xuất gia có tâm địa thanh tịnh, suốt ngày đêm ở bên giường bệnh niệm Phật và chăm sóc; sau khi Vãng Sanh hộ trợ niệm suốt 49 ngày đêm không ngừng, ngay cả những vị xuất gia, đại Pháp Sư cũng không làm được việc này. Ngay cả lão Cư Sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung cũng sánh không bằng, lúc cụ Lý sanh bệnh chỉ là do vài người học trò chăm sóc, không có nhiều người xuất gia đắp y đầy đủ oai nghi giúp đỡ. Phước báo này là một nhân duyên hiếm hoi! Đây là quả báo của bà đã hộ trì chánh pháp suốt 30 năm, cho nên bà có thể Vãng Sanh Tịnh Độ một cách vô cùng thuận lợi trợ duyên quá thù thắng, tốt đẹp!

Suy nghĩ trở lại, tương lai lúc chúng ta Vãng Sanh có được duyên phận thù thắng như vậy hay không? Điều này chúng ta cần phải cảnh giác đến, đây thật là một việc lớn lao nhất trong đời này. **Trong trường hợp và hoàn cảnh hiện tại, phương pháp an toàn nhất là tự mình phải nhất quyết tu học cho được thành tựu, không cần nhờ người khác, lúc Vãng Sanh không bị bệnh khổ, dự biết trước thời giờ ra đi, đứng Vãng Sanh, ngồi Vãng Sanh, nằm Vãng Sanh, tùy ý muốn của mình, đây là sanh tử tự tại, được vậy chúng ta mới không bỏ uổng đời này.** Mọi người tham dự Phật thất niệm Phật phải hiểu rõ, nắm chắc tông chỉ này, chúng ta đến đây là để huân luyện thêm, học tập để tương lai tự tại Vãng Sanh.

1. Những chuyện Vãng Sanh gần đây

Trong quyển Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện có ghi rất nhiều người tự tại Vãng Sanh, số người không được ghi chép lại còn nhiều hơn. Gần đây trong quyển Niệm Phật Luận của lão Pháp Sư Đàm Hư, Ngài nói đã chứng kiến tận mắt hơn hai mươi mấy người Vãng Sanh, số người Vãng Sanh nghe nói đến còn nhiều hơn. Trong quyển Niệm Phật Luận, Ngài thuật lại bốn chuyện

Vãng Sanh, trong đó người xuất gia có Pháp Sư Tu Vô ở Chùa Cực Lạc, Harbin (miền Đông Bắc Trung Quốc), người tại gia có Cư Sĩ Trịnh Thiết Tân và người em của ông, người thứ tư là Trương Cư Sĩ ở Chùa Trạm Sơn.

Pháp Sư Tu Vô là một người cực khổ cả đời, không biết chữ, trong pháp hội truyền giới ở Chùa Cực Lạc, phát tâm giúp đỡ săn sóc cho người bệnh. Pháp hội truyền giới còn chưa kết thúc, thầy Tu Vô dự biết trước thời giờ đã đến, niệm Phật Vãng Sanh. Trước lúc Vãng Sanh Ngài nhắc nhở đại chúng ‘có thể nói mà không thể làm thì chẳng phải trí huệ chơn thật’.

Cư Sĩ Trịnh Thiết Tân là một người làm ăn buôn bán, được dịp nghe lão Pháp Sư Đàm Hư thuyết pháp nên rất vui vẻ, tán thán. Sau này nghỉ buôn bán, học giảng Kinh A Di Đà, ông đi đến nhiều nơi giảng Kinh và khuyên người niệm Phật. Ông không sanh bệnh, ngòi mà Vãng Sanh. Một hôm sau khi giảng Kinh xong ông nói với đại chúng: ‘Tôi phải đi đây’, thật là siêu thoát! Thật là tự tại! Người em của ông lúc trước cứ cho rằng ông học Phật quá mê lầm, sau khi nhìn thấy ông tự tại Vãng Sanh nên tỉnh ngộ và cũng siêng năng, thật thà niệm Phật. Ba năm sau người

em của ông cũng Vãng Sanh, lúc Vãng Sanh mang bệnh nhẹ.

Gia đình Cư Sĩ Trương ở Chùa Trạm sơn vô cùng nghèo túng, chồng bà làm nghề kéo xe chở khách. Bà làm công quả trong những pháp hội niệm Phật ở Chùa Trạm Sơn, cả ngày từ sáng đến tối Phật hiệu không gián đoạn. Bà dự biết trước ngày giờ Vãng Sanh, hôm đó bà nhắn nhủ chồng phải chăm sóc cho con xong rồi an nhiên ngồi trên giường mà Vãng Sanh. Đây là tấm gương tốt cho những người học Phật chúng ta, không cần phải nhờ cậy người khác giúp đỡ, tự mình thiết nắm chắc có thể tự tại Vãng Sanh.

Ngoài ra cụ Đàm Hư còn kể chuyện một học trò của lão Pháp Sư Đế Nhân, ông này là thợ đóng đai thùng và không biết chữ. Người này là bạn chơi thân với lão Pháp Sư lúc nhỏ, đến xin xuất gia vì đời sống quá cực khổ, muốn tìm lối thoát. Sau khi cho ông xuất gia, cụ Đế Nhân dạy ông đến một ngôi miếu đổ nát ở miền quê gần Ôn Châu, tìm vài người hộ pháp săn sóc việc ăn uống cho ông. Cụ Đế chỉ dạy cho ông niệm một câu ‘A Di Đà Phật’, dạy ông thật thà niệm câu Phật hiệu này, niệm đến mệt thì nghỉ, nghỉ ngơi xong thì niệm tiếp tục. Ông niệm trong vòng 3 đến 4

năm thì thành công; ông đứng mà Vãng Sanh, còn đứng 3 ngày sau khi Vãng Sanh để đợi lão Pháp Sư Đế Nhân đến lo hậu sự. Thật là vô cùng tự tại! Cụ Đế khen ông: ‘So với những đại Pháp Sư giảng Kinh thuyết pháp, những vị phương trượng trụ trì, sự thành tựu của ông còn vượt hơn họ quá nhiều, quá nhiều!’

2. Dứt ác tu thiện, chuyên cần giữ gìn ba nghiệp

Phẩm vị Vãng Sanh của những người này không phải ở Trung phẩm, Hạ phẩm mà là ‘Thượng phẩm Vãng Sanh’ nói trong Kinh Vô Lượng Thọ. Họ có thể làm được là vì họ đã buông xả danh văn (tiếng tăm), lợi dưỡng, ngũ dục lục trần. Ngày nay chúng ta làm không nổi là vì buông xả không nổi những sự quyến rũ, khó là ở chỗ này. Phải nên biết danh tiếng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần đều là giả hết, đã hại chúng ta đời đời kiếp kiếp kẹt mãi trong lục đạo luân hồi, đọa lạc trong ác đạo chịu hết bao nhiêu khổ nạn.

Cho nên mới nói người đời nay ‘ngu si’, không những không hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mà còn không có khả năng phân biệt những thứ tà chánh, thiện ác, lợi hại. Không biết tự tư tự lợi, danh tiếng lợi dưỡng, ngũ dục lục trần tai hại vô cùng; chỉ có buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm

Phật là việc thiện lớn nhất. Đây là lời Kinh dạy: *‘Đoạn dứt tất cả điều ác, tu tất cả đều thiện’*, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của nó.

Trong đời này mỗi vị đồng tu có thể đạt được sự thành tựu thù thắng nhất hay không? Có thể. Thiện Đạo Đại Sư nói: *‘Chín phẩm Vãng Sanh đều là do gặp duyên khác nhau’*. Chúng ta đã gặp được nhân duyên thù thắng, gặp được Phật pháp Đại Thừa, gặp được Tịnh Tông, gặp được bản hội tập của Kinh Vô Lượng Thọ, gặp được đồng tham đạo hữu tốt, nếu trong đời này không thể thành tựu thì đó là vì tập khí phiền não của mình quá nặng, cứ mỗi ngày tạo nghiệp như cũ.

Khi khởi tâm động niệm đều vì mình là tạo nghiệp. Ngôn ngữ gây tổn hại cho người khác, thị phi nhân ngã đều là khẩu nghiệp. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói đến tam nghiệp, đặt khẩu nghiệp ở hàng đầu: *‘thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá’* (khéo giữ gìn khẩu nghiệp, đừng chê bai lỗi của người khác) tức là cảnh giác chúng ta khẩu nghiệp quan trọng nhất, dễ phạm nhất. Nhìn thấy chúng sanh có lỗi lầm đều không thể nói đến; nếu người ta không có lỗi mà mình đặt chuyện, và còn hoài nghi người ta có lỗi thì tội nghiệp này còn nặng hơn.

Người tu học còn chịu ảnh hưởng của phiền não tập khí tích lũy từ vô lượng kiếp đến nay nên thoái chuyển rất dễ dàng,

ting tấn rất khó khăn. Thế nên những vị Đại Đức, Tổ Sư ngày xưa đề xướng tu tập chung, kết Phật thất để cùng nhau niệm Phật, nương vào đại chúng để tu tập, đó là đạo lý của việc tu tập chung.

Niệm Phật đường ở Tân Gia Ba càng ngày càng thù thắng, từ mồng một tháng Giêng đến 30 tháng Chạp (tháng 12), mỗi ngày niệm Phật 24 giờ đồng hồ không gián đoạn, đây là Phật thất kéo dài quanh năm. Giảng đường mỗi ngày giảng Kinh 2 giờ, 365 ngày trong năm không gián đoạn, thiết đúng là giải và hành đều quan trọng như nhau, đều cùng nhau tu tập định và huệ. Lão Hòa Thượng Tịch Độ ở Ngũ Đài Sơn, lão Hòa Thượng Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn, lão Hòa Thượng Minh Sơn ở Chùa Định Huệ, Tiêu Sơn, Trung Quốc, đều tán thán đạo tràng này là ‘đạo tràng đệ nhất trên Thế Giới’.

Mọi người ở Cư Sĩ Lâm từ trên xuống dưới đều hòa thuận, ai cũng thường nở nụ cười tươi, chúng ta ở đây có thể nhìn thấy việc ‘*thường sanh tâm hoan hỷ*’ nói trong Kinh. Hy vọng mọi người có cơ hội đến Tân Gia Ba tham học, đem phương pháp tu học ở đây phổ biến đến khắp nơi trên Thế Giới, để mọi nơi đều có thể xây dựng đạo tràng như vậy. Chúng ta nỗ lực hết lòng tu học, không những tự mình trong đời này nhất quyết Vãng Sanh, chúng ta còn có thể đem lại sự

an định cho xã hội, hòa bình cho Thế Giới, đây là công đức chân thật, tự hành hóa tha nói trong nhà Phật. Hy vọng mọi người siêng năng tinh tấn niệm Phật.

c. Niệm Phật có thể tiêu tai miễn nạn

Giáo hội Thiên Chúa Giáo có lời tiên tri nói rằng năm 1999 Thế Giới sẽ có tai nạn lớn, khuyên các bạn đồng đạo nên đọc Kinh, phải thật lòng sám hối, hy vọng có thể thoát khỏi tai nạn này. Và nói: tai nạn có thể xảy ra hay không còn dựa trên ‘nhân tâm’, nếu nhân tâm có thể hướng thiện thì tai nạn có thể hoá giải, có thể trì hoãn về sau. Cách nói này rất có lý.

Một ngày trước khi Vãng Sanh lão Cư Sĩ Lý Bình Nam dặn dò các vị đồng học: **‘Thế Giới đã loạn rồi, cho dù chư Phật, Bồ Tát, thần tiên trở lại cũng không cứu nổi. Chỉ có con đường sống sót duy nhất là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ’, cho nên tai nạn càng ngày càng gần, chúng ta không còn nhiều thời gian nữa, phải nên buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật.**

Đạo Thiên Chúa khuyên người ta cầu lên thiên đường, họ nói không có Cực Lạc Thế Giới, chỉ có thiên đường và địa ngục. Ngay cả người trên cõi trời cũng không có cách gì nhìn

thấy toàn bộ tình huống phức tạp trong đại vũ trụ. Chúng ta hiểu rõ đích thật là có Cực Lạc Thế Giới, Hoa Tạng Thế Giới, cùng quốc độ của chư Phật. Làm thế nào để biết vậy? Đó là *‘duy tâm sở hiện, duy thức sở biến’*, nếu hiểu được đạo lý này thì sẽ tin ngay.

1. Vũ trụ là không gian đa nguyên

Thật ra y báo, chánh báo trang nghiêm trong thập pháp giới cũng không có, Phật pháp nói: *‘Tam tâm bất khả đắc’*, *‘Chư pháp vô sở hữu’*; nói có thì chỉ là tạm có, huyễn có, giả có, trong Kinh dùng chữ ‘diệu hữu’. Thế nên thiên đường, địa ngục cũng là diệu hữu; cõi này, cõi nọ cũng là diệu hữu, Cực Lạc Thế Giới cũng không ngoại lệ. Nếu dùng ngôn ngữ hiện nay của khoa học gia thì đây chỉ là không gian duy thứ (*duy có nghĩa là chiều, là phương vị*) khác nhau mà thôi, thí dụ như không gian ba chiều của loài người chúng ta, không gian bốn chiều, năm chiều. Khoa học gia đã chứng minh có 11 chiều không gian tồn tại, nhưng trên lý luận thì không gian có vô số chiều.

Những người vừa mới hiểu Phật pháp đều khẳng định có không gian vô số chiều tồn tại. Nếu bạn không thể đột phá những thời gian, không gian này thì không thể hiểu rõ

sự thật. Vô số không gian có duy thứ không giống nhau tức là vô lượng vô biên Thế Giới, Đức Phật nói những Thế Giới này đều từ tâm tưởng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói: *‘Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến’* tức là từ tâm tưởng sanh. Vô lượng vô biên chúng sanh có vô lượng vô biên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên biến đổi ‘Nhất Chân pháp giới’ trở thành vô lượng vô biên không gian khác nhau, vô lượng vô biên cảnh giới, đạo lý là như vậy.

Đức Phật dạy chúng ta có thể đột phá những không gian này bằng cách lìa bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lục đạo luân hồi là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện ra; nếu xả bỏ chấp trước, chỉ còn vọng tưởng và phân biệt thì lục đạo luân hồi sẽ không còn nữa, tức là Tứ Thánh pháp giới. Nếu cả phân biệt cũng xả bỏ thì Tứ Thánh pháp giới (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật) cũng không còn, tức là không còn thập pháp giới nữa. Không còn thập pháp giới tức là Nhất Chân pháp giới. Do đây có thể biết thập pháp giới là từ phân biệt, chấp trước biến hiện ra. Xả lìa phân biệt chấp trước thì thập pháp giới sẽ không còn tồn tại. Việc này cũng giống như nằm mộng, khi tỉnh dậy những cảnh giới trong mộng đều không còn. Người ta thường nói đến danh từ ‘tu hành chứng quả’, chứng quả nghĩa là chứng được Nhất Chân

pháp giới, khế nhập vào Nhất Chân pháp giới. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thuộc về Nhất Chân pháp giới. Do đó có thể biết nếu chúng ta còn phân biệt, chấp trước thì nhất định sẽ không nhìn thấy Nhất Chân pháp giới.

Trong Kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy Nhất Chân pháp giới vẫn có 41 cấp bậc, đó là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, đến Đẳng Giác Bồ Tát hết thảy đều là Pháp Thân Đại Sĩ. Những cấp bậc này còn tồn tại là vì vọng tưởng chưa dứt trừ. Vọng tưởng tức là vô minh vi tế (*vi tế nghĩa là nhỏ bé*). Có câu nói: ‘phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân’, 41 phẩm vô minh tức là 41 phẩm vọng tưởng. Khi đoạn dứt hết 41 phẩm vô minh này, không còn vọng tưởng nữa thì chúng được rốt ráo, đây là Phật quả Viên Giác, đây mới là quả vị cứu cánh.

Người Thiên Chúa Giáo chưa từng nghe những đạo lý này, thật đáng tiếc. Phật pháp trong thế gian và xuất thế gian đều vô cùng thù thắng, đáng tiếc là người truyền bá quá ít. Hoàng dương Phật pháp không dễ tại vì tự người đó phải khế nhập trước, nếu mình chưa khế nhập thì làm sao có thể nói được một cách hoàn hảo và đúng đắn? Làm sao có thể hiểu được? Nếu muốn lý giải, hiểu rõ thì phải tu

học, có tu học thì mới khế nhập, sau đó mới có thể giải thích tường tận, mới có thể giúp đỡ người khác.

2. Không tri ân nghĩa chiêu cảm tai kiếp

Chúa Jesu nói: *‘Ngày nay người trong thế gian quên ân, phụ nghĩa không biết ân đức’*. Chúa Jesu, Thánh Mẫu Maria thiết thương yêu người đời, người đời không những phản bội mà còn sỉ nhục, huỷ báng các Ngài và tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp. Trong Thế Giới hiện nay những chuyện này rất phổ biến. Con cái chịu ân đức dưỡng dục của cha mẹ, không biết báo ân mà còn bỏ rơi cha mẹ. Chúng tôi đi thăm viện dưỡng lão của những người đạo Hồi giáo (Islam), những người già ở đó đều bị con cái bỏ rơi, không nhà không cửa. Ngày nay con cái bỏ rơi cha mẹ, học sinh phản bội thầy giáo, không biết ân nghĩa, tạo ra vô lượng vô biên nghiệp tội, vì vậy nên chiêu cảm quả báo Thế Giới hủy diệt.

Cho nên lời tiên tri nói tai họa này là do chúng ta tự chiêu cảm lấy, không phải Thượng Đế nổi giận trừng phạt chúng ta, Thượng Đế rất không muốn nhìn thấy sự việc này xảy ra, nhưng không thể tránh khỏi, tạo ra nghiệp tội nhất định phải nhận lấy tai họa. Cách nói như vậy mới hợp tình hợp lý.

Những năm gần đây tôi khổ tâm mỗi miệng khuyên răn mọi người, nếu ba ngày không khuyên thì mọi người quên ráo trôi. Đây đúng như Kinh Địa Tạng nói: *‘Chúng sanh ở Diêm Phù Đề càng cường khó giáo hóa’*, chúng ta thể hội câu này một cách sâu sắc. Nhưng chư Phật, Bồ Tát làm gương, làm mô phạm cho chúng ta noi theo, cho dù chúng sanh có càng cường khó giáo hóa đến đâu thì cũng không thể bỏ rơi. Đây đúng như câu nói: *‘Trong nhà Phật không xả bỏ một ai cả’*, đây mới là đại từ đại bi chân thật.

Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta tự mình chân tu thì có thể ảnh hưởng đến người khác, làm cho người khác cảm động khi nhìn thấy tấm gương tu hành của chúng ta, sanh tâm xấu hổ, tự nhiên sẽ học theo, được như vậy thì có thể đem lại sự an định cho xã hội, hòa bình cho Thế Giới. Đức Phật nói ‘tự hành hóa tha’ nghĩa là nhờ vào sự tu hành chân thật của mình mới có thể cảm hóa người khác, tự mình không tu hành chân thật thì không có ích lợi gì cả. Cho dù biết nói, nói được tốt đến đâu, khi tai họa xảy ra thì cũng không tránh khỏi, vốn phải sanh tử như thế nào thì vẫn phải sanh tử như thế ấy, vẫn không ra khỏi luân hồi như cũ, và cũng không thể Vãng Sanh.

Chúng ta nhất định phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ, tâm từ bi, chắc thật niệm

câu Phật hiệu này. Câu Phật hiệu này nhất định phải tương ứng với ‘Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác’, và cũng là ‘*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*’; nếu không tương ứng, không phù hợp, câu Phật hiệu sẽ chẳng có công đức. Làm thế nào mới được tương ứng? Trong đời sống hằng ngày nhất định phải làm được ‘nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên’. Nhìn thấu nghĩa là hiểu rõ chân tướng sự thật của vũ trụ nhân sanh; buông xả tức là buông xuống tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

3. Niệm Phật có thể giúp cho Thế Giới hòa bình

Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng dạy: ‘*Nếu là người tu đạo chân chánh, không nhìn thấy lỗi lầm của thế gian*’, chỉ biết tu sửa bản thân mình, tự mình nỗ lực đoạn ác tu thiện. Kinh Vô Lượng Thọ dạy ba nguyên tắc của sự tu thiện:

‘Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá’ (Khéo giữ gìn khẩu nghiệp, đừng chê bai lỗi của người khác)

Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi (Khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng hành động trái ngược với giới luật)

Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm (Khéo giữ gìn ý nghiệp, phải luôn thanh tịnh không nhiễm ô)

Chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ từng giờ từng phút, phải làm cho bằng được. Cả bộ Đại tạng Kinh trong nhà Phật và những gì Đức Phật đã nói trong 49 năm tóm lại tức là ba câu này. Chúng ta nhất định phải thực sự làm được thì mới có thể cứu mình và cứu chúng sanh.

Khi chúng ta tu hành chân thật thì tâm sẽ bình (*phẳng lặng, yên ổn*). Ngày nay khoa học gia nói về những làn sóng tư tưởng, tư tưởng của người thế gian rất phức tạp, đặc biệt những tư tưởng tà ác đều là những làn sóng lớn, cường độ rung động lên xuống rất lớn. Những người niệm Phật chúng ta tu ‘thanh tịnh, bình đẳng, giác’ nên làn sóng tư tưởng này đều bình phẳng, yên ổn. Niệm Phật Đường ở Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba được chư Phật Như Lai gia trì, có Phật, Bồ Tát cùng chúng ta niệm Phật cho nên từ trường (*hoàn cảnh, môi trường tu học*) ở Niệm Phật Đường vô cùng thù thắng. Từ trường của Niệm Phật Đường tốt vô cùng, từ trường này an định, bình tịnh; những làn sóng tư tưởng phát ra từ nơi đây có thể điều hòa tư tưởng tà ác trong thế gian. Dùng làn sóng tư tưởng bình yên phẳng lặng của chúng ta để hóa giải những làn sóng tư tưởng tà ác to lớn của thế gian thì những làn sóng này có thể giảm bớt, yếu đi; đây là nguyên lý hóa giải tà ác, hóa giải tai họa.

Chúng ta ở nhà niệm Phật thì cũng có cống hiến cho xã hội, Thế Giới. Vì chúng ta niệm Phật thì phát ra những làn sóng tư tưởng thanh tịnh, bình đẳng, giác nên có thể điều hòa những làn sóng tư tưởng tà ác trong thế gian. Nếu hiểu rõ đạo lý này thì sẽ tin tưởng khi chúng ta tâm bình, khí hòa niệm Phật cũng có thể giúp đỡ cho Thế Giới hòa bình, xã hội an định.

Chân chánh phát tâm niệm Phật tức là tự độ, độ tha (độ mình, độ người); chân chánh phát tâm niệm Phật tức là cứu vãn kiếp nạn của thế gian, đừng tưởng là chúng ta không có năng lực này. Nếu chư vị đồng tu có thể chân Chánh Giác ngộ, chân chánh buông xuống hết thấy những điều thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn, làm theo lời dạy trong Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ của Đức Thế Tôn thì có năng lực an định xã hội, duy trì hòa bình Thế Giới.

Chỉ cần chúng ta tâm ý chân thành, chư Phật, Bồ Tát ứng hiện khắp nơi, sẽ cảm ứng đạo giao. Đặc biệt là trong lúc thế gian có tai nạn to lớn, chúng ta phải giúp đỡ tất cả chúng sanh khổ nạn. Niệm Phật không chỉ là vì chính mình, càng phải vì tất cả chúng sanh. Chúng ta nhất định phải làm, không làm thì không có tâm từ bi. Hy vọng chúng ta cùng nhau nỗ lực, tự độ và độ tha.

d. Lý của chuyên ‘Niệm Phật thành Phật’

1. Hư không pháp giới và mình cùng một thể

Từ Kinh Hoa Nghiêm chúng ta nhận được rất nhiều khái thị (gợi ý) cho sự tu học Phật pháp. Hội Kinh Hoa Nghiêm là do Đức Thế Tôn thuyết giảng trong khi nhập định ở Bồ Đề Đạo Tràng sau khi thị hiện thành Phật, đại chúng tham dự hội Kinh này đều là Pháp Thân Đại Sĩ. Họ thuộc rất nhiều chủng tộc, rất nhiều đoàn thể khác nhau trong khắp hư không pháp giới, số nhiều vô lượng vô biên. Do đó có thể biết pháp hội Hoa Nghiêm trên thực tế là một hội bao gồm tận hư không trọn khắp pháp giới. Hội Hoa Nghiêm là như vậy, những hội giảng Kinh khác không phải như vậy sao? Từ đây suy nghĩ kỹ càng, việc này ám chỉ cho chúng ta biết tận hư không khắp pháp giới đều là một thể. Đến lúc thành Phật thì mới ý thức đến ‘*tất cả chúng sanh vốn đã thành Phật*’, hiểu rõ triệt để ‘*tình dữ vô tình đồng viên chủng trí*’ (hữu tình và vô tình đều viên mãn chủng trí). Nói tóm lại hư không pháp giới và mình đều là một thể, do đó mới thực sự sanh tâm từ bi.

Nhà Phật thường nói: ‘*Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*’. Chư Phật Như Lai đã giác ngộ rồi, các Ngài đã ngộ việc này; phàm phu vẫn còn mê, mê cũng là mê việc này. Nhưng trong

chân tướng sự thật không có mê và ngộ, mê và ngộ là ở tại người. Người giác ngộ thì gọi là Phật, Bồ Tát, người mê hoặc thì gọi là phàm phu. Nhưng sự thọ dụng của mê và ngộ khác nhau, người mê không biết hư không pháp giới đều là mình, không biết hết thấy chúng sanh đều là mình cả, cho nên trong đó trong mê sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tạo nên vô lượng vô biên nghiệp tội.

2. Hết thấy các pháp từ tâm tưởng sanh ra

Nghiệp tội tức là những hành vi, việc làm trái ngược với chân tướng sự thật. Những nghiệp đã tạo sẽ hiện ra tướng. Tướng làm sao hiện ra? Đức Phật nói: *‘Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh’*, muôn vàn xin mọi người đừng coi thường câu này. Sự việc trong vũ trụ thiên biến vạn hóa, thập pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm, đây là Đức Phật quy nạp xong nói cho chúng ta biết, trên thực tế thì pháp giới vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên pháp giới đều từ tâm tưởng sanh – trong tâm nghĩ tưởng gì thì sẽ hiện ra cái đó. Vì vậy cho nên tướng Phật thì sẽ hiện ra Phật; Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: *‘Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật’* (Nhớ Phật

niệm Phật, hiện giờ tương lai, nhất định thấy Phật), đây nghĩa là tướng Phật thành Phật.

Tướng Phật thì Phật hiện, tướng Bồ Tát thì Bồ Tát hiện, tướng gì thì hiện cái đó, việc này là sự thật. Thí dụ chúng ta nghĩ tưởng đến một việc xứng tâm vừa ý thì sẽ sanh tâm hoan hỷ, niềm vui này liền hiện lên gương mặt mình; nghĩ tưởng đến một việc không vừa ý thì sẽ nhăn nhó mặt mày, nét âu sầu sẽ hiện rõ trên gương mặt, lập tức liền thay đổi. Quan sát việc nhỏ này thì mới biết lời dạy của Đức Phật vô cùng chính xác.

Thế nên chư Phật Như Lai khuyên chúng ta tướng Phật, nhớ Phật, niệm Phật, buông xuống hết tất cả những tư tưởng khác. Pháp môn niệm Phật Vãng Sanh bất thoái thành Phật trong Tịnh Tông được xây dựng trên cơ sở và lý luận này. Từ xưa đến nay những người noi theo phương pháp này tu hành chứng quả rất nhiều, những người này đều làm gương tốt cho chúng ta noi theo. Nếu dùng cách nói thông thường của các Tôn Giáo, những người này là những chứng cứ rõ rệt và những tấm gương cụ thể cho chúng ta. Trong ba thứ chuyển pháp luân của Phật pháp đây gọi là ‘tác chứng chuyển’ (chuyển pháp luân bằng cách

làm chứng), họ hiện thân thuyết pháp làm chứng minh cho chúng ta, nói rõ đây là sự thật.

3. Tự tại Vãng Sanh độ gia quyền

Mấy năm trước chuyện mẹ của ông Tước Sĩ (*Huân tước*) Hà Đông Vãng Sanh ở Hương Cảng đã làm nhiều người cảm động, và đã củng cố cơ sở cho hội Phật Giáo Hương Cảng. Cả nhà của cụ đều là tín đồ Thiên Chúa Giáo thuần thành, chỉ có bà cụ là người tin Phật, niệm Phật. Tuy vậy nhưng nhà này vô cùng phóng khoáng (không câu nệ), đích thật là tự do tín ngưỡng, đối xử hòa thuận với nhau, tôn trọng lẫn nhau, đây là một việc rất đáng quý. Cho nên không gây trở ngại cho tự do của người khác mới là tự do thật sự. Gây trở ngại cho người khác, xâm phạm người khác là không hiểu được như thế nào mới là tự do; đây là cảm tình, là trí huệ.

Cùng một lý lẽ, ngày nay chúng ta sinh sống trên quả địa cầu này, có rất nhiều dân tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, tư tưởng khác nhau, tín ngưỡng Tôn Giáo khác nhau, mọi người đều không thể hòa thuận, công kích hủy báng lẫn nhau, thậm chí dẫn đến chiến tranh Tôn Giáo, đây cũng là vì không hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của tự do. Nguyên nhân họ không hiểu rất

cuộc cũng là vấn đề của giáo dục, đặc biệt là giáo dục luân lý đạo đức.

Gia đình ông tước sĩ Hà Đông là tấm gương tốt cho chúng ta, triển rộng ra thì cũng là tấm gương cho cả Thế Giới. Bất luận chúng ta tín ngưỡng Tôn Giáo nào thì nhất định phải tôn trọng những Tôn Giáo khác. Trong nhà Phật bất luận tu học theo môn phái nào, nhất định cũng phải tôn trọng môn phái khác; như vậy mới hiểu tự do một cách đúng đắn, mới thiết có trí huệ.

Lúc Vãng Sanh cụ bà Hà Đông nói với con trai và dâu: ‘Cả đời má không đòi hỏi các con việc gì hết, bây giờ trước lúc Vãng Sanh, má yêu cầu các con niệm vài câu Phật hiệu tiễn đưa má Vãng Sanh’. Lúc Vãng Sanh, cụ thật sự mở một buổi họp Vãng Sanh, mời tất cả thân bằng quyến thuộc đến dự, sau khi cụ dặn dò xong xuôi, cụ Vãng Sanh một cách êm đềm, an lành giữa tiếng niệm Phật của mọi người. Cả nhà chứng kiến tận mắt bà cụ niệm Phật Vãng Sanh nên sau này cả nhà đều niệm Phật hết. Cách bà cụ này độ chúng sanh rất đặc biệt, vô cùng cao minh, dùng lời nói thì không ai nghe nên cụ biểu diễn cho họ coi, cuối cùng có thể độ hết cả nhà.

Việc cụ Vãng Sanh là một sự biểu diễn vô cùng ngoạn mục, phải có trí huệ sâu rộng mới làm được. Trên thế gian này

chuyện gì cũng có thể gạt, giả mạo, chỉ có chuyện này không thể nào giả mạo được. Lúc tôi còn học ở Đài Trung, lão Cư Sĩ Lý Bình Nam thường dùng chuyện này khích lệ chúng tôi, dạy chúng tôi, Tây Phương Cực Lạc Thế Giới có thật, người niệm Phật đích thật là có thể Vãng Sanh.

4. Y giáo phụng hành có thể tự tại Vãng Sanh

Nửa thế kỷ trở lại đây tuy chúng ta không thể đích thân nhìn thấy người ta Vãng Sanh nhưng những chuyện nghe đến thật không ít. Tại sao người ta có thể tự tại Vãng Sanh? Đây là việc mọi người đều muốn biết. Đặc biệt là những người đang sinh sống trong thời đại nhiều tai nhiều họa, tự tại Vãng Sanh đối với chúng ta vô cùng quan trọng, thiết là một việc quan trọng nhất trong đời người. Thiết ra chỉ cần noi theo Kinh luận, tu học đúng như lý như pháp, thì có thể làm được. Đặc biệt là Kinh Vô Lượng Thọ, cổ đức nói Kinh Vô Lượng Thọ là Kinh số một của Tịnh Tông, vì Kinh Vô Lượng Thọ giới thiệu hoàn cảnh ở Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đầy đủ nhất, giải thích phương pháp tu học tường tận nhất, nói quả báo sau khi Vãng Sanh viên mãn nhất. Nếu chúng ta chân chánh muốn tự tại Vãng Sanh, tu học từ ba tháng đến sáu tháng thì có thể

thành công. Cho nên pháp môn này rất thù thắng, được hết thầy chú Phật tán thán, tuyên dương.

Thiện Đạo Đại Sư nói những gì Đức Phật dạy thì chúng ta phải làm được hoàn toàn, những gì Đức Phật dạy chúng ta không được làm thì tuyệt đối đừng làm. Nếu thật có thể hết lòng làm theo những lời dạy trong Kinh Vô Lượng Thọ, làm hằng ngày, một ngày cũng không vi phạm, những công đức này tích lũy trong ba tháng thì bạn sẽ là thượng thiện nhân, sẽ nắm chắc sự Vãng Sanh tự tại. Nếu có thể làm hết sáu tháng thì càng chắc chắn hơn. Cứ tiếp tục làm như vậy, bạn muốn chừng nào Vãng Sanh thì lúc đó Vãng Sanh, đứng Vãng Sanh, ngồi Vãng Sanh, tự tại tùy theo ý muốn. Đây là một việc quan trọng hạng nhất trong đời người!

Có một số người Vãng Sanh không được tự tại, lúc lâm chung còn bị bệnh khổ, nguyên nhân là vì những gì Đức Phật dạy họ làm đều không thể làm hết hoàn toàn; những gì Đức Phật dạy họ không được làm thì vi phạm không ít, đây là nghiệp chướng. Nhưng nhờ đời trước hay đời này cũng còn chút thiện căn, lúc lâm chung gặp được bạn tốt nhắc nhở, trợ niệm, thì cũng có thể Vãng Sanh.

Người ta sống trên đời này mấy chục năm ngắn ngủi, lúc đến mang hai bàn tay không thì ra đi cũng mang theo hai bàn tay trắng. Cổ đức nói: *‘Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân’* (Muôn thứ không đem được, chỉ mỗi nghiệp theo thân). Tất cả mọi vật trên thế gian này không có một vật gì có thể đem theo, những gì có thể đem theo được chỉ là những nghiệp mà mình đã tạo ra, việc này rất đáng sợ! Tôi đọc đến việc này rợn da gà, có nhiều người đọc đến nhưng không hề gì, như vậy đúng là nội tâm đã chai đá hết trơn rồi. Nếu thiệt có tri giác, đọc đến thiệt rất sợ thì làm sao dám tạo nghiệp?

Chư Phật, Bồ Tát từ bi, có lòng thương yêu chân thành, chúng ta không biết thân cận học hỏi mà còn xa lìa họ, đi kết bạn với những bạn xấu trong thế gian, đó là sai lầm quá đỗi! Bạn xấu tức là những người tạo ngũ nghịch thập ác, không chịu nghe lời dạy của Thánh Hiền, không y giáo phụng hành. Đây là một sự mất mát to lớn đối với đời sống tu học của chúng ta, chúng ta phải nhận thức rõ ràng.

Nhất định phải hết lòng nỗ lực tu học, nắm chắc sanh mạng ngắn ngủi nhưng quý báu trong đời này, hoàn thành nhân duyên hiếm hoi từ vô lượng kiếp đến nay. Niệm Phật thành Phật, đây là một chuyện lớn, người như vậy mới

đáng gọi là người có chí khí, nếu nói theo nhà Phật thì thiết đúng là đại anh hùng, đại trượng phu. Hy vọng chúng ta cùng nhau gắng sức, khuyến khích lẫn nhau, ngay trong đời này làm cho xong công việc to lớn này, không uổng phí cuộc đời.

e. Giác ngộ Nhìn thấu Buông xả

(*Giác ngộ Nhìn thấy rộng toang buông xuống hết*)

1. Nhìn thấu mới buông xả được

Thông thường hai ngày đầu của Phật thất, tâm của người tham dự còn chưa an định, công phu không thể nào đắc lực. Đến ngày thứ bảy vì Phật thất gần kết thúc, trong tâm lại phóng dật, buông lung trở lại nên cũng không thể đắc lực. Do đó niệm Phật trong 7 ngày, thiết có thể đắc lực là trong ngày thứ năm và thứ sáu, đây là một hiện tượng rất bình thường.

Nguyên nhân người đời nay niệm Phật không bằng người đời xưa cũng là vì không thể ‘nhìn thấu, buông xả’. Chữ nhìn thấu là trình độ hiểu rõ đối với trạng thái sanh hoạt hiện thực; nếu chúng ta không hiểu rõ, ham mê luyện tiếc thế gian thì đương nhiên sẽ không buông xuống nổi. Cho nên hơn phân

nửa những người niệm Phật Vãng Sanh là người già bảy tám chục tuổi, vì họ nhìn thấy nhiều, từng trải nhiều, biết hết thấy những việc trong thế gian đều là hư ảo không thật, bất luận sinh sống trong cảnh thuận hoặc nghịch, trải qua một thời gian dài thì sẽ chán chường, sinh sống cảm thấy chán ghét, không muốn ở lại thêm nữa, đến lúc này thì buông xuống hết, đây là một yếu tố rất quan trọng. Nếu cảm thấy thế gian này còn rất đẹp đẽ, vẫn còn muốn sống thêm vài năm nữa, thậm chí muốn sống thêm vài chục năm, vài trăm năm nữa, họ buông xả, buông xuống hết không nổi thì công phu làm sao có thể đắc lực cho được! Phật pháp nói đến chuyện giác ngộ tức là giác ngộ việc này.

Chú thích: Buông xả và nhìn thấu là hai việc bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, nếu bạn có thể buông xả một phần thì bạn sẽ nhìn rõ, nhìn thấu thêm một phần; nếu có thể nhìn thấu một phần thì bạn có thể buông xả thêm một phần. Nói cách khác, Bồ Tát từ lúc sơ phát tâm đến lúc thành Phật đạo đều tức là công phu nhìn thấu, buông xả bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau.

Trong sáu Ba La Mật, Bát nhã Ba La Mật là nhìn thấu, năm thứ còn lại đều là buông xả:

Bố thí là buông xả tâm tham.

Trì giới là buông xả ác niệm.

Nhẫn nhục là buông xả tâm sân nhuế, đố kỵ

Tinh tấn là buông xả giải đãi, làm biếng.

Thiền định là buông xả tán loạn.

Năm thứ này đều là buông xả, Bát nhã tức là minh bạch, rõ ràng. Cho nên sáu Ba La Mật quy nạp lại tức là 4 chữ: ‘nhìn thấu, buông xả’.

Trích từ “Thái thượng Cảm ứng thiên”, tập 21, 8/6/1999 Trai đường Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba)

Trong Kinh Đức Phật dạy chúng ta buông xả là buông xả phiền não, buông xả dục vọng, chứ không phải buông xả công việc làm. Ngược lại còn phải nỗ lực hết lòng làm việc. Nếu cả công việc làm cũng buông xuống thì Đức Phật không cần phải giảng Kinh thuyết pháp nữa.

2. Hiểu rõ nhân quả không oán hận và hối hận.

Mọi người đều biết chuyện đời vô thường, biết chuyện trong đời không có gì chẳng là nhân duyên quả báo cả, nhưng hiểu không được chắc thật, không cụ thể. Lúc trước lão Cư Sĩ Ô Dư Khánh đã kể lại một câu chuyện thật. Vào thời kháng chiến chống Nhật bắt đầu, cụ ở Thượng Hải quen một thương gia, ông này làm ăn buôn bán rất thuận lợi, có một người con

trai duy nhất, người con này rất nghịch ngợm. Một hôm người con đi học mang theo 10 đồng trong túi, làm rớt tờ giấy 10 đồng này trên đường lộ, lúc đó có một người quen đi ngang nhìn thấy nên lượm lên rồi nói chơi với đứa bé: ‘Em kêu tôi bằng Bác thì tôi trả tiền này cho em’. Đứa bé này trả lời: ‘Nếu ông kêu tôi bằng Bác thì tôi cho ông thêm 10 đồng nữa’. Nghịch ngợm đến như vậy!

Một hôm ông thương gia này ăn mừng sinh nhật và mời rất nhiều bạn bè đến nhà dự tiệc. Hôm ấy ông đột nhiên nhìn thấy gương mặt của đứa bé này và vô cùng kinh ngạc, ngay lúc ấy liền tuyên bố với mọi người hiện diện ông sẽ giao toàn bộ tài sản cho đứa bé. Sau này ông giải thích với bạn bè rằng toàn bộ tài sản của ông vốn là của một người Đức; lúc trước chiến tranh ông làm việc cho người Đức này, khi ông chủ trở về Đức nhờ ông quản lý dùm công ty. Một thời gian sau ông chủ này mất ở bên Đức và không quay trở lại Thượng Hải nữa. Hôm ăn sinh nhật ông đột nhiên nhìn thấy gương mặt của đứa bé hiện ra giống hệt như gương mặt của ông chủ người Đức, từ đó ông mới biết đứa bé này chính là ông chủ lúc trước (người Đức) trở lại đầu thai nên ông lập tức trả lại toàn bộ tài sản. Nhờ vậy mà quan hệ cha con mới có thể duy trì.

Đức Phật nói những người trong nhà như cha con, chồng vợ, anh em đều có quan hệ báo ân, báo oán, đòi nợ, hoặc trả nợ nên mới ở chung một nhà. Đứa bé này đến là để đòi nợ, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì thử nghĩ nếu chúng ta có lỗi đối với người, hiếp đáp người, hãm hại người, nếu người này đầu thai đến nhà chúng ta thì trong tương lai nhất định sẽ làm cho nhà tan cửa nát. Thế nên bất cứ ai trong thế gian đều nhất định không có việc bị thiệt thòi, và cũng không có việc chiếm tiện nghi, lợi dụng người khác được.

Thi ân cho người, giúp đỡ người sẽ nhận được báo đền; hiếp đáp người, dày xéo người, sỉ nhục người, hãm hại người cũng sẽ có báo đền. Nếu sự báo đền này chỉ vừa đúng không hơn, không kém thì cũng còn được; nhưng sự báo đền luôn luôn quá đáng, biến thành hận thù oan oan tương báo, đòi đòi kiếp kiếp không nhường nhịn lẫn nhau, oán hận không bao giờ chấm dứt. Chiến tranh giữa quốc gia này với quốc gia khác cũng như vậy. Tuy dân chúng của hai nước không có oán thù gì với nhau, những người có oán thù chỉ là thiểu số, nhưng nếu họ có quyền lực thì sẽ liên lụy đến rất nhiều người chịu tai họa, tổn hại đến tài sản và sanh mạng của nhiều người, tai hại vô cùng, làm sao có đạo lý không đọa địa ngục cho được? Chúng

ta hiểu được đạo lý, hiểu rõ chân tướng sự thật, thì mới biết không nên làm việc này.

Thế nên lục đạo luân hồi chỉ là ân ân oán oán báo đền lẫn nhau mà thôi, chúng ta hiểu được thì sẽ buông xả, biết được thế gian này không vui chút nào. Chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy được rõ ràng, chỉ cho chúng ta một con đường quang minh, rộng lớn, đây tức là Đại Thừa Phật pháp, cõi nước chư Phật ở thập phương. Trong pháp Đại Thừa, các Ngài lại nói cho chúng ta biết một pháp môn đặc biệt, trong số các cõi nước chư Phật thì cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà là cõi nước thù thắng tốt đẹp nhất. Không những đức Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta, trong bản dịch Kinh A Di Đà của Đại Sư Cưu Ma La Thập nói đến sáu phương Phật tán thán; bản dịch Kinh A Di Đà của Huyền Trang Đại Sư nói đến mười phương Phật tán thán. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói đến mười phương Phật tán thán. Hết thầy chư Phật Như Lai đều khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ Di Đà. Chư Phật, Bồ Tát không gạt người, chúng ta đừng nên hoài nghi lời nói của chư Phật, Bồ Tát. Từ xưa đến nay Kinh Điển được trao truyền từ đời này sang đời khác, đích thực là được phiên dịch từ tiếng Phạn ở Ấn Độ, có người phiên dịch, có nơi chốn phiên dịch, chứng thật những Kinh Điển này có thể tin được.

Cả đời xưa và đời nay những người chiếu theo phương pháp này tu hành được Vãng Sanh rất nhiều. Chúng ta quan sát kỹ càng điều kiện của họ, nói chung so với chúng ta thì không khác gì mấy, không tốt hơn chúng ta nhiều lắm. Nhưng quan trọng nhất là họ có lòng tin vững chắc, nguyện vọng khẩn thiết, buông xả hết thảy, chắc thật niệm Phật. Họ đã làm được điểm này, trên phương diện này chúng ta còn rất kém, chúng ta phải nỗ lực học tập theo họ.

3. Dứt ác tu thiện làm lợi ích cho chúng sanh

Đặc biệt là ở thời đại ngày nay, Thiên Chúa Giáo có lời dự đoán, năm 1999 là năm Thế Giới tận thế, những lời này làm cho người ta rất lo lắng, kinh sợ. Lời dự đoán nói nếu người ta tiếp tục tạo ác không ngừng, tai nạn này có thể trở thành sự thật; nếu có thể đoạn ác tu thiện, hồi tâm chuyển ý, tai nạn này có thể hóa giải. Câu nói này vô cùng linh động, chẳng cứng rắn (chẳng phải thay đổi không được), và nói rõ quan hệ vẫn nằm trong tay của con người. Tình hình có thể hóa giải nghĩa là tai nạn có thể giảm bớt, trì hoãn đến sau này. Cách nói này hợp tình, hợp lý, hợp pháp, có thể biết họ cũng có trí huệ rất cao. Đoạn ác tu thiện là việc rất nên làm, chúng ta làm không

phải là vì muốn tránh tai nạn; không có tai nạn thì cũng phải đoạn ác tu thiện.

Đoạn ác tu thiện phải bắt đầu từ trong tâm. Tâm của chư Phật, Bồ Tát là tâm thuần thiện, tâm làm lợi ích cho tất cả chúng sanh mà không vì lợi ích cho cá nhân mình. Theo sự quan sát của tôi, Tân Gia Ba ít nhất có mười vị Bồ Tát, thiết đúng với câu: *‘chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ’*. Họ có tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi, niệm niệm vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, làm nên sự công hiến to tát. Đời sống của họ tương ứng với Lục Độ Ba La Mật, đây là Bồ Tát trụ thế, hóa thân của Bồ Tát. Tuy vai trò của họ không giống nhau, đúng như Kinh Điển nói ‘cần dùng vai trò gì để độ thì hiện thân đó, cần dùng phương pháp gì để làm lợi ích cho chúng sanh thì họ dùng phương pháp đó’. Tất cả hành động của họ đều giữ tâm của Bồ Tát, hành theo Bồ Tát Đạo.

Hy vọng đồng tu ở Dallas cũng tổ chức phái đoàn đến đó tham học, học hỏi tinh thần và phương pháp của họ, và cũng hy vọng đạo tràng Dallas này có thể biến thành trung tâm Tịnh Tông ở Mỹ. Chúng ta truyền bá Tịnh Tông đến tất cả địa phương có duyên trên Thế Giới, đây là lời nói trong nhà Phật: *‘Trong nhà Phật không xả bỏ một người nào cả’*. Chúng ta

cũng phải có hoằng nguyện to lớn của chư Phật, Bồ Tát, toàn tâm toàn lực giúp đỡ các vị đồng tu ở mọi nơi. Xin chúc phúc cho chư vị trong Phật thất được đạo nghiệp tăng trưởng, tín nguyện thành tựu, Phật thất kỳ này sẽ thâm thập được hiệu quả tốt đẹp.

f. Giữ gìn công phu

1. Khắc phục dục vọng giữ gìn công phu

Trong quá trình tu học đa số người học Phật đều gặp phải một vấn đề, đó là trong tâm có thể giữ được thanh tịnh lúc niệm Phật trong Niệm Phật Đường, nhưng vừa trở về nhà, về chỗ làm việc thì không thể nào giữ gìn công phu được. Nếu chúng ta hy vọng trong đời này có thể tu học thành tựu thì đây cũng là một vấn đề to lớn, cấp bách, cần phải giải quyết nhanh chóng. Không thể giữ gìn công phu có hai yếu tố: thứ nhất, phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay quá nặng, không có năng lực khắc phục; thứ nhì, tâm sanh tử không thiết tha. Tại sao tâm sanh tử không thiết tha? Đối với thế gian này nhận thức chưa rõ ràng, không biết thế gian này là hư ảo. Kinh Kim Cang dạy ‘*Hễ những gì có tướng đều là hư vọng*’ ‘*Tất cả các pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt, ảnh*’. Trong Kinh nói chân tướng sự

thật, chúng ta gặp mặt trên mạng lưới internet càng dễ thể hội điều này. Chúng ta nói chuyện với nhau mặt đối mặt trên màn ảnh máy vi tính, chuyện này cũng là mộng huyễn bọt ảnh, và cũng là một thứ hư vọng, nếu có thể từ phương diện này mà thể hội thì đã giác ngộ rồi, sau đó mới biết cho dù chúng ta đối diện với nhau thì cũng hư vọng, không chắc thật.

Những gì chắc thật có hay không? Có, nhưng chúng ta không nhìn thấy. Lúc nào mới nhìn thấy? Buông xuống tất cả những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xả bỏ hết đến mức ‘nhất tâm bất loạn’ thì có thể nhìn thấy sự thật. Chỉ cần chúng ta đạt được nhất tâm bất loạn, cảnh giới chân thật tự nhiên sẽ hiện ra, đây gọi là ‘Nhất Chân pháp giới’ trong Phật pháp.

Nhưng cho dù công phu tu học của mình có tốt hơn nữa, định công sâu hơn, chỉ cần trong tâm còn giữ một cái ‘Nhất Chân pháp giới’ thì sẽ không thấy Nhất Chân pháp giới. Công phu đến mức Tứ Thiên Bát Định vẫn chưa thấy được Nhất Chân pháp giới vì tuy đề phục được phiền não, nhưng vọng tưởng phân biệt chưa đề phục. Đến mức Định Thứ Chín, ra khỏi lục đạo luân hồi, ra khỏi tam giới, sanh đến Tứ Thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát,

Phật (Phật trong thập pháp giới là Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật trong Tông Thiên Thai) thì cũng chưa thấy được tướng chân thật, nguyên nhân là vì chưa đoạn dứt vọng tưởng, chấp trước. Cần phải nỗ lực thêm nữa, dùng định huệ đoạn dứt phân biệt (Trần Sa phiền não), phá thêm một phần vô minh (tức là vọng tưởng) đến mức này mới ra khỏi thập pháp giới, thấy được tướng chân thật, mới thực sự tương ứng với cảnh giới của quả địa chư Phật Như Lai. Phải mất bao nhiêu công phu mới đến mức này? Ngày nay một chút định lực chúng ta cũng không có!

Thí dụ hằng ngày phòng ăn ở Cư Sĩ Lâm có gần 20 món ăn, quá nhiều món ăn để trước mặt như vậy là một sự cám dỗ, chỉ thử mỗi món một chút thôi thì cũng no quá chừng. Người niệm Phật càng ngày ăn càng mập thêm thì không phải là một chuyện tốt, chúng ta phải tự khắc phục mình, trong nhiều món đồ ăn này chỉ gấp ba bốn món thì thôi. Trong việc ăn uống phải biết chế ngự, ăn cho điều độ thì mới có thể giữ thân tâm khỏe mạnh; không chế ngự nổi thì thân tâm sẽ không khỏe mạnh. Nếu ăn đến mập béo ra thì thân thể sẽ không khỏe mạnh; nhìn thấy những món ăn này rất dễ tăng trưởng tâm tham, lại tạo nên tâm lý không khang kiện. Tu hành là phải tu trong những sự việc này.

Cho nên trong tất cả hoàn cảnh phải biết khắc phục được vọng tưởng của mình, chế ngự phân biệt, chấp trước của mình, hết thấy những việc này đều là Phật pháp. Nếu có thể khắc phục, chế ngự được mình thì mới có thể bảo trì giữ gìn được công phu; nếu không thể khắc phục được mình, thì không thể bảo trì công phu. Những Đại Đức thời xưa biết được tập tánh của phàm phu rất nặng, khắc phục mình rất khó, nên mới chủ trương, đề xướng ‘Y chúng kháo chúng’ (Nương dựa vào, noi theo đám đông), mới tụ họp lại tu tập chung với nhau, đốc thúc, cảnh tỉnh, khích lệ lẫn nhau, dụng ý là ở chỗ này.

2. Nương nhờ vào chúng (đoàn thể) xả thế duyên

Đạo tràng tu tập chung với nhau cần phải có đầy đủ nhân duyên, trong đó quan trọng nhất là duyên phận, là phải nhờ vào người xuất gia dẫn đầu; người xuất gia càng nhiều, lòng tin của những người đồng tu sẽ càng tăng trưởng. Vì vậy nên người xuất gia phải phát lòng từ bi, không nệ khó nhọc, lãnh chúng trong Niệm Phật Đường. Đạo tràng có càng nhiều người xuất gia càng tốt, đây là sự thù thắng trang nghiêm chân chánh của đạo tràng.

Cho nên huân tập ở Niệm Phật Đường trong một thời gian dài, hy vọng là có thể bảo trì được công phu, bất kỳ ở nơi chốn nào, trong gia đình, sở làm đều có thể giữ gìn tâm thanh tịnh, niệm Phật như thế mới gọi là đạt được mục đích.

Ngày nay số người ở Niệm Phật Đường tại Cư Sĩ Lâm càng ngày càng nhiều, xây dựng và đẩy mạnh phong trào niệm Phật. Những người đến đó niệm Phật rất đông, đến mãi không ngớt, càng ngày càng nhiều. Chúng tôi hy vọng xây dựng một đạo tràng ‘giải hành tương ứng’, mỗi ngày giảng Kinh không gián đoạn, niệm Phật không gián đoạn, làm gương cho đạo tràng ở những nơi khác. Thích hợp nhất cho những vị đồng tu đã về hưu, họ buông xuống công việc làm ăn, ở đó trường kỳ tham gia niệm Phật. Những người trong gia đình vẫn còn đang đi làm thì lợi dụng thời gian rảnh rỗi đến Niệm Phật Đường để niệm Phật. Thế nên hiện nay khí phần (*không khí hoàn cảnh tu học*) ở Niệm Phật Đường vô cùng tốt đẹp, vô cùng thù thắng. Và cũng vì khí phần tốt đẹp như vậy nên rất nhiều vị đồng tu vui vẻ đi đến, đến rồi đều không muốn đi về. Nếu có thể trụ ở đạo tràng như thế này trong vòng nửa năm, một năm, ba năm thì không thể nào không thành tựu được.

Trong ‘Tịnh Độ Thánh Hiền Lục’, ‘Vãng Sanh Truyện’ chúng ta thấy rất nhiều Bồ Tát Vãng Sanh bất thoái, thời gian

niệm Phật phần nhiều là ba năm. Do đó có thể biết trong vòng 3 năm thì có thể thành tựu. Nhưng không thể nói họ niệm Phật hết ba năm thì thọ mạng đều hết, mà vì công phu thành thực nên mới tự tại Vãng Sanh. Hễ những người có công phu thành thực nếu không Vãng Sanh mà còn lưu lại trên thế gian này chỉ có một nguyên nhân duy nhất là để độ chúng sanh. Vẫn còn một số chúng sanh có duyên với họ, họ có thể giúp đỡ cho nên lưu lại thêm một thời gian nữa. Nếu không có duyên phần đối với những người ở đó thì tại sao không đi sớm hơn? Mỗi ngày chúng ta đều mong mỏi, trông về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, mỗi ngày tưởng niệm Đức Phật A Di Đà, có thể gặp Ngài sớm hơn thì tốt biết mấy, tại sao cơ duyên đến lại phải kéo thêm vài ngày? Chúng ta muốn đi nhưng đi không được, nếu có năng lực thì đã đi sớm mất rồi.

Chúng ta bình tĩnh suy nghĩ, quan sát người trên thế gian này ai cũng khổ. Chúng ta cảm thấy sanh hoạt, việc làm của mình quá khổ, thật ra những người làm sự nghiệp to lớn còn khổ hơn chúng ta. Gần đây tôi xem cuộn phim ‘Chiến tranh lạnh bắt đầu và chấm dứt’, nói về những người lãnh đạo quốc gia trong nửa thế kỷ vừa qua, mỗi ngày đều phải đề phòng không cho tai họa bộc phát, đặc biệt là những tai nạn do con người gây ra, làm thế nào tìm mọi cách để tiêu trừ tai nạn. Họ bận tâm, lo lắng quá nhiều, cuộc sống khổ quá đi thôi. Sau khi

tôi coi xong mới biết muốn làm một người lãnh đạo quốc gia, đoàn thể thiệt là không đơn giản chút nào.

Thiệt ra đời sống của những người lãnh đạo có địa vị cao, những người làm ăn buôn bán giàu có không sung sướng chi cả. Nếu bạn đã nhìn thấy rõ ràng, minh bạch thì mới biết đời sống của họ còn sánh không bằng đời sống của một người ăn xin. Người đi xin ăn khi nào bụng đói thì đi xin ăn, ăn no rồi thì hết chuyện, tùy tiện tìm một chỗ để ngủ, không có bôn chôn lo lắng, họ thành thoi tự tại biết bao! Chuyện đau khổ nhất của con người là chuyện bận tâm quá nhiều, lo lắng quá nhiều, vướng bận quá nhiều, ngày tháng đích thật không thoải mái tí nào. Nếu họ có thể học Phật thì thiệt là phước báo to lớn!

Lúc trước tôi có khuyên đại chúng, gắng sức làm việc kiếm tiền trong một năm để có đủ tiền chi tiêu cho đời sống thì nghỉ không làm việc hai năm, chuyên tâm hết lòng niệm Phật; đây là người có trí huệ, có đại phước báo. Sau hai năm tiền xài hết thì đi kiếm công việc trở lại. Nếu bạn hỏi tìm công việc làm không dễ, đến lúc đó có thể tìm được hay không? Nhất định sẽ tìm được. Tại sao vậy? Chư Phật, Bồ Tát gia trì cho bạn, bạn nên tin tưởng chư Phật, Bồ Tát. Ở thế gian này nhờ vả người ta không được, nhờ vả

Phật, Bồ Tát nhất định có thể được. Nhưng bạn phải có lòng tin tuyệt đối với chư Phật, Bồ Tát, tu học đúng như lý và làm đúng như lời dạy, làm sao không thành tựu được cơ chứ! Đây cũng là một phương pháp bảo trì tâm thanh tịnh.

Nói tóm lại nguyên tắc quan trọng nhất để giữ tâm thanh tịnh là:

Thứ nhất phải có lòng tin vững chắc muốn rời khỏi Sa Bà, cầu sanh Tịnh Độ, đây là chân tâm.

Thứ nhì tuyệt đối đừng bị thế gian cám dỗ, có thể buông xuống, buông xả hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian. Trong tất cả pháp thế gian và xuất thế gian chỉ lựa chọn một pháp mà mình cần, tuyệt đối không chọn quá nhiều, có câu rằng ‘biết đủ thì thường vui’. Tâm của bạn sẽ định, sẽ thanh tịnh; mới có thể bảo trì tâm thanh tịnh trong thời gian dài mà không mất. Điểm này vô cùng quan trọng. Những người tu hành thời xưa có thành tựu đều là nhờ yếu tố này. Có thể khắc phục dục vọng của mình, khắc phục vọng tưởng của mình, thiết có thể làm đến mức nói trong Kinh Kim Cang: ‘*Bất thủ u tướng, như như bất động*’ (Không chấp vào tướng, như như chẳng động). Trong đời sống chỉ lấy những gì mình cần

dùng là đủ, như vậy mới không bị cám dỗ, mới giữ được tâm thanh tịnh.

g. Buông xả tâm muốn không chế và tâm muốn chiếm lấy

1. Dưỡng tâm còn quan trọng hơn dưỡng thân

Người xưa dạy chúng ta: ‘Buổi sáng phải ăn cho tốt, buổi trưa phải ăn cho no, buổi tối phải ăn ít’. Đây là đạo dưỡng sinh và cũng là một nguyên tắc của sự hấp thụ dinh dưỡng. Chân chánh biết đạo dưỡng sinh nói theo nhà Phật thì phải biết ‘dưỡng tâm’, vì tâm có thể sanh ra rất nhiều pháp, tâm là pháp năng sanh, thân là pháp sở sanh, cho nên tâm thanh tịnh thì thân sẽ thanh tịnh; thân tâm thanh tịnh thì hoàn cảnh bên ngoài sẽ thanh tịnh, đây là một đạo lý nhất định. Nhưng rất ít người trong thế gian hiểu được đạo lý này, vẫn ráng sức tìm cầu để bù đắp dinh dưỡng từ bên ngoài.

Người tu hành chân chánh đối với dinh dưỡng cho thân thể không tìm cầu ở bên ngoài mà hoàn toàn hướng về bên trong. Trong Kinh nói người trên cõi Sắc giới trở lên dùng ‘thiền duyệt’ làm thức ăn, thiền duyệt là từ tự tánh lưu xuất, không phải cầu được từ bên ngoài. Cho nên Đức Phật nói năm thứ ‘tiền tài, sắc đẹp, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghỉ’ đều có thể

bỏ được. Năm thứ này được gọi là ‘ngũ cái’ (*năm thứ che đậy*), nó che phủ tâm tánh, trí huệ, đức năng của chúng ta, làm cho trí huệ, đức năng của chúng ta không thể hiện tiền. Năm thứ này là dục vọng, nếu sanh tâm tham đắm năm thứ này thì phiền não chỉ gia tăng mà không giảm bớt, làm sao đoạn dứt phiền não được?

Đức Phật dạy đệ tử nhất định đừng phân biệt, chấp trước đối với thức ăn. Ngày xưa lúc Đức Phật còn tại thế đi khát thực, người ta cho gì ăn nấy, vả lại chỉ cho phép đi khát thực bảy nhà, nếu 7 nhà này cho không đủ hay không cho thì phải đi về tu thiền định. Cách làm này là để giúp chúng ta khắc phục dục vọng, tâm tham, và phiền não; chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Vì chúng ta có thân thể cho nên phải ăn uống để hấp thụ dinh dưỡng, không thể không duy trì sự khoẻ mạnh của thân thể. Nếu thân thể không khoẻ mạnh, phải nhờ người khác săn sóc, cư ngụ trong đạo tràng cũng phải làm nhọc thường trú, như vậy không tốt. Nhưng phải hiểu đạo lý khoẻ mạnh nằm trong tâm thanh tịnh. Đối với mình tuyệt đối phải giữ tâm cho được thanh tịnh, thanh tịnh vô vi; đối với người, với sự, với vật cần phải có tâm đại từ đại bi, vô sở bất vi (*không từ khước làm bất cứ thứ gì*), được vậy chúng ta mới có thể dùng hành động

để phục vụ đại chúng, giúp đỡ đại chúng. Đây đều là lời Thánh nhân thế gian và xuất thế gian chỉ dạy cho chúng ta.

2. Năng và Sở đều là không, bất khả đắc (đều không thể được)

Nhưng ái tâm (tâm thương mến) là nghĩa vụ, nhất định không được chiếm lấy. Cho dù rất thương mến con cái và người thân của mình, tâm này của phàm phu cũng không thể gọi là từ bi, vì nó có chứa đựng tâm niệm không chế, chiếm lấy ở trong. Mỗi khi khởi lên một tâm niệm gì đều muốn điều khiển, khống chế, chiếm lấy tất cả người, sự, và vật, như vậy là sai lầm. Sai ở chỗ nào? Đức Phật dạy chúng ta: *‘năng sở giai không, liễu bất khả đắc’* (năng và sở đều là không, trọn chẳng thể lấy được, có được). Trong 600 quyển Kinh Bát Nhã, ba chữ ‘bất khả đắc’ (không thể lấy được, có được) đã lập đi lập lại trên ngàn lần, đó là muốn cho chúng ta ghi nhớ kỹ càng ‘bất khả đắc’ là chân tướng sự thật, nếu cứ tưởng tất cả có năng đắc, có sở đắc (có cái năng được, có cái để mình lấy được), đó đều là ngu si, vô minh.

Nếu hiểu thấu tất cả pháp đều không thể có được, năng và sở đều không thể đạt được thì bạn sẽ giải thoát. Dùng danh từ hiện nay để nói thì ‘giải thoát’ tức là tâm lý không có ràng

buộc, lo lắng, bận bịu, tâm của bạn được tự tại, buông xuống hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lý do mọi việc gì chúng ta cũng buông xuống không được chính là vì ngu si chưa bị phá trừ, vẫn còn cho là ‘có năng đắc, có sở đắc’, trong tâm còn bị ràng buộc, còn lo âu cho nên sinh sống rất khổ sở, công phu tu học cũng không đắc lực.

Chư Phật Như lai ứng hoá trong thế gian, tất cả những việc làm, hành động đều là ‘*Phật sự trong mộng, đạo tràng như bóng trăng dưới nước*’. Đạo tràng được xây dựng càng lớn, càng huy hoàng, người giác ngộ đều xem là hoa trong gương, ánh trăng dưới nước, không có chút gì chấp trước, keo tham, như vậy mới được đại tự tại, đó mới là sự hưởng thọ cao độ. Trong sanh hoạt đối với tất cả người và vật nếu có những sự thọ dụng, tuyệt đối không được không chế, đừng có tâm niệm chiếm lấy, như vậy mới sống một đời sống của Phật, Bồ Tát; sự khác biệt của phàm phu và Phật, Bồ Tát là ở chỗ này. Phàm phu thì mỗi tâm niệm đều muốn không chế, điều khiển người khác, mỗi tâm niệm đều muốn chiếm lấy tất cả, cho nên trong tâm cứ lo được, lo mất, âu lo phiền não vĩnh viễn không dứt, sống trong những ngày tháng như vậy rất khổ sở.

Còn chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi nhất định viên mãn hàm nhiếp ‘chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác’.

Bất cứ một điều trong 5 chữ này đều chứa đựng 4 điều kia, như vậy mới là ‘*một là tất cả, tất cả là một*’. Nếu tâm từ bi không thanh tịnh, không bình đẳng thì là một trong bốn loại ‘ái duyên từ bi’ nói trong Phật pháp. Đây là từ bi của phàm phu, vẫn còn không chế, chiếm lấy, không có bỏ hết tất cả yêu cầu, đòi hỏi, đây không phải là đại từ đại bi. ‘Ái duyên từ bi’ hướng lên trên là ‘chúng sanh duyên từ bi’, ‘pháp duyên từ bi’, lên nữa là ‘vô duyên từ bi’, đại từ đại bi tức là ‘vô duyên từ bi’. Vô duyên tức là không điều kiện, không yêu cầu đòi hỏi, không có chiếm lấy, không có không chế, đó là đại từ đại bi của chư Phật và Pháp Thân Đại Sĩ. ‘Vô duyên từ bi’ có đầy đủ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác. Nếu chúng ta dùng tâm này để xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc với sự vật, thế thì trong lúc xử sự, đối người, tiếp vật đã chứng quả rồi. Giống như ‘nhập đại giải thoát môn’ (vào cửa giải thoát to lớn) nói trong Kinh Hoa Nghiêm, thế thì thành Phật rồi. Chữ đại ở đây cũng có nghĩa là Đại Thừa, cửa giải thoát nhỏ là A La Hán, bậc Thánh của Tiểu Thừa.

3. Đọc Kinh nghe pháp

Chúng ta là phàm phu, nghiệp chướng, tập khí, phiền não vô cùng sâu nặng, rất khó đoạn dứt, chỉ có dùng phương pháp

giác ngộ mới có thể đoạn dứt. Vì vậy cho nên đọc Kinh, nghe pháp vô cùng quan trọng, một ngày cũng không thể gián đoạn. Chúng ta không phải là người có thượng căn, lợi trí (*trí óc lanh lợi bén nhạy*), không thể chỉ lắng nghe, học tập trong một thời gian ngắn mà có thể khai ngộ. Người trung và hạ căn muốn đạt được ích lợi ngay trong một đời, chỉ có phương pháp duy nhất là đọc Kinh, nghe pháp, huân tu trong thời gian dài mới có thể khế nhập vào cảnh giới ‘nhập Phật pháp’ nói trong Kinh Hoa Nghiêm. Nhập Phật pháp tức là giác ngộ, đây là đạt được lợi ích chân thật.

4. Quản lý sự việc phải giữ giới luật thanh tịnh

Tôi là một người phàm, là người căn tánh trung hạ, hôm nay có được chút đỉnh thành tựu này, có được chút đỉnh trí huệ này đều là do đọc Kinh, giảng Kinh hằng ngày trong suốt bốn mươi mấy năm qua. Có một số Đại Đức cũng giảng Kinh nhưng ngoài việc giảng Kinh ra họ còn phải quản sự (quản lý sự việc); quản sự phải lo lắng, bận tâm, ít nhiều cũng gây ra chướng ngại cho mình. Duyên phần của tôi trong đời này rất thù thắng, cả đời ‘không quản lý người, không quản lý sự việc, không quản lý tiền bạc’, cho nên sự việc trong thế tục đối với tôi không gây chướng ngại, mới có được chút đỉnh thành tựu

này, đây cũng là việc tôi hiện thân thuyết pháp làm gương cho mọi người.

Người như thế nào có thể quản lý sự việc? Phải có tâm thanh tịnh. Cho nên ngày xưa những vị quản sự trong Chùa chiền, tông lâm đều là chư Phật, Bồ Tát ứng hóa tái lai. Chúng ta không phải Thánh nhân ứng hóa, chúng ta đích thực là phàm phu chánh công. Nếu phàm phu chánh công đi làm việc tức là xả kỷ vị nhân (*hy sinh mình để phục vụ cho người khác*) thế thì cũng đáng được ngưỡng mộ, kính phục. Tuy hy sinh định huệ của mình để phục vụ đại chúng, nhưng nhất định phải giữ giới cho được thanh tịnh, đây mới là tu phước báo chân chánh. Giữ giới thanh tịnh tức là chăm sóc phục vụ cho đại chúng đúng như lý, như pháp, không có tâm riêng tư, dùng tâm chân thành, lo lắng, chăm sóc, giúp đỡ hết thảy đại chúng tu học đàng hoàng.

Hàn Quán Trưởng là hạng người này, bà không phải là Phật, Bồ Tát hóa thân đến, bà sáng lập xây dựng đạo tràng, thành tựu cho đại chúng, có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Chúng ta báo đáp cho bà được thể hiện một cách trọn vẹn lúc bà lâm chung, chúng ta tiễn đưa bà Vãng Sanh, đây là báo ân một cách trọn vẹn, lớn lao. Nhưng duyên như vậy rất khó được, không phải người nào cũng có duyên phần tốt như vậy,

ơ hội tốt như vậy. Nếu bà không Vãng Sanh được thì đời sau sẽ hưởng phước báo to lớn, làm quốc vương đại thần, trưởng giả cự phú. Nhưng phước báo ở thế gian cho dù làm đến Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương thì vẫn còn ở trong vòng lục đạo luân hồi, thoát không khỏi tam giới, cho nên phước báo như vậy chẳng rốt ráo viên mãn. Ngày nay chúng ta hiểu rõ ràng minh bạch thì chỉ có Vãng Sanh bất thoái thành Phật mới là chân thực rốt ráo, viên mãn.

5. Buông xả không chế, chiếm lấy, yêu cầu (đòi hỏi)

Tu học tức là học làm thế nào sống qua ngày, biết làm thế nào đối với mình, đối với người. Đối với mình tuyệt đối phải thanh tịnh, từ bi, chuyên tu chuyên hoằng; đối với người nhất định phải chân thành, thanh tịnh, từ bi, phải làm được vô duyên từ bi, không có điều kiện. Nhất định đừng có tâm niệm không chế bắt buộc người ta luôn luôn phải làm theo ý của mình, đừng giữ tâm niệm chiếm lấy đối với tất cả mọi người, mọi sự, mọi vật, phải buông bỏ hết tất cả yêu cầu, đòi hỏi, đây là trí huệ, đây là công đức, sánh với phước đức còn thù thắng hơn nhiều. Hy vọng mọi người đều khích lệ khuyến tấn lẫn nhau, y giáo phụng hành.

Truyền Tâm Pháp Yếu

Những lời dạy khẩn thiết của lão Hòa Thượng Tịnh Không

Cư Sĩ Nhận Chân chính lý

Mục Lục

A. Chân tướng của Đạo. Thập đức:

Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh Giác, Từ bi

Nhìn thấu, Buông xả, Tự Tại, Tùy duyên, Niệm Phật

B. Lựa chọn pháp phải: Tinh Đẳng, Khế cơ, Khế lý

C. Tâm Môn

1. Chân thành
2. Có thể xả, chịu buông xuống thì sẽ thoát ra khỏi luân hồi
3. Căn bản của thành đạo – chân thành, không dối mình, không có chuyện gì sợ cho người biết
4. Cực Lạc, Hoa Tạng, vô lượng trang nghiêm, người người đều có đầy đủ
5. Tâm thanh tịnh là chân thành
6. Tâm bình đẳng là chân thành
7. Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác là Tam Bảo, là mục tiêu của tam tự quy y.
8. Trong Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh Giác tự khởi tâm đại từ bi

D. Hành Môn

1. Nhìn thấu, Buông xả là then chốt của sự thành đạo
2. Buông xuống vô lượng pháp, đi sâu vào một môn
3. Nhìn thấu, Buông xả được đại tự tại
4. Tùy duyên mà không phan duyên

Phong phạm của Liên Trì Đại Sư

5. Niệm Phật phải tương ứng với thập đức
6. Hết thầy phải làm từ tâm chân thật.

Phụ lục 1:

Cứu vãn kiếp nạn, hóa giải tai nạn phải đẩy mạnh bốn thứ giáo dục

Phụ lục 2:

Khai thị tâm yếu của Ấn Quang Đại Sư

Truyền tâm pháp yếu

*Buổi nói chuyện với lớp đào tạo nhân tài hoằng pháp kỳ
2, tháng 11, 1996 tại Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba*

A. Chân tướng của Đạo

Thập đức:

Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh Giác, Từ bi

Nhìn thấu, Buông xả, Tự Tại, Tùy duyên, Niệm Phật

Pháp thế gian và xuất thế gian đều coi trọng ‘đạo’; ‘đạo’ rốt cuộc là gì? Truyền đạo, hoằng đạo, bạn hoằng đạo gì, nhất định phải có khái niệm rõ ràng. Chúng ta quy nạp (tổng hợp) lời giáo huấn của Đức Phật, giáo học của Phật pháp thành hai chục chữ: Chân thành, Thanh tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ bi; Nhìn thấu, Buông xả, Tự tại, Tùy duyên, Niệm Phật. Đương nhiên mỗi người quy nạp sẽ không hoàn toàn giống nhau, tuy vậy cũng như người xưa có nói: ‘Người mù sờ voi’, ai cũng đều sờ được. Bất kể sờ đến bộ phận nào đều không sai, tuy chỉ là một bộ phận của toàn thể nhưng đều có thể tiếp xúc, đạt đến mục đích. Ai cũng có thể chứng đến viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, tại vì phương hướng và mục tiêu không sai, đều thuần chánh hết. Vì vậy có rất nhiều cách nói giống những bộ phái của Ấn độ thời xưa, các tông phái của Phật Giáo ở

Trung quốc, hết thấy đều là Phật pháp thuần chánh. Phật pháp thuần chánh nhất định có thể giúp người ta minh tâm kiến tánh, giúp đỡ người thành tựu Vô Thượng Bồ Đề nên đều gọi là chánh pháp. Như trong Kinh Kim Cang Đức Phật dạy: *‘Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp’*. Đây là điều mà chúng ta phải khẳng định trước hết để sau này không đến nỗi hoài nghi.

B. Lựa chọn pháp phải: Tinh đáng, Khế cơ, Khế lý

Chúng ta tu học Tịnh Tông, đặc biệt là người hiện nay, những Kinh luận của Đức Thế Tôn nhiều như biển cả, chúng ta làm sao lựa chọn? Lựa chọn phải tinh đáng: tinh là tinh hoa, tinh yếu, đáng là thích hợp, vừa đúng. Hai chữ ‘tinh đáng’ này không có tiêu chuẩn nhất định, thế thì nguyên lý, nguyên tắc ở chỗ nào? Phải ‘khế cơ’, khế cơ tức là ‘tinh đáng’. Căn cơ của người xưa khác người thời nay, căn cơ của người Trung Quốc không giống căn cơ của người ngoại quốc. Nếu căn cơ giống nhau thì sự lựa chọn của mọi người phải giống nhau. Như vậy tại sao ở Ấn độ thì gọi là bộ phái, nhưng ở Trung quốc thì gọi là tông phái? Từ điểm này thì có thể biết mỗi người lựa chọn khác nhau, chỉ cần thích hợp với người đó là được.

Trong Kinh Đức Thế Tôn thường thí dụ Đức Phật là vị đại y vương, tất cả các pháp mà Đức Phật đã nói ví như thuốc men, chúng sanh trong chín pháp giới đều là bệnh nhân, làm thế nào để lấy, bỏ thì mới tinh đáng? Lựa thuốc nào mà chữa đúng căn bệnh thì gọi là ‘tinh đáng’. Lựa thuốc đúng căn bệnh, uống thuốc vào thì hết bệnh; nếu thuốc không đúng căn bệnh thì thuốc này không ‘tinh’, không thích hợp, còn có thể làm cho bệnh trở nặng thêm, hoặc người bệnh uống thuốc này bị phản ứng, chết luôn, như vậy thì thuốc này không ‘đáng’ gì cả. Bởi vậy nên quý vị phải hiểu được hai chữ ‘tinh đáng’, phải hội đủ ba điều kiện: tùy thời, tùy người, tùy chỗ, và ‘khế cơ, khế lý’ thì mới ‘tinh đáng’.

C. Tâm Môn

1. Chân thành

Sinh sống trong thời đại ngày nay, chúng ta phải hiểu thật rõ căn cơ của chúng ta như thế nào, trong Phật pháp sâu rộng như biển cả làm thế nào lựa chọn đúng thuốc để đối trị với căn bệnh, đối trị tập khí của chúng ta, đây là nguyên tắc chính để lựa chọn; mười điều này là thuốc hay để chữa trị tất cả bệnh tật, tập khí của người thời nay.

Điều thứ nhất là chân thành. Người thời nay thường thường giả dối, hư ngụy. Hai chữ chân thành chính là thuốc hay cho căn bệnh này! Chúng ta là người thời nay, tâm chúng ta có chân hay không, có thành hay không? Không chân, không thành! Chúng ta cũng hư ngụy, cũng giả dối, cho nên phải lấy thuốc này chữa trị cho chúng ta trước; chữa cho chúng ta xong hết rồi thì chúng ta mới có đủ lòng tin để nói thuốc này hay lắm. Bệnh của bạn giống y như bệnh của tôi, đại khái thì bạn cũng có thể uống thuốc này thử xem sao. Đây là nền tảng thấp nhất. Mục đích chúng ta học Phật là muốn làm Phật; làm Phật thì đâu có lý nào làm Phật giả? Phật làm sao giả mạo được? Cũng giống như lời dạy của Thiện Đạo Đại Sư: *‘Hết thầy đều phải bắt đầu từ tâm chân thật!’*, trong ‘Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ’ bạn hãy coi Ngài lập đi lập lại câu này bao nhiêu lần, những gì mà cứ lập đi lập lại nhiều lần không có dụng ý gì khác ngoài ý muốn nhấn mạnh hy vọng khi bạn xem quyển chú giải này nếu không nhớ gì hết nhưng chỉ nhớ câu này thôi cũng được, đây là câu nói quan trọng nhất.

Cho dù người khác giả dối với ta, cho dù tất cả người trên Thế Giới này giả dối với mình, chúng ta vẫn phải chân thành đối với tất cả mọi người. Tại sao vậy? Tại vì chúng ta muốn làm Phật. Tại sao họ giả dối? Tại vì họ muốn ở trong lục đạo luân hồi. Hiện nay tôi học Phật, tôi giác ngộ rồi! Giác ngộ là

từ đây trở về sau tôi không còn muốn kẹt ở trong lục đạo luân hồi nữa, tôi nhất định phải vượt thoát ra khỏi lục đạo luân hồi. Lấy cái gì để vượt thoát? Lấy chân thành. Nếu bạn không ra sức từ chân thành, thì bất kể bạn tu hành ra sao, tu giỏi đến đâu, ngồi xếp bằng nhập định suốt cả năm thì cũng không hay ho chi cả, vẫn kẹt trong lục đạo luân hồi như cũ; cho dù bạn giảng Kinh lưu loát tài giỏi đến mấy thì vẫn ở trong lục đạo luân hồi, điểm này rất quan trọng! Chúng ta dùng tâm chân thành đối xử với người, đừng sợ thiệt thòi, đừng sợ bị gạt. Nếu bạn sống đến một trăm tuổi, chịu thiệt thòi hay bị gạt thì nhiều lắm cũng chỉ thiệt thòi, bị gạt một trăm năm mà thôi. Thời gian một trăm năm trôi qua rất nhanh! Chỉ cần thoát ra khỏi lục đạo luân hồi thì phước báo này quá lớn, một trăm năm chịu thiệt thòi hay bị gạt này rất đáng giá, xứng đáng vô cùng!

Sau khi hiểu rõ thì tại sao bạn còn không chịu bị thiệt thòi? Tại sao không chịu bị gạt? Huống hồ bạn đều biết ‘sinh không mang đến, chết không mang đi’. Rốt cuộc thì bạn đã chịu thiệt thòi những gì? Bị gạt những gì? Người ta gạt bạn để lấy danh tiếng, lợi dưỡng của bạn, bạn chẳng đem đến những thứ danh tiếng lợi dưỡng này lúc bạn sanh ra, đến lúc bạn chết thì cũng đem theo không được. Vì vậy nếu nhìn thấy rõ ràng thì đâu có gì gọi là chịu thiệt thòi hay bị gạt nữa! Chịu thiệt thòi hay bị gạt đều là quan niệm sai lầm, đều không phải

là sự thật. Thực sự thì ai chịu thiệt thòi và ai bị gạt? Những người hư dối thực sự là đã chịu thiệt thòi và bị gạt đó. Không những họ phải đi vào lục đạo luân hồi mà còn phải đọa tam ác đạo nữa. Giả sử toàn bộ tài sản trên Thế Giới đều là của tôi và đều bị bạn gạt hết trơn thì cũng không sao hết. Cho dù bạn lấy được hết trội thì bạn vẫn phải đi vào sáu nẻo luân hồi và ba đường ác.

2. Có thể xả, chịu buông xuống thì sẽ thoát ra khỏi luân hồi

Nếu bạn có thể xả, chịu buông xuống thì bạn sẽ thoát ra khỏi luân hồi: một khi thoát ra khỏi lục đạo luân hồi thì phạm vi hoạt động của bạn sẽ vô cùng to lớn sẽ là tận hư không, khắp pháp giới. Bạn muốn thoát khỏi hay không? Tại sao còn chịu kẹt mãi trong vòng luân hồi? Luân hồi chỉ có khổ, không có vui sướng gì đâu! Cõi Dục giới có đầy đủ ba thứ khổ, không cần nói rõ quý vị cũng đã biết rồi; cõi Sắc giới tuy không có Khổ khổ, nhưng còn Hành khổ và Hoại khổ . Lên đến cõi Vô Sắc giới không còn thân thể nữa (một số người gọi là ‘Linh Giới’), không có thân thể thì đương nhiên không có Hoại khổ, nhưng họ còn Hành khổ. Cho nên Đức Phật nói tam giới đều khổ cả! Trong lục đạo đâu có vui sướng gì đâu? Sự vui bất quá chỉ là lúc bạn tạm

ngung chịu khổ trong chốc lát, làm cho bạn có cảm giác là có vui. Sự thật để trước mắt, mỗi ngày người ta ăn ba bữa, nếu không ăn một bữa thì sẽ đói và khổ liền. Từ đó có thể biết ăn một bữa cũng giống như bịnh nhân uống thuốc vậy, nếu bạn không uống thuốc thì ‘bịnh đói’ sẽ hoành hành. Trong một ngày ngắn ngủi thì đã phải ‘chữa trị’ hết mấy lần, thế thì có gì là vui đâu? Bạn vui ở chỗ nào? Người ta ngu mê như vậy, chân tướng sự thật để trước mắt mà không biết, vẫn còn mê luyến trong biển khổ!

3. Căn bản của thành đạo – chân thành, không dối mình, không có chuyện gì sợ cho người biết.

Chúng ta học Phật phải bắt đầu học từ đâu? Từ chân thành!

Ấn Quang Đại Sư dạy: ‘*Có một phần thành kính thì được một phần lợi ích*’. Không hẳn chỉ là Phật pháp, thế pháp cũng vậy, nhất định phải dùng thành kính để đối đãi với người.

Tu ‘chân thành’ bắt đầu từ đâu?

Bắt đầu từ không tự gạt, không nói dối.

Ngày nay trên toàn Thế Giới cho đến pháp luật cũng đòi phải có quyền ẩn tư (riêng tư), thế mới biết người trên thế gian

không có ý niệm muốn thoát ly luân hồi; không những không muốn thoát ly lục đạo, ngay cả ý muốn thoát ly Dục giới cũng không có. Tại sao vậy? Họ có tâm riêng tư! Tâm riêng tư nặng thì chấp trước ngũ dục lục trần rất mạnh mẽ, không có năng lực sanh lên cõi Sắc giới. Tâm của người trên cõi Sắc giới thanh tịnh hơn chúng ta rất nhiều, không có dục vọng nhiều như chúng ta. Tại sao bạn tham thiền không đắc được định? Vì dục vọng quá sâu đậm, vì chấp trước quá nặng nề cho nên họ tu định cũng không thể sanh đến cõi trời Sơ Thiên. Thế nên bạn mới biết sự nguy hại của quyền riêng tư là bao lớn! Đã biết rằng sanh không mang đến, chết cũng không mang theo thì có gì đâu mà không thể công khai? Còn bí mật gì muốn dấu người ta? Những chuyện không thể nói cho người biết đều không phải là chuyện tốt. Chuyện tốt thì sao không thể nói cho người ta biết? Cho nên bạn phải hỏi học Phật bắt đầu từ đâu? Tu hành bắt đầu từ đâu? Đều bắt đầu từ đây! Nếu bạn còn chuyện gì không thể nói cho người khác biết thì bạn có thể thành tựu trong Phật pháp hay không? Niệm Phật một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, thì hết bề cuống họng cũng uổng công mà thôi. Bạn niệm Phật không thể Vãng Sanh, tham Thiền cũng không đắc được định, càng không thể nói đến khai ngộ, nghiên cứu Giáo môn thì cũng không thể khai giải, trên con đường tu 'đạo' này bạn không có

phần! Bạn chỉ kết thiện duyên với Phật pháp, trồng một chút thiện căn mà thôi, phải đợi đến đời kiếp nào mới có thể thành tựu? Xa lơ xa lắc hà! Đời này không còn trông mong gì nữa!

Nếu chúng ta muốn thành tựu ngay trong đời này thì phải nhổ tận gốc những căn bệnh thói quen hư ngụy, giả dối; khi xử thế, đối người, tiếp vật phải dùng chân thành, chúng ta phải bắt đầu từ đây. Trước hết phải nhớ: đừng sợ chịu thiệt thòi, đừng sợ bị gạt. Trên thực tế thì bạn nhất định không có chịu thiệt thòi, không bị gạt gì cả. Nếu trong tâm không có âu sầu, không có lo lắng, nhớ nhung, thì bạn sẽ rất khoái lạc, vui vẻ! Thực sự đạt được đại tự tại (thong dong, thanh thoi)! Bạn không có phiền não thì sau đó bạn mới có thể làm được một người ‘chân chánh, chân thường’; người ta trong thế gian không chân thường là vì không chân thật, không chân thành tức là không chánh thường.

4. Cực Lạc, Hoa Tạng, vô lượng trang nghiêm, người người đều có đầy đủ

Năm chữ Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh Giác, Từ bi đều thuộc về tâm, tức là Bồ Đề tâm trong Phật pháp. ‘Chân thành’ là thể của Bồ Đề Tâm, bốn thứ sau là khởi dụng của Bồ Đề tâm. Từ thể khởi dụng, dụng có nghĩa là

hưởng thọ, tác dụng. Ba chữ ‘Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác’ là đề Kinh của Kinh Vô Lượng Thọ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật dạy chúng ta tổng cương lĩnh (*nguyên tắc chính*) của sự tu hành, đó tức là Thanh tịnh, Bình đẳng, và Giác. Nửa phần đầu của đề Kinh này ‘Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm’ là quả báo. Thế nên đề Kinh này có đầy đủ nhân và quả. Hết thấy vô lượng chỉ dùng một chữ ‘thọ’ để tượng trưng, nghĩa là không phải chỉ có vô lượng thọ mạng mà thôi, còn vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, ..., hết thấy đều vô lượng, có người nào trong thế gian và xuất thế gian sánh bằng? Trang nghiêm nghĩa là hoàn hảo, tốt đẹp đến cùng cực.

Nếu nói như vậy thì quả báo này là thật hay giả? Là lý tưởng hay là phóng đại (khoa trương)? Nói cho chư vị biết hết thấy đều không phải, tánh đức vốn đã như vậy. Đây là đức năng trong tự tánh vốn sẵn có, vốn là như vậy! Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cũng không phải dùng công sức của con người tạo thành, quý vị xem Kinh Hoa Nghiêm nên biết Hoa Tạng Thế Giới của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na cũng không phải là nhân tạo, là do tánh đức tự nhiên biến hiện ra. Quý vị cũng đã xem Kinh Vô Lượng Thọ rồi, ý nghĩa của tám thứ ‘tự nhiên’ nói trong Kinh cũng vô cùng vô tận! Người xưa có câu: ‘Của báu vốn sẵn có trong nhà’, đó là vốn có sẵn, không phải đến từ bên ngoài. Người người đều có đầy đủ vô lượng trang nghiêm

của Hoa Tạng Thế Giới, của Cực Lạc Thế Giới; chúng ta không thể nói người người đều có phần, mà phải nói người người đều đầy đủ! Nói ‘có phần’ thì cũng không ổn, không đúng lắm, vốn là đã có đầy đủ, vốn là như vậy. Hôm nay chúng ta biến thành nghèo mạt, nghèo khổ đến mức này là tại sao vậy? Là vì chúng ta không có tâm chân thành! Tất cả đều do tâm tạo, tâm của chúng ta không còn bình thường nữa, đã mê rồi, cho nên đức năng sẵn có đã biến đổi, thiệt đúng là y báo biến chuyển theo chánh báo.

Đức Phật dạy chúng ta tu Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác thì sẽ khôi phục lại Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm. Phần lớn người trên thế gian không có phước báo này, không có cơ hội may mắn này. Phật pháp nói đến ‘duyên’, họ không có duyên! Hiện nay người ta dùng chữ ‘không có cơ hội’, không gặp được Phật pháp; gặp được Phật pháp là có thiện căn to lớn, có đại nhân duyên! Không gặp được Phật pháp, không thể hiểu được chân tướng sự thật; chân tướng sự thật là vô lượng trang nghiêm, là Hoa Tạng Thế Giới, là Cực Lạc Thế Giới! Nhiều người không biết dùng phương pháp gì để khôi phục lại tự tánh, đây đúng là những người đáng thương!

5. Tâm thanh tịnh là chân thành

Biểu hiện của tâm chân thành tức là thanh tịnh, tâm thanh tịnh là chân tâm, là thành tâm. Trong bút ký của ông Tăng Quốc Phiên có ghi định nghĩa của chữ ‘thành’ là: ‘Một niệm không sanh gọi là thành’. Cách nói này rất hay! Nếu bạn có một tâm niệm gì đó thì đã không ‘thành’ rồi. Có ‘niệm’ đều là vọng niệm! Phật pháp chú trọng đến việc tu định, định tức là tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh không có một tạp niệm nào cả. Nhà Nho thời xưa ở Trung Quốc rất coi trọng công phu tu thân, họ cũng nói về ‘định’; nhà Phật nói ‘định’ rõ ràng hơn, cụ thể và minh bạch hơn. Định tức là tâm thanh tịnh, chúng ta phải biết cách tu tâm thanh tịnh. Từ tâm thanh tịnh mà nói nhất quyết không bị ô nhiễm bởi hết thảy cảnh duyên; ‘cảnh’ là chỉ hoàn cảnh vật chất, ‘duyên’ là chỉ hoàn cảnh nhân sự. Cái gì gọi là ‘ô nhiễm’? Trong hoàn cảnh này bạn động tâm, khởi niệm, lúc sáu căn tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài trong tâm khởi lên tâm niệm tham, sân, si, mạn, như vậy thì tâm của bạn bị ô nhiễm, không thanh tịnh nữa. Một khi bị ô nhiễm, tâm của bạn sẽ không thành, không chân nữa; chân tâm, thành tâm vốn là thanh tịnh. Chúng ta thường nói đến chân thành, có nhiều người nói: ‘Tôi thật có chân tâm, thật là có thành tâm, tôi muốn mắng chửi thì mắng chửi, muốn đánh ai thì đánh liền.’ Họ tưởng

như vậy tức là trực tâm, là chân tâm, thiết ra thì đều hiểu sai ý nghĩa hết. Như thế nào gọi là chân thành? Thanh tịnh là chân thành. Bạn nghĩ coi: tâm bạn có thanh tịnh hay không? Còn bị cảnh giới bên ngoài làm ô nhiễm không? Cũng là nói khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, bạn còn khởi lên tâm niệm gì không? Nếu còn động tâm thì còn là phàm phu, chưa phải là Thánh nhân, công phu còn thua xa lắm, phải gắng sức nỗ lực thêm nữa!

6. Tâm bình đẳng là chân thành

Tâm bình đẳng tức là tâm chân thành. Bình đẳng nghĩa là không có phân biệt, có phân biệt tức là không bình đẳng. Có phân biệt tức là có cao thấp, thế thì đâu có bình đẳng. Nhìn từ hình tướng bên ngoài thì Phật pháp nói có thập pháp giới: Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, và lục đạo chúng sanh, chuyện này không bình đẳng. Nhưng Đức Phật dạy chúng ta ‘*Chúng Sanh, Phật bình đẳng*’, ý nghĩa này rất thâm sâu. Từ trên lý mà nói thì đương nhiên là bình đẳng, thập pháp giới đều từ tự tánh biến hiện ra, tánh tướng nhất như, tánh tướng không hai. Từ trên sự mà nói thì có bình đẳng hay không? Trên sự vẫn là bình đẳng. Cái bình đẳng trên sự chỉ có Phật, Bồ Tát nhìn thấy, phàm phu chúng ta không nhìn thấy. Tại sao

phàm phu không nhìn thấy? Phàm phu chấp tướng, một khi chấp tướng thì bạn nhìn không thấy, phàm phu trên tướng phân biệt, hư vọng phân biệt! Tại sao chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy? Vì chư Phật, Bồ Tát không chấp tướng.

Thí dụ người thế gian chúng ta quý trọng nhất là kim cương, hột xoàn, chỉ một viên nhỏ xíu đã rất đắt; thí dụ lấy một viên thủy tinh và một viên kim cương để chung một chỗ, có ai nhìn thấy hai viên này bình đẳng không? Chỉ có đôi mắt của những đứa bé sơ sinh là bình đẳng. Tại sao chúng nó bình đẳng? Chúng nó không có tâm phân biệt, nó nhìn thấy hai viên đều giống nhau, đều đẹp hết! Đều là đồ chơi hết. Tâm của người lớn thì có phân biệt: ‘Ôi chao đây là viên hột xoàn, kia là viên thủy tinh’. Giá trị của nó sẽ không bình đẳng. Từ đó có thể biết, không bình đẳng là do vọng tâm sanh ra. Bạn quan sát kỹ càng những đứa trẻ sơ sinh, bạn cho chúng viên kẹo, chúng nó ăn liền. Những ‘viên đại tiện’ của chúng nó, nó cũng ăn, mà còn ăn một cách ngon lành. Tại sao chúng nó đều ăn hết vậy? Chúng nó không có phân biệt. Thế mới biết không có phân biệt, không có chấp trước là bình đẳng.

Trong nhà Phật, trong các hạnh Bồ Tát có một phương pháp gọi là Anh Nhi Hạnh (hạnh trẻ con sơ sinh), hạnh này dạy bạn học theo những đứa trẻ con! Trẻ con không có phân

biệt, không có chấp trước, ngây thơ hồn nhiên, bạn hãy quan sát từ những việc nhỏ nhất này. Chư Phật, Bồ Tát không có tâm phân biệt, tuy hiện tượng thập pháp giới có tồn tại nhưng đối với các Ngài, thập pháp giới đều bình đẳng cả. Đây là như Kinh Hoa Nghiêm nói: *‘trong sự sai biệt có bình đẳng quán, trong bình đẳng có sai biệt quán’*; sai biệt và bình đẳng là một, không phải là hai, đây là nhập vào pháp môn bất nhị (không hai). Khi bạn có thể nhập vào pháp môn không hai thì bạn là Pháp Thân Đại Sĩ, là Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới. Tuy bạn hiểu được đạo lý này, nhưng bạn không vào cảnh giới này thì bạn vẫn là Bồ Tát trong thập pháp giới, bạn vẫn chưa vượt thoát khỏi thập pháp giới. Nhập vào Nhất Chân pháp giới thì vượt khỏi thập pháp giới, công phu chân chánh là ở chỗ này, đây là công phu chân thật, tu hành chân thật!

Khi quý bạn đọc Kinh Hoa Nghiêm đến đoạn năm mươi ba tham vấn, bạn xem 53 vị thiện hữu này, từ hành tích của họ thì không nhìn ra, hình như không khác gì người trong thế gian, công phu của họ hoàn toàn dùng trong tâm, giống như trong Kinh có nói: *‘Từ bên ngoài mà nhìn thì hình như không có gì, nhưng họ đều đang dụng công trong tâm!’* Trong tâm dụng công gì vậy? Dụng công phu tập luyện thanh tịnh, công phu bình đẳng, đây mới gọi là thiết tinh tấn! Từ biểu hiện bên ngoài bạn nhìn không ra. Người không có công phu thì đương

nhiên nhìn không ra, nhưng người có công phu thì sẽ nhìn ra. Người có công phu cao hơn họ nhìn thấy rất rõ ràng; người có công phu bằng họ cũng có thể thấy rõ ràng; những người không bằng họ thì nhìn không ra. Trên tầng cao có thể nhìn thấy phía dưới, ngược lại phía dưới nhìn không thấy trên cao.

Phải biết tâm bình đẳng vô cùng quan trọng, nếu tâm bạn không thanh tịnh, bị ô nhiễm, thì nói một cách khác ba ác đạo nhất định bạn sẽ có phần; nếu tâm không bình đẳng thì rất khó thoát ly lục đạo luân hồi. Trong đề Kinh, tại sao đặt thanh tịnh ở hàng thứ nhất, bình đẳng thứ nhì, Chánh Giác thứ ba? Vì ô nhiễm *không thanh tịnh* là nghiệp nhân của tam ác đạo, không bình đẳng là nghiệp nhân của tam thiện đạo; không bình đẳng vẫn có thể ở trong tam thiện đạo, nghiệp chướng của nó không nặng lắm. Không giác thì sao? Không thể ra khỏi thập pháp giới. Cho nên Chánh Giác được đặt ở sau chót. Chánh Giác nói ở đây không phải Chánh Giác của A La Hán chứng đắc mà là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là cảnh giới của Phật, trong Kinh Điển nói đến cảnh giới này rất nhiều, bạn phải xem kỹ ý nghĩa của nó.

7. Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác là Tam Bảo, là mục tiêu của tam tự quy y.

Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác tức là Tam Bảo; Tam Bảo là mục tiêu phương hướng của Tam quy y: Tụ quy y Phật, Tụ quy y Pháp, Tụ quy y Tăng. Thanh tịnh là Tăng Bảo, Bình đẳng là Pháp Bảo, Chánh Giác là Phật Bảo. Lúc vừa vào cửa Phật, bắt đầu học Phật thì quý thầy truyền Tam quy, đem phương hướng và mục tiêu này truyền trao cho chúng ta, chỉ rõ cho chúng ta biết. Bất luận tu học pháp môn nào, pháp môn nhiều vô lượng vô biên, quý vị đừng nhìn trong khuôn khổ hạn hẹp: Tham Thiền là một pháp môn, Trì Chú là pháp môn, Nghiên cứu Giáo môn là pháp môn, Niệm Phật là pháp môn, như vậy rất hạn hẹp. Thế thì vô lượng vô biên pháp môn rốt ráo là như thế nào? Mặc áo là pháp môn, ăn cơm là pháp môn, vừa dơ tay, vừa ngược đầu lên đều là pháp môn: hết thấy những gì trong đời sống từ sáng đến chiều, từng ly từng tí, mỗi lúc khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác hết thấy đều là vô lượng pháp môn đó! Vô lượng pháp môn đều phải tương ứng với Giác, Chánh, Tịnh; nói một cách khác vô lượng pháp môn đều phải tương ứng với Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác. Nếu chúng ta học Phật, dạy cho người khác, chỉ dạy về ý nghĩa hạn hẹp này thì khó nói tại sao chúng ta đều không thành tựu!

Chuyện này nói ra cũng không thể trách chúng ta, tự mình không biết, những vị thầy đời trước cũng không nói rõ ràng cho chúng ta biết! ‘Người trước không thiện, không thể trách được!’ Nếu từ từ thể hội ý nghĩa trong Kinh một cách sâu sắc, vô lượng pháp môn đều bày ra trước mặt chúng ta, vô lượng pháp môn đang bao quanh chúng ta, từng ly từng tí lúc khởi tâm động niệm đều là nó, đây mới đúng là vô lượng pháp môn, đây gọi là tu học Đại Thừa, đây mới là người tu hành!

8. Trong Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh Giác tự khởi tâm đại từ bi

Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác tức là sự chân thành trong tâm; nói một cách khác tâm chân thành nhất định phải thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác. Từ trong thanh tịnh, bình đẳng, giác nhất định sanh khởi tâm đại từ bi; tâm đại từ bi này sanh khởi lên một cách tự nhiên, ‘pháp nhĩ như thị’, tự nhiên như vậy! Đối người, đối sự, đối vật hết thấy đều như vậy. Nhìn thấy đồ vật không ngay thẳng, bợn sửa cho ngay lại, đây là từ bi, không cần phải có người dạy, không cần người nhắc nhở. Nhìn thấy cái ghé không ngay ngắn, tự nhiên sẽ sửa cho ngay lại, đây là từ bi đối với vật; từ bi đối với sự tức là làm hết lòng,

làm một cách có trách nhiệm; từ bi đối với người là chân thành chăm sóc và lo lắng, hết thảy những thứ này đều phát ra từ tự tánh, đều là tự nhiên không có chút gì miễn cưỡng.

D. Hành Môn

1. Nhìn thấu, Buông xả là then chốt của sự thành đạo

Chúng ta đã nói về năm điều đầu tiên, phía sau còn năm điều nữa; ở đây nên chú ý, năm điều sau này phải được thực hiện trong đời sống, nghĩa là sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi của bạn bắt đầu từ đâu? Từ trong đời sống hằng ngày. Sự biểu hiện trong đời sống nhất định phải nhìn thấu; nhìn thấu nghĩa là hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Trong Kinh nói giác ngộ triệt để, thấu triệt rồi, đó gọi là ‘hành’. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác, từ bi được thể hiện trên sự nhìn thấu; sau khi nhìn thấu thì không thể nào không buông xả được. Tại sao vậy? Điều kể sau đây là tự tại, được đại tự tại (*thong dong, thanh thoi, thoải mái*)! Bạn xem câu đầu trong Tâm Kinh: ‘Quán Tự Tại Bồ Tát’, chữ ‘quán’ ở đây là ‘nhìn thấu’, quán là trí huệ, trí huệ chân thật. Nhìn thấy chân tướng sự thật của vũ trụ rõ ràng minh bạch. Buông xả nghĩa là không nhiễm trước một tí gì

hết, không niệ̃m trước chẳng có nghĩa là không có sự thọ dụng. Tất cả đều có thể thọ dụng, vì tất cả đều không niệ̃m trước, cho nên sự thọ dụng này được gọi là ‘chánh thọ’, trong Kinh nói đến ‘Tam Muội’, ‘Tam Muội’ là tiếng Phạn có nghĩa là ‘hưởng thọ chánh thường’. Hưởng thọ chánh thường khác với sự hưởng thọ của chúng ta hiện nay ở chỗ nào? Trên ‘sự’ thì hoàn toàn giống nhau. Chúng ta mặc áo, Phật, Bồ Tát cũng mặc áo; chúng ta ăn cơm, quý Ngài khi thị hiện cũng ăn cơm, có gì khác nhau? Nhưng bên trong đích thật có chỗ khác biệt, chúng ta mặc áo, ăn cơm có chấp trước, các Ngài mặc áo, ăn cơm không có chấp trước; cho nên các Ngài mặc áo ăn cơm vui vẻ tự tại, chúng ta mặc áo, ăn cơm rất khổ, không được xứng tâm vừa ý, có thêm một thứ, thiếu một thứ đều không được. Đây là do nguyên nhân gì vậy? Vì buông xả, buông xuống không nổi! Tại sao buông xả không nổi? Vì không nhìn thấu! Cho nên khi áp dụng trên sanh hoạt thường ngày nhất định phải nhìn thấu sự thật, đây không phải là một chuyện dễ. Nếu bạn muốn có công phu thì trong mười điều này nhất định phải nhận thức rõ ràng then chốt ở ‘nhìn thấu, buông xả’. Vì nếu bạn nhìn không thấu, buông xả không nổi, bạn sẽ không đạt được tâm chân thành; nếu không đạt được tâm chân thành thì cũng không đạt được ‘chánh thọ’. Cho nên nhìn thấu

có thể giúp cho buông xả, buông xả cũng giúp cho nhìn thấu, hai pháp này bổ sung, hỗ trợ, củng cố lẫn nhau.

Nhìn thấu giúp cho buông xả thêm, buông xả giúp cho nhìn thấu thêm, một mực cho đến quả địa Như Lai, đến cứu cánh viên mãn. Cho nên bạn sẽ hỏi: Bồ Tát dùng công phu gì? ‘Nhìn thấu buông xả’ đều bao gồm hết. Chúng ta dùng cách phân đoạn lớn để nói, nhìn thấu căn bệnh của Kiến Tu phiền não xong bạn buông xả nó thì bạn được nâng lên một cấp và thành A La Hán. A La Hán lại phát hiện căn bệnh của Trần Sa phiền não, buông xả Trần Sa phiền não được thì nâng lên một cấp thành Bồ Tát. Bồ Tát lại nhìn thấy căn bệnh của Vô Minh phiền não, buông xả được một phẩm Vô Minh thì được nâng lên một cấp thành Pháp Thân Đại Sĩ. Thế nên nếu bạn nhìn thấu một phẩm, buông xả một phẩm thì bạn sẽ không ngừng đi lên. Thiệt ra những cấp bậc này có hay không có? Không có! Tại sao Đức Phật lại nói đến những cấp bậc này? Là dựa trên mức độ phiền não của bạn mà phân ra.

Công phu của người tu hành càng thấp thì phiền não càng nặng, công phu càng cao thì phiền não càng nhẹ. Tại sao phiền não nhẹ? Điều là do buông xả đấy! Bồ Tát tu hành có lợi căn (căn tánh lạnh lợi), có độn căn. Độn căn là gì? Hôm nay buông xả một ít, ngày mai buông xả thêm một ít, đây là tiệm tu

– tu từ từ. Người có lợi căn thì hoàn toàn buông xả, lập tức sanh lên trời, đốn siêu đương nhiên rất nhanh, là sự việc như thế đó. Nếu bạn muốn hỏi người nào đốn căn, người nào lợi căn? Lợi căn và đốn căn không phải sanh ra vốn sẵn có, đó là do bạn có triệt để giác ngộ hay không, triệt để giác ngộ thì một thoáng qua đã buông xả hoàn toàn, đó là lợi căn, thượng căn lợi trí! Do đó phải dám ‘xả’, xả tức là buông xuống.

2. Buông xuống vô lượng pháp, đi sâu vào một môn

Tôi dạy các bạn đồng tu nguyên tắc giảng Kinh, cung cấp tài liệu tham khảo cho các bạn, các bạn chỉ cần lấy một phần mười thì đủ rồi, chín phần còn lại phải chịu buông bỏ, nếu bạn xem câu nào cũng hay, câu nào cũng không chịu bỏ bớt, như vậy thì chuyện phiền phức của bạn rất lớn! Cho nên phải mạnh dạn buông xuống. Ngay cả Phật pháp cũng phải buông xuống, huống hồ là phi pháp? Phải nên hiểu nguyên lý này! Trong biển cả Phật pháp, chúng ta không có biện pháp gì nuốt hết trong một ngậm, nếu muốn thành tựu trong Phật pháp chỉ có cách múc một giọt nước trong biển cả mà thôi, nghĩa là vô lượng pháp môn chỉ chọn lấy một pháp môn, vô lượng Kinh luận chỉ chọn lấy một bộ Kinh luận mà thôi; thông hiểu một Kinh rồi thì

hết thấy Kinh luận đều thông suốt, pháp thế gian và xuất thế gian cũng thông suốt, nếu bạn hỏi tại sao đều thông suốt? Đó là vì Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác.

Nếu trên một bộ Kinh này bạn không đạt được Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh Giác, thì bạn chẳng thông suốt, tiêu chuẩn của sự ‘thông’ là ở đây. Vì vậy mới biết nếu bạn hiểu sơ sơ rất nhiều pháp môn mà muốn đạt được Thanh tịnh, Bình đẳng thì rất khó. Khó vô cùng! Và lại những gì bạn học được đều biến thành thế trí biện thông (*tri thức thế gian*). Tại sao vậy? Tại vì bạn có phân biệt, có vọng tưởng, có chấp trước; mục đích của Phật pháp là không ngoài việc đoạn diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu bạn hiểu được đạo lý này rồi thì bạn mới hiểu được lòng từ bi của giáo giới của lão sư (thầy), họ thiệt là muốn cho chúng ta thành tựu, mà không phải là dạy sai chúng ta. Nếu thầy dạy bạn cái gì cũng học, cái này cũng tốt, cái kia cũng tốt, muốn bạn học rộng nghe nhiều, thế thì vị thầy này có hai trường hợp: một là ma, sợ bạn thành tựu, cố ý hại bạn, làm vậy để bạn không thể thành tựu trong một đời này; còn trường hợp thứ nhì là vô tri, bản thân của họ cũng không biết, cho nên dạy sai cho bạn. Nếu đích thật là thiện tri thức thì họ sẽ không dạy bạn như vậy,

nếu bạn chịu tiếp nhận, họ nhất định sẽ dạy dỗ bạn, sẽ không dạy sai, đó mới thực sự là thiện tri thức.

Cho nên đặt ra câu hỏi: Phật pháp truy cầu những gì? Truy cầu Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Bạn suy nghĩ xem tu học một pháp môn, một bộ Kinh thì dễ đạt được Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác hoặc là tu rất nhiều pháp môn, rất nhiều Kinh luận dễ đạt được? Chúng ta đều có những kinh nghiệm này, các bạn trong ba tháng gần gũi ở đây, những thể nghiệm trong ba tháng vừa qua đều nói lên và chứng minh điều này. Trước kia các bạn học bốn năm trong Phật Học Viện, môn gì trong chương trình học cũng có, ngũ hoa bát môn, hỏi tưởng lại kinh nghiệm học trong bốn năm so sánh với đi sâu vào một môn trong ba tháng tại đây thì sẽ biết ngay. Trong ba tháng học một môn có được một chút thành tựu, một chút tâm đắc hay là trong bốn năm trước học nhiều môn có tâm đắc, có thọ dụng? So sánh hai thứ thì liền rõ ràng minh bạch. Tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ đấy! Kinh Kim Cang nói: *‘Lòng tin thanh tịnh, ắt sanh Thật Tướng’*. Thật Tướng tức là Chánh Giác. Tâm thanh tịnh thì Thật Tướng Bát Nhã sẽ hiện tiền!

Do đó có thể biết buông xuống (buông xả) là một phương pháp vô cùng quan trọng. Chư Phật, Bồ Tát không có bản lãnh gì khác ngoài buông xuống; người thế gian buông xuống không nổi, quý Ngài đều có thể buông xuống hết, bản lãnh của quý Ngài là ở chỗ này. Buông xuống Kiến Tư phiền não tức là buông xuống lục đạo luân hồi; buông xuống tham, sân, si, mạn tức là buông xuống tam ác đạo. Nếu tôi nói ‘Buông xuống tam ác đạo’, thì bạn nói ‘Được, tôi sẽ buông xuống’. Còn nói: ‘Buông xuống tham, sân, si’ thì bạn nhăn nhó mặt mày, cảm thấy rất khó. Bạn không biết tam ác đạo từ đâu đến sao? Nghiệp nhân của tam ác đạo tức là tham, sân, si đấy! Trên ‘quả’ chúng ta không có biện pháp buông xả được, thì phải buông xả từ ‘nhân’, ‘nhân’ buông xuống được rồi thì ‘quả’ sẽ không còn nữa. Thế nên buông xuống Kiến Tư phiền não thì buông xả được lục đạo, lục đạo sẽ không còn nữa; buông xuống Trần Sa, Vô Minh thì thập pháp giới sẽ không còn nữa. Chư Phật, Bồ Tát tu những gì? Quý Ngài tu ‘Nhìn thấu, Buông xả’ đấy!

3. Nhìn thấu, Buông xả được đại tự tại

Nhìn thấu là học vấn, buông xả đòi hỏi phải có công phu, công phu này không phải là võ công ở Chùa Thiếu Lâm, đây là công phu chân thật. Nếu có thể nhìn thấu, buông xuống thì đời sống sanh hoạt của bạn sẽ được đại tự tại (thong dong, thoải mái). ‘Quán Tự Tại’ – Quán Thế Âm Bồ Tát được đại tự tại. Đời sống được tự tại mới là đời sống hạnh phúc thật sự, hạnh phúc mà người thế gian thường nói đến là hữu danh vô thực, không phải thật. Người thế gian nói đến viên mãn cũng là có tên, chẳng thật, duy chỉ khế nhập vào cảnh giới này thì mới thật, mới có thể đạt được hạnh phúc chân chánh mỹ mãn, đạt được đại tự tại.

Quý vị phải biết cảnh giới ‘tự tại’ nói trong ‘Tâm Kinh’ sâu rộng vô bờ bến, không thể nghĩ bàn! Những thí dụ trong Kinh như 32 sự ứng hiện của Quán Thế Âm Bồ Tát, cần ứng thân gì có thể độ thoát thì Ngài sẽ hiện thân ấy; cần nói pháp gì thì Ngài thị hiện và nói pháp đó, đây là chỉ nêu ra vài thí dụ đơn giản để nói rõ sự tự tại của Ngài. Nói thực ra Ngài không có một thứ gì mà chẳng tự tại! Trong đời sống bất luận ăn cơm, mặc áo, từng ly từng tí mọi sự đều tự tại, những gì nói trong Kinh chỉ là đại khái mà thôi, không thể nói kỹ, nói kỹ thì nói không hết. Đừng nói một vị Phật nói không hết, mười phương Như Lai dùng vô lượng kiếp cũng nói không hết. Đây là sự thật chứ không phải phóng đại.

4. Tùy duyên mà không phan duyên¹

Sự lợi ích của Phật pháp ở chỗ nào? Không ai biết, vì không có người nói rõ ra. **Làm một đệ tử Phật chúng ta có trách nhiệm, có nghĩa vụ nói rõ chân tướng của Phật pháp cho đại chúng. Chúng ta có được sự lợi ích này thì phải nên chia sẻ cùng đại chúng, hy vọng người nào cũng đạt được sự lợi ích giống vậy, đây là bòn nguyện của hết thầy chư Phật, Bồ Tát.**

Tại sao có bòn nguyện này? Là tự nhiên mà có, là tánh đức lưu xuất! Trong đó không có người đốc thúc và cũng không có người khuyến khích, tự tự nhiên nhiên sẽ làm như vậy, cũng như lời nói trong Kinh ‘đại từ bi hiển lộ’, bất đắc dĩ chỉ có thể nói như vậy: ‘hoàn toàn thuộc tự nhiên’. Khi xử sự, đối người, tiếp vật trong đời sống của mình phải tùy duyên mà không phan duyên, nhờ vậy nên họ luôn luôn được đại tự tại. Trong tùy duyên, hết thầy sự việc tùy theo tâm niệm mà thành tựu, giống như trong Kinh nói: ‘*Bồ Tát ở Cực Lạc Thế Giới, Bồ Tát ở tha phương Thế Giới hoặc cúng dường A Di Đà Phật, hoặc cúng dường mười phương chư Phật, những vật cúng dường tùy theo ý muốn liền hiện trên tay, tùy niệm liền sanh*’. Thiệt ra chỉ cần khế nhập vào cảnh giới này, trong tất cả sanh hoạt trên thế gian, mọi việc làm đều là tùy niệm mà sanh,

không cần phải tạo tác một tí gì hết, như vậy thì làm sao họ không tự tại được chứ?

Đến khi nào mới đạt được đại tự tại? Khi nào bạn nhìn thấu và buông xuống hết thấy thì sẽ đạt được. Nếu bạn có thể nhìn thấu một phần, buông xả một phần thì bạn sẽ đạt được tự tại một phần. Nếu bạn có thể nhìn thấu hai phần, buông xả hai phần thì bạn sẽ đạt được hai phần; đây là thật không phải giả. Cho nên những người tham lam sẽ vĩnh viễn không đạt được, sẽ vĩnh viễn vọng tưởng. Hễ những người gây tổn hại cho người khác và lợi cho mình đều là những người tham lam; nếu họ không có tâm tham thì làm sao có thể làm việc lợi mình hại người cho được! Người có trí huệ chân thật nhất định sẽ nhìn thấu, buông xuống, xả thân mình phục vụ cho người. Phục vụ cho người tức là làm lợi ích cho chúng sanh, lợi ích cho chúng sanh là chân chánh làm lợi ích cho mình, tự mình sẽ được đại tự tại! **Cho nên phải tùy duyên mà đừng phan duyên. Tại sao vậy? Vĩnh viễn giữ gìn tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác của mình. Nếu bạn phan duyên thì tâm thanh tịnh của bạn hoàn toàn mất hết. Trong lúc phan duyên bạn có phiền não, sanh ra tri kiến, tâm chân thành của bạn bị che lấp hoàn toàn, không thể hiển lộ ra ngoài; thế nên tùy duyên mới tốt!**

Phong phạm (khuôn khổ, mẫu mực) của Liên Trì Đại Sư

Những Đại Đức ngày xưa bất kể là tại gia hay xuất gia đều làm gương mẫu tốt nhất cho chúng ta. Đại đức đầu tiên của Tịnh Tông là Liên Trì Đại Sư, Ngài là người cuối triều Minh, Số Sao của Ngài hay vô cùng; Ngẫu Ích Đại Sư tán thán: ‘bác đại tinh thâm’ (rộng lớn, tinh sâu). Lúc còn ở Triết Giang, đại khái là ở gần Chùa Vân Thê, Hàng Châu, thời bấy giờ còn chưa xây dựng Chùa, Liên Trì Đại Sư đi đến một địa phương và rất thích, phong cảnh trên núi rất đẹp, nên Ngài dựng một túp lều tại đó, ở đó tu tập một mình. Ngài tu hành rất đúng như pháp, như pháp tức là y giáo phụng hành Những gì trong Kinh Đức Phật dạy chúng ta làm, thì chúng ta làm, những gì không cho chúng ta làm thì chúng ta không làm. Liên Trì Đại Sư tu hành rất như pháp, rất nhiều người tán thán là đức hạnh cao. Cao ở đâu? Như pháp tức là cao, không như pháp thì không cao. Cho nên người ở vùng phụ cận rất kính trọng Ngài, nhiều học nhân ở phương xa cũng tôn kính, ngưỡng mộ nên rất muốn kẻ cận Ngài. Từ từ có vài người tụ đến, họ không có chỗ ở nên phải dựng thêm vài túp lều tranh nữa. Sau này càng ngày càng nhiều người đến nên mới làm một số thí chủ cảm động, nhìn thấy nhiều người xuất gia như

vậy, tu hành tốt như vậy, nên họ ra công sức xây dựng đạo tràng. Việc xây Chùa là để an trú tăng, người xuất gia không cần phải nhọc công, bận tâm! Đại khái thì Liên Trì Đại Sư chỉ điếm một chút mà thôi: ‘Nếu quý vị muốn xây thì xây ở đây được rồi’. Hết thấy những ngôi nhà phòng ốc đều do mọi người phát tâm xây dựng, cho nên đại diện được gọi là ‘Thần Vận Điện’, không cầu tự nhiên có.

Cứ như vậy trong vòng mấy chục năm đến một trăm năm, từ từ một ngôi tùng lâm được hình thành, không phải do quy hoạch trước, quy hoạch trước là phan duyên chứ không phải tùy duyên! Trong tâm bạn mỗi ngày đều phải suy nghĩ, bận tâm, tìm mọi cách để hóa duyên, tìm cách để kiếm tiền, bạn xem tâm như vậy mệt quá phải không? Còn tự tại gì được nữa! Có an lạc gì đâu! Sự khổ này từ đâu đến? Tự mình tìm đến! Không có người đem khổ đến cho bạn, đều là do bạn tự tạo, phải hiểu rõ đạo lý này. Cho nên khi nào cần thiết thì khi đó Phật, Bồ Tát sẽ đem đến, tại sao hiện nay không cho bạn một ngôi Chùa lớn vậy? Ngày nay Phật, Bồ Tát tặng cho bạn một ngôi Chùa lớn tức là hại bạn đấy, tại sao vậy? Làm tăng trưởng lòng tham, sân, si, mạn, tăng trưởng phân biệt, chấp trước của bạn. Phật, Bồ Tát tuyệt đối không làm những chuyện này, tuyệt đối không hại chúng sanh, chỉ có ma mới hại chúng sanh.

Cho nên chư vị đồng tu tu hành đến một mức nào đó, có một chút thành tựu thì ma sẽ đến khuấy nhiễu. Ma không phải mặt xanh, nanh nhọn, không có khủng khiếp như vậy, nếu hình dáng dễ sợ thì bạn đã xa lìa nó từ lâu rồi. **Lúc Ma xuất hiện trước mặt bạn, bạn sẽ rất hoan hỷ! Vì hình dáng của Ma xinh đẹp, lại có tiền tài, có thế lực, nó sẽ làm cho tâm bạn không an, làm cho bạn mất hết tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác, tăng trưởng lòng tham, sân, si, mạn của bạn. Nếu không thể tự giác, lúc Ma hiện ra thì bạn sẽ lọt vào tay Ma đến nỗi ngay cả bạn cũng không biết, còn nói Ma đối với bạn rất tốt, rất lo lắng, chăm sóc cho bạn, đều là Ma đấy!**

Kinh Lăng Nghiêm nói về cách phân biệt giữa Phật và Ma rất rõ ràng, cho nên Kinh Lăng Nghiêm thực sự là ‘tám kiếng chiếu yêu’, nếu bạn có thể hiểu rõ thì hết thấy nhân vật mà bạn tiếp xúc, rốt cuộc họ là Ma hay là Phật, bạn vừa nhìn liền thấy rõ ràng. Phật nhất định giúp bạn tăng trưởng thanh tịnh, bình đẳng, giác, đây là Phật, Bồ Tát đến để hộ trì. Nếu che phủ hết thanh tịnh, bình đẳng, giác, tăng trưởng tham, sân, si, mạn thì bạn phải cảnh giác đi, bạn đã lọt vào tay Ma rồi. Đặc biệt là trong thời đại này, trong hội giảng Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật nói: *‘Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng’*. Tà sư là gì? Yêu ma quỷ quái rất nhiều, nhiều vô cùng, không thể nào

phòng ngừa được hết! Huống chi bạn không có trí huệ, không có định lực, không có phước báo, thì bạn làm sao phòng ngừa cho được? Bạn không có cách chi có thể phòng ngừa được hết!

Ngày nay muốn tu phước, nói thực ra nếu đã không tích lũy thiện căn phước đức từ nhiều đời trước thì bạn đi đâu để tu phước! Người có tiền, có thế lực rất nhiều, họ đều muốn tu phước, kết quả là tiền tài của họ đều bị chôn vùi dưới đất, bị trôi ra biển cả, chìm xuống đáy biển, không khởi tác dụng chi hết! Làm sao có thể gọi là tu phước được? Vì vậy nếu muốn trong một đời này thiết có thể Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thì mười điều này vô cùng quan trọng, nếu bạn khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác trái ngược với mười điều này, bất luận bạn niệm Phật niệm giáo cách mấy thì cũng không thể Vãng Sanh, chỉ kết một chút duyên với Phật mà thôi. Nếu bạn niệm Phật có thể tương ứng với mười điều này, vậy thì xin chúc mừng cho bạn, đời này bạn nhất định có thể Vãng Sanh, bạn xứng đáng là đệ tử Di Đà, không là phàm phu, trong Kinh nói: ‘Đệ tử số một của Như Lai’ là chỉ bạn đấy, bạn có thể nhận lấy danh xưng này.

5. Niệm Phật phải tương ứng với thập đức

Điều sau cùng là ‘Niệm Phật’; Phật ở đâu? Chín điều nói ở phía trước đều là Phật. Chân thành là Phật, Thanh tịnh là Phật, Bình đẳng là Phật, Chánh Giác là Phật, Từ bi là Phật, Nhìn thấu, Buông xả, Tự tại, Tùy duyên đều là Phật, sau đó bạn mới biết mười câu này tức là một câu. Đúng như Kinh Hoa Nghiêm nói: *‘Một tức là nhiều, nhiều tức là một’*. Sai biệt và bình đẳng không hai, tách lìa ra nói về từng điều trong mười điều là sai biệt, hợp lại để nói là bình đẳng một thứ, đây gọi là Niệm Phật. Mọi người đều biết lời cổ đức: *‘Một niệm tương ứng một niệm Phật, Niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật’*. Tương ứng với cái gì? Tức là tương ứng với Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh Giác, Từ bi, Nhìn thấu, Buông xả, Tự tại, Tùy duyên. Trong từng tiếng Phật hiệu đều đầy đủ cương lĩnh này, như vậy mới gọi là Niệm Phật. Nếu miệng niệm A Di Đà Phật, nhưng trong tâm toàn là tham, sân, si, mạn thì không phải là người niệm Phật, có câu nói: ‘hết bề công hòng cũng uổng công’, từng tiếng Phật hiệu đều phải tương ứng mới được!

Mười tánh đức trên đều viên dung, hàm nhiếp trong một câu Phật hiệu, như vậy mới gọi là người niệm Phật, đây mới gọi là tu Tịnh Độ. Các bạn đồng học hỏi tôi phải tu như thế

nào? Không có gì khác, cả đời này những gì tôi tu phải là mười điều này, tôi phải tương ứng với mười điều này. Hôm nay có duyên với mọi người tôi truyền thọ mười điều này cho quý vị, trong Tông Môn có ‘Truyền tâm pháp yếu’, thì đây không có gì khác với truyền tâm pháp yếu. **Hy vọng mọi người đều phát tâm Bồ Đề chân chánh, nối tiếp Huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, đây là đại nguyện.** Nếu muốn đại nguyện trở thành sự thật, muốn thực hiện đại nguyện, mà không có tâm hạnh này, thì tâm nguyện đều là giả, không phải thật. **Có tâm chân thành, từ bi, có nhìn thấu, buông xả, niệm Phật mới được, nguyện của bạn mới là chân thực, bạn nhất định có thể làm được.**

Sau cùng, quan trọng nhất là ‘Một là mười, mười là một’, bất cứ một điều nào cũng hàm nhiếp (*bao gồm*) chín điều kia, tuyệt đối không thể tách rời. Do đó điều nào cũng viên dung, hàm nhiếp lẫn nhau, sau khi khế nhập vào thì thật tự tại! Thật hoan hỷ! Bạn đích thân cảm giác được, cảm giác được một cách rất rõ ràng, chư Phật gia trì, chư Phật hộ niệm, Long thiên lo lắng, giúp đỡ; bạn sẽ cảm thấy rất minh hiển rõ ràng, thật là tâm tưởng sự thành. Ngày nay trong tâm chúng ta nghĩ gì cũng đều là vọng tưởng, không thể thành công; tại sao không thể thành công? Vì không tương ứng. Nếu bạn có thể tương ứng thì tức là ‘*trong nhà Phật có cầu ắt ứng*’. Lúc cầu mà

không thể ứng (*câu không toại nguyện*) thì có hai nguyên nhân, một là chúng sanh không có phước, hoặc là hiện nay còn chưa cần tới. Lúc thực sự cần thì vừa động niệm liền hiện ra ngay.

6. Hết thấy phải làm từ tâm chân thật

Cho nên hết thấy đều phải bắt đầu từ tâm chân thật, đây lời giáo huấn của Thiện Đạo Đại Sư. Thiện Đạo Đại Sư là Đức Phật A Di Đà hóa sanh. Trên lịch sử ghi chép A Di Đà Phật hoá thân tái lai có: Thiện Đạo Đại Sư, Vĩnh Minh Diên Thọ Đại Sư, Phong Can Hòa Thượng, đây là việc mọi người đều biết. Di Đà hóa thân đến, những lời Ngài nói tức là A Di Đà Phật đích thân nói vậy. Chúng ta muốn trong một đời này thực sự đạt được hạnh phúc, thực sự đạt được gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thành công thuận lợi, học mười điều này mới thực sự đạt được, tách rời khỏi mười điều này thì đều là có danh không thật, đều không chân thật.

Ở Mỹ chúng tôi đặc biệt lấy mười điều 20 chữ này ghi trên huy hiệu bằng đồng, cúng dường chư vị đồng tu, các bạn đều đã nhận được. Hy vọng các bạn thường thường nhìn thấy, thường thường suy nghĩ đến, hiểu rõ ý tứ trong đó thật là vô cùng sâu rộng, không những bất kỳ một điều nào cũng bao

hàm hết chín điều kia, bất kỳ điều nào cũng hàm chứa hết thảy vô lượng diệu lý của chư Phật, hàm chứa hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, nếu bạn hướng về phía này mà nhìn thì ý thú vô cùng sâu xa. Tương lai khi chúng ta giảng Kinh thuyết pháp, khuyến đạo chúng sanh, mục đích của mỗi lần diễn giảng, bất luận thời gian nói chuyện dài hay ngắn, nội dung sâu cạn đều không kể, bạn phải đặt câu hỏi bạn dạy người ta những gì? Nếu bạn dạy một điều trong mười điều này thì phương hướng, mục tiêu của bạn sẽ chính xác. Trong lời giảng của bạn có hàm chứa thực chất! Sẽ không có trường hợp người ta nghe hết nửa ngày rồi cũng chẳng biết bạn đang nói những gì, bạn thực sự có thể dẫn dắt hết thảy chúng sanh hướng về Phật đạo. Mỗi chữ mỗi câu trong mười điều này đều là Phật đạo, mọi người phải hết lòng nỗ lực làm theo. Ở nước ngoài có rất nhiều địa phương muốn mời bạn đi giảng Kinh, chờ đợi bạn đi hoằng pháp, nhân duyên vô cùng hy hữu, hy vọng mọi người đều trân trọng.

**Phụ lục 1: Cứu vãn kiếp nạn, hóa giải tai nạn phải đẩy
mạnh bốn thứ giáo dục**

(Giáo dục gia đình là căn bản của hết thảy giáo dục)

Chúng ta đã nói rất nhiều lần, xã hội an định, Thế Giới hòa bình, nhân dân hạnh phúc được xây dựng trên cơ sở của bốn sự giáo dục, trong đó gốc rễ của giáo dục là giáo dục gia đình, sau đó đến giáo dục trong trường học, giáo dục trong xã hội làm cho nó trưởng thành, cuối cùng tức là giáo dục Tôn Giáo.

Phải biết sự an nguy của xã hội quyết định ở tại gia đình; sự an nguy của gia đình quyết định ở trên vợ chồng. Sách ‘Trung Dung’ nói: *‘Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ’* (Đạo của người quân tử khởi đầu từ vợ chồng) cho nên vợ chồng có sự kết hợp hoàn hảo thì sẽ có gia đình hoàn hảo; có gia đình hoàn hảo thì sẽ có xã hội hoàn hảo; có xã hội hoàn hảo thì sẽ có quốc gia hoàn hảo, Thế Giới hoàn hảo. Nếu như gia đình không kiện toàn, thậm chí không may vợ chồng phải ly hôn, con cái của họ tương lai có thể sẽ biến thành những người có vấn đề trong xã hội, vì chúng nó thiếu thốn sự thương yêu của cha hoặc mẹ, tâm lý dễ sanh ra bất bình thường, nếu không dụng tâm dạy dỗ, không có thầy giỏi bạn tốt vây quanh huấn dụ, sau khi trưởng thành rất dễ biến thành những kẻ gây rối xã hội!

Mục đích chính của giáo dục Tôn Giáo là: thăng hoa hoàn cảnh con người. Từ sự giúp đỡ từng người chuyển ác

thành thiện, chuyển mê thành ngộ, cho đến chuyển phàm thành Thánh, thoát ly sanh tử luân hồi, thoát ly lục đạo, thập pháp giới. Nhưng các bạn đồng tu phải biết, gốc rễ của nền giáo dục Tôn Giáo cũng vẫn là giáo dục gia đình. Nếu chúng ta coi nhẹ điểm này thì không những không độ nổi người khác, việc tự độ cũng sẽ không thực hiện được.

Chúng ta phải có trí huệ chân thật, phải nhận rõ cốt lõi của vấn đề, xã hội ngày nay động loạn, giữa người với người không có tâm thương yêu đùm bọc, không tin tưởng lẫn nhau, giữa các chủng tộc không tin tưởng nhau, giữa các Tôn Giáo cũng không tin tưởng nhau, giữa các quốc gia cũng không tin tưởng nhau đều là vì giáo dục có vấn đề! Không tin tưởng sẽ nghi ngờ, dần dần đi đến hiểu lầm, đề phòng lẫn nhau, từ từ dẫn đến thi đua phòng bị quân sự, một khi hai bên chạy đua gia tăng thiết bị quân sự thì càng tăng thêm nghi ngờ lẫn nhau, cuối cùng thì chiến tranh bùng nổ một cách vô duyên cớ! Tương lai chiến tranh có xảy ra thì quý vị đều biết cho dù võ lực của nước Mỹ có vượt trội hơn bất kỳ nước nào khác, nhưng một khi chiến tranh xảy ra thì không có kẻ thắng người bại, tất cả đều đi đến hủy diệt, đây đều là lời của các khoa học gia nói, chiến tranh hạch nhân là chiến tranh hủy diệt lẫn nhau, là chiến tranh không có ai thắng ai bại.

Nhận định: Gần đây sự xung đột giữa Ấn độ và Pakistan bộc phát từ Tôn Giáo tín ngưỡng khác nhau, kỳ thị, bài xích lẫn nhau, cuối cùng đi đến thù hận, vì cả hai bên đều có vũ khí nguyên tử, một khi chiến tranh bộc phát, chỉ cần một bên công cuồng, liều mạng dồn hết sức lực vào ván bài cuối cùng, thì chiến tranh nguyên tử rất có thể xảy ra, thế nên những nước lân cận vô cùng lo âu, sợ bị liên lụy. Từ đây có thể thấy sự quan trọng của việc đẩy mạnh bốn thứ giáo dục kể trên để có thể tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau, hóa giải hiểu lầm và thù hận.

Phụ lục 2: Khai thị tâm yếu của Ấn Quang Đại Sư

‘Đôn Luân Tận Phận, Nhàn Tà Tồn Thành, Tín Nguyện Niệm Phật, Cầu sanh Tịnh Độ’.

Đôn Luân Tận Phận. Đôn nghĩa là thành khẩn hòa mục, Luân chỉ nhân luân. Đôn Luân nghĩa là người với người đối xử tương thân tương ái lẫn nhau. Đại sư nói với chúng ta: phải làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của con người. Trách nhiệm và nghĩa vụ này chính là bốn phận của mọi người nên làm. Những gì là bốn phận của mọi người phải nên làm? Tức là

luân thường, và cũng là quan hệ giữa vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè. Nếu có thể hoàn thành trọn vẹn năm thứ quan hệ này gia đình mới hạnh phúc, xã hội, quốc gia mới an định.

Quan hệ vua tôi ngày nay nghĩa là quan hệ giữa người cấp trên và người cấp dưới hoặc là giữa chủ và nhân công. Phải làm sao? Tức là ‘Vua dùng lễ đối đãi với bầy tôi, bầy tôi dùng ‘trung thành’ để đối xử với vua’; người chủ phải biết tôn trọng và lo lắng cho nhân công, đối với những việc mà cấp trên giao phó, nhân viên phải phụ trách trung thành, hết lòng đi làm, đây là đạo lý quân thần (giữa người lãnh đạo và người thuộc hạ). Đạo lý cha con là: người làm cha phải dùng bản thân của mình để làm nguyên tắc, làm gương tốt cho con cái, nghiêm nghị dạy dỗ cho con cái thành người tốt, người thiện, đây mới là từ ái chân chánh. Làm con phải cảm được ân đức dạy dỗ, dưỡng dục của cha mẹ thì tự nhiên phải hiếu kính cha mẹ. Đạo lý vợ chồng là then chốt của hạnh phúc gia đình, chìa khoá làm cho xã hội an định. Vợ chồng hòa hợp thì gia đình mới có hạnh phúc, và mới có đời sau ưu tú, kiện toàn. Cho nên làm chồng phải có trách nhiệm với gia đình, có tình nghĩa với vợ, có ân nghĩa đối với cha mẹ, con cái. Làm vợ nhất định phải hòa thuận, uyển chuyển, cùng với chồng dạy con, diễn vai trò người vợ hiền, dâu thảo, mẹ hiền. Đạo lý anh em: tình anh chị

em như chân tay, thương yêu lẫn nhau, lo lắng chăm sóc cho nhau, không làm cho cha mẹ bận tâm, đây cũng là làm tròn đạo hiếu. Đạo lý bạn bè: giao thiệp với bạn bè phải kết rộng thiện duyên, tìm cầu tín nghĩa, dùng tâm thành giao thiệp, được vậy mới có thể duy trì tình bạn lâu dài.

Năm thứ quan hệ kể trên là gốc rễ của luân thường, năm thứ căn bản này là để xây dựng hạnh phúc gia đình mỹ mãn, là then chốt cho sự an định xã hội, quốc gia.

Nhàn Tà Tồn Thành: Nhàn nghĩa là ngăn ngừa, đình chỉ. Tà nghĩa là tà ác. Nhàn Tà tức là ngăn ngừa tà ác xâm nhập. Trong đời sống sanh hoạt hằng ngày cần phải giữ tâm thanh tịnh, tĩnh tọa thường suy nghĩ coi mình có lỗi lầm hay không để phòng ngừa hết thảy tà nhiễm. Tồn Thành nghĩa là giữ gìn tâm tánh trung thành, khi đối xử với người và xử lý công việc thường giữ tâm cung kính kiên thành, lâu dần tự nhiên có thể chân thành trong tâm và biểu hiện ra ngoài, nhân cách và việc làm của bạn nhất định sẽ được mọi người tôn sùng và kính yêu.

Tín Nguyện Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ: Thật sự thiết tha tin tưởng A Di Đà Phật thì chỉ cần dùng tâm chân thành để niệm Phật một cách liên tục, nhất định có thể Vãng Sanh Cực Lạc Thế Giới, thân cận Di Đà, và chư thiện tri thức,

cùng làm học trò của Đức Phật A Di Đà, vĩnh viễn thoát ly sự khổ của sanh tử luân hồi.

Tôn hảo tâm, thuyết hảo thoại, hành hảo sự, tác hảo nhân.

Giữ tâm tốt, nói lời lành, làm việc tốt, làm người tốt.

Tu hành bắt đầu từ sửa đổi tâm niệm.

Lão Hòa Thượng Tịnh Không chỉ rõ: phương pháp sửa đổi vận mạng phải dựa vào sự chuyển biến chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành Thánh.

Các vị đồng tu đều biết ‘trồng nhân thiện thì được quả thiện’, nhưng nếu nghiệp báo chưa chuyển trở lại thì rất dễ than trời trách người, trách Phật, Bồ Tát không linh, trách thần không phù hộ, ắt phải kiểm thảo nguyên nhân của nó. Chuyện Du Tịnh Ý gặp Táo Thần (Táo quân, Thần bếp) rất đáng để chúng ta nghiên cứu tham khảo. Làm việc thiện không phải chỉ làm trên công phu bề ngoài, ngoài ‘khẩu thiện, thân thiện’ càng quan trọng hơn phải là ‘tâm thiện, ý thiện’.

Những Đại Đức thời xưa dạy ‘Tu hành phải bắt đầu từ căn bản’, căn bản là tâm, là ý niệm, chỉ cần tâm bạn thiện, ý niệm thiện thì không có nghiệp báo nào mà không thể chuyển đổi được, và cũng không có tai nạn gì không thể hóa giải được. Cũng giống như một cây cỏ thụ, tâm là rễ, ý niệm là gốc, thân là cành, khấu là lá, nếu bạn tu sửa trên cành lá mà gốc rễ đã mục nát thì không thể nào cứu được! Phải sửa đổi gốc rễ, căn bản trước, cành lá sẽ rất dễ chuyển biến.

A Di Đà Phật

Trong quá trình chuyển ngữ chắc không tránh khỏi thiếu sót, xin các bậc thức giả hoan hỷ phủ chính cho.

Xin thành thật cảm ơn.

Một nhóm Diệu Âm Cư Sĩ, 9-4-200

Hết

¹ .Phan duyên nghĩa là nương theo cảnh vật bên ngoài mà nghĩ tưởng, toan tính, và hành động bằng thân và miệng.